

# A DI ĐÀ KINH SỐ SAO

## QUYỂN 3

*Liên Trì Đại Sư Soạn*

*Thuật Giả: Tổ Chu Hoàng*

*Việt Dịch: Hoà Thượng Hành Trụ*

# QUYỂN THỨ BA

## QUYỂN 3A

Đất Cổ Hàng chùa Vân Thê Sa Môn Chu Hoằng thuật lại.

THIÊN NHẠC VŨ HOA (phân ra làm bốn phần)

1. Thiên nhạc (nhạc trời)
2. Kim địa (đất vàng)
3. Vũ hoa (tuôn hoa)
4. Tổng kết (tóm kết)

## THIÊN NHẠC

Lại này nữa Xá Lợi Phất! Cõi nước của Phật kia thường trỗi nhạc trời.

SỚ: Văn trước kể ao báu, văn đây nói trên đất bằng vàng, có hoa trời, nhạc trời xen lẫn chói hực. “Nhạc trời” là khác với nhạc đời vậy. “Thường trỗi” là không hờ dứt vậy.

Sao: “Khác với nhạc đời” là Kinh Đại Bản nói: Cõi trời thứ nhất có 4 vua Trời và các vị Thiên nhơn đem trăm ngàn món hương hoa, trăm ngàn tiếng âm nhạc để cúng dường Phật và các vị Bồ Tát, chúng Thịnh Văn. Cõi trời thứ hai, trời Đế Thích (đức Chúa Trời) và 32 vua trời, với cả các đức Chúa Trời ở Dục giới cho đến trời thứ bảy là cõi trời Phạm (Phạm Thiên), tất cả các trời đều đem hoa thơm, nhạc hay của mỗi cõi lần lượt gấp bội phần, đem dâng cúng Phật và đại chúng.

Lại nói: “Cũng có tự nhiên muôn món kỹ nhạc, không món nào là chẳng phải tiếng nói pháp, thanh tao thanh thót, rõ hay thanh nhã; tất

cả các tiếng tằm khác không thể sánh kịp”.

Quán Kinh nói: “Có vô lượng các vị trời và thần trời tiếng nhạc trời. Lại có các món đồ âm nhạc, như treo tòn ten ở trên hư không, tựa hồ các bửu tràng của trời Đê Thích, không ai khảy mà nó tự kêu”. Vì thế những tiếng nhạc của các vị thiên nhơn đánh kia, không phải trong nhơn gian này có được. Cho nên nói “khác với nhạc đời” vậy.

“Không hở dứt” là: Nhạc đời cần người, có đánh, có nghỉ. Nhạc Trời tự kêu, cho nên nói “thường trời” vậy. Nay người niệm Phật, ngày lâm chung, có nhạc trời rước trên không, chính cõi Tịnh Độ mới có nhạc trời thường trời vậy (Trời: thiên nhiên, tự nhiên, nghĩa là sẵn sàng).

Sớ: Xứng lý thời tự tánh có muôn đức dung hòa là nghĩa thiên nhạc.

Sao: Tự tánh như thật không thời chẳng dính một mảy trần; như thật chẳng không thời lẫn bày muôn đức, điều hòa và xuôi thuận chẳng trái, đầm thắm một mực không sai. Mức nhẫn tán (nhẫn nhục, tinh tấn) vừa chừng cao thấp như tiếng quyên reo, tiếng trì trời. Chỉ Quán đều thành Định Huệ thời tiếng khánh dứt, tiếng chuông khua. Giọng từ bi thương mà không hại, nhíp hỷ xả, vui mà không đắm (1). Thiên nhạc như thế, chẳng những không khua, lại còn không tiếng. Tiếng Võ lặng, tiếng Cung trầm nhưng vang cả trời, rền cả đất.

Kim Địa Vàng rờn làm đất.

Sớ: Văn đây noi theo trước để khởi văn sau, nói Cực Lạc thế giới trên thời có nhạc trời, dưới đất có vàng la liệt. Mà ở trên đất vàng rờn ấy, chẳng những tai nghe tiếng nhạc trời, mắt cũng được thấy hoa trời

nữa.

“Vàng ròng” là nói trên đất bằng ngọc lưu ly xen thêm thứ vàng ròng. Song cũng nhiều thứ báu, không như định (vì tùy công đức tu niệm Phật đến đâu được đến đó).

Sao: “Xen thêm vàng ròng” là gì? Như trong Quán Kinh nói: “Thấy đất lưu ly trong ngoài ánh suốt. Dưới có trụ kim tràng bằng ngọc kim cang thất bảo, đỡ đội trái đất lưu ly. Hình tràng có tám khía, bằng trăm món báu hiệp thành. Mỗi thứ ngọc báu phóng ra hàng nghìn tia sáng. Mỗi mỗi ánh sáng có tám vạn bốn nghìn màu sắc, chói hực trên quả đất lưu ly như ức nghìn mặt nhật. Trên quả đất lưu ly, có các dây bằng vàng ròng, lộn lạo xen nhau. Lại có bảy thứ ngọc báu làm giới hạn chùng ngăn rành rẽ”.

Cứ đây thời quả đất vốn là lưu ly mà vàng ròng lại là món trang nghiêm để cản lót, ngăn ranh trên mặt đất vậy.

Kinh Đại Bản nói: “Cõi kia tự nhiên (sẵn có) bảy món báu, thể tánh nó mềm mại ấm áp, xen nhau làm đất. Hoặc chỗ thì thuần một món báu, ánh hòa quang chói vọi, vượt khỏi mười phương, rộng rãi, thênh thang không thể cùng tột. Đất đều bằng phẳng không có núi Tu Di và các non, biển, hàm, hố, giếng, hang và các chỗ u ám”.

Cứ đây, thời cũng có thể nói: Cõi đất kia chỉ toàn là bằng vàng ròng. Bởi vì nước kia rộng lớn, chẳng những một góc vàng ròng hay lưu ly. Đó là chỉ nói một, hoặc hai món báu đó thôi. Thật ra cả các món báu hợp thành cõi đất, thế thì sẽ còn ngọc báu nhiều đến vô cùng!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh chơn như bình đẳng là nghĩa đất vàng.

Sao: Chơn Như thời không tạp, không uế, không đôi, không dôi, trái muôn kiếp mà thường mới. Bình đẳng thời chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng thấp là chỗ nghìn bậc thánh, chung nơi (đi). Phật Tỳ Xá Như Lai nói: “Trước phải bình cái tâm địa thời thế giới mới bình” (2). Như ông Xá Lợi Phất tâm có cao thấp mới thấy rõ cõi này gò nông, hàm hố. Cho nên chỗ đi của mỗi người là vàng ròng, đâu đợi đức Như Lai lấy ngón chơn nhân dưới đất (3).

### **Vũ Hoa (phân ra làm ba phần)**

1. - Thiên vũ diệu hoa (Trời rải bốn thứ hoa quý)
2. - Trì dĩ cúng Phật (chúng đem hoa cúng Phật)
3. - Cúng dĩ tự thích (cúng rồi tự vui sướng)

### **Thiên Vũ Diệu Hoa**

Ngày đêm sáu thời trời rải hoa Đà-La.

Sớ: Nói trên quả đất vàng ròng đây thường rải hoa tốt đẹp vậy. Cõi kia không núi Tu Di và mặt nhật, mặt nguyệt mà nói sáu thời là lấy hoa nở chim kêu làm chừng vậy.

Hội niệm Phật ở non Lô Sơn dùng cái đồng hồ hình hoa sen là phỏng theo ý Kinh này.

Sao: Cõi này mặt nhật, mặt nguyệt xoay vòng quanh núi Tu Di mà phân ra ngày đêm. Như vị trí Châu Thiệm Bộ chính ngay phía Nam núi Tu Di, ban ngày, lúc hừng sáng là mặt nhật đi đã đến phân nửa Đông Châu; kể nó vòng qua Nam Châu. Lúc cuối ngày là mặt nhật đi đã đến phân nửa Tây châu. Ban đêm, lúc đầu hôm là mặt nhật nó đi đã đến phân nửa Tây châu; kể nó vòng qua Bắc châu; lúc cuối đêm là mặt

nhật đi đã đến phân nửa Đông châu. Mặt nhật đi giáp một vòng như thế là phối với 12 giờ, 6 giờ ban ngày, 6 giờ ban đêm là một ngày vậy. Nước kia đã không núi Tu Di, lại không mặt nhật, mặt nguyệt, sáng mãi không tối, ngày đêm không phân biệt, chỉ lấy hoa nở, chim kêu làm ngày; hoa xấp, chim đậu (nghỉ) làm đêm vậy. Song với mặt nhật, mặt nguyệt có hay không? Thì các bản dịch nói chẳng đồng, như bản dịch đời nhà Hán nói: “Mặt nhật mặt nguyệt ở giữa hư-không”. Bản dịch nhà Ngô cũng như nhà Hán. Nhưng ngài Vương Nhật Hưu lại nói: “Ở giữa hư không mà không vận chuyển”. Bản dịch nhà Tào Ngụy chẳng nói có hay là không. Còn bản dịch nhà Đường và nhà Tống quyết định rằng không có. Nếu hòa hợp lại để nói thì là mặt nhật, mặt nguyệt tuy có, nhưng do vì hào quang của Phật và thánh chúng che lấp ánh sáng thì dù có cũng như không vậy. Song mà xét cho tột lý, không có là phải hơn. Vì sao? Từ cõi trời Đạo Lợi sắp lên, còn không cần ánh sáng của mặt nhật, mặt nguyệt, huống chi nước Cực Lạc?

Hay là bản dịch đời nhà Hán, trên hai chữ "nhật nguyệt" thiếu hai chữ "không có" cũng chưa biết được?! Vậy nhờ bậc cao minh giải rõ cho!!

“Đồng hồ hình hoa sen” là: Tổ Huệ Viễn lập hội nhóm chúng niệm Phật tại non Khuôn Lô, chạm cây làm hình hoa sen đủ 12 cánh, dẫn giọt nước chảy vô ao hồ, chia phiên niệm Phật. Mỗi một giờ là nước ngập một cánh; ngày đêm 6 thời, thiên tưng không trể. Các bậc hội viên tu niệm Phật được vãng sanh rất nhiều. Người đời nay phân thời tu Tịnh nghiệp là gốc của tổ Huệ Viễn căn cứ nơi Kinh này.

Sớ: “Mạn Đà La” là tên hoa trên trời, đây dịch là Thích Ý, lại dịch Bạch Hoa. Trời rải hoa là khen ngợi đạo đức như sự tích ông Không Sanh (Tu Bồ Đề) và trời Đế Thích.

Sao: “Bạch hoa” là gì? Hoa trời nhiều thứ, như Mạn Thù Sa là thứ hoa đỏ; nay chỉ nói có một thứ hoa trắng là bột vãn cho gọn. Cũng có thể nói phương Tây thuộc Kim, lấy nghĩa là nghiệp trắng sạch.

“Thích ý” là gì? Hoa trời xinh tốt, làm vui đẹp ý người vậy.

Kinh Đại Bản nói: “Tất cả chư thiên đều đem trăm nghìn hoa thơm trên cõi trời, đến cúng dường đức Phật kia, các vị Bồ Tát, cùng chúng Thinh Văn”.

“Khâm khen” là gì? Người đời làm lành, các vị trời hoan hỷ, hưởng chi nước kia đức Như Lai, các vị Bồ Tát và Hiền Thánh toàn là bậc Thượng Thiện cùng nhau nhóm họp nên trời, thần khen ngợi rải hoa, lẽ cố nhiên, phải vậy. “Nhu ông Không Sanh (Tu Bồ Đề) và trời Đế Thích”: ông Không Sanh (Tu Bồ Đề) yên ngôi, trời Đế Thích rải hoa. Ông Tu Bồ Đề hỏi: “Ai ở trên không rải hoa đó?” Đáp: “Tôi là Thiên Đế. Do vì tôn giả nói pháp Bát Nhã rất hay!”

Xem đây nên biết, những người vãng sanh về Tịnh Độ là bậc đều đặn nhứt tâm bất loạn thời các vọng niệm chẳng sanh, muôn pháp vắng lặng, tức là khéo nói pháp Bát Nhã, cảm động đến các trời, còn nghi chi nữa?

Sớ: Lại hoa có hai thứ: 1) Hoa trời, 2) Hoa cây. Nay chỉ nói hoa trời là vì hoa trời gồm cả hoa cây vậy.

Sao: “Hoa trời” là từ trên trời rải xuống, nghĩa như vãn trước đã

giải.

“Hoa cây”: Kinh Đại Bồn nói: “Bốn phương tự nhiên nổi gió, reo ra năm trăm thứ tiếng thổi các hoa cây. Hoa tiết ra mùi hương lạ theo gió bay khắp bốn phương, bay đến chỗ các vị Bồ Tát, Thinh Văn đại chúng. Hoa rơi xuống đất, chứa dày bốn tấc, sáng ngời chói mắt, thơm tho không chi bằng. Đến lúc hoa hơi héo, tự nhiên gió thổi cuốn đi”. Thế thì cõi kia cũng có rải hoa cây, cho nên nói “hoa trời đã gồm có hoa cây” là thế.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh mở tỏ nghĩa là hoa đẹp.

Sao: Tự tánh còn mê như hoa còn búp; tự tánh thoát ngộ, như hoa nở xòe. Lại màu sắc rực rỡ, không vẽ mà thành, mùi thơm bát ngát, chẳng đi mà đến. Hoa rải tự nơi không, chẳng trồng mà mọc, chẳng hái mà tự nhiên rơi xuống. Tự tánh thần linh thông đạt cũng lại như thế!

### **Trì Dĩ Cúng Phật**

Chúng sanh cõi kia thường mỗi bữa sáng sớm, mỗi người lấy cái y kích, hứng đựng các thứ hoa đem đi cúng dường 10 muôn ức Phật ở phương khác. Ngay trong giờ ăn sớm, về đến nước mình.

Sớ: Văn đây nói trời rải hoa, chúng sanh lấy đi cúng Phật. “Chúng sanh” là chừa Phật ra, còn thì đều là chúng sanh. “Sáng sớm” là một trong sáu giờ vậy. “Y kích” là cái đựng hoa. Cúng Phật rồi trở về nước còn trong thời ăn sớm là vì bay đi bằng phép thần túc thông vậy.

Sao: “Chừa Phật ra” là duy có một mình Phật, riêng xưng là bậc



Đại Giác, còn từ bực Bồ Tát sắp xuống, nhấn đến kẻ sơ tâm phạm phu vãng sanh về nước kia đều kêu là “chúng sanh”, với Phật tương đối.

“Một trong sáu thời” là sáng sớm là thời trước nhất trong một ngày. Lấy buổi sáng sớm đi cúng Phật là để tỏ lòng chí kính vậy.

Lại lúc sáng là lúc khí đêm còn thanh mảnh (tươi vui). Sáng sớm cúng Phật là dùng tâm còn trong sạch vậy.

Chúng sanh nước kia, tuy ngày đêm nhứt tâm (bất loạn) vốn không thanh trực; nhưng người chưa chứng lên bực Phật còn có chút vô minh, chạm việc gặp duyên, chi cho khởi xúc động; cũng lấy lúc vừa rạng sáng, gọi là tâm thanh mảnh. Cũng có thể là tùy thuận phương này mà tạm nói là sáng sớm vậy.

“Thường” là gì? Vì mỗi bữa vẫn thường như vậy, vì không nhàm mỏi.

“Mỗi người” là vì mỗi người đều như thế, vì không ai siêng năng, không ai lười biếng. “Đồ đựng hoa”: Ngài Chơn Đế nói: “Y kích là cái đồ đựng hoa của người ngoại quốc; hoặc nói cái y khâm (giỏ lam), cũng như lấy vạt áo đựng hoa”. Nói “phương khác” là từ nước mình đến phương khác; đây không nói nước mình là bót vắn. “Mười muôn ức đức Phật”: Mỗi một đức Phật là một cõi Đại Thiên, 10 muôn ức là nói chỗ rộng xa vậy.

“Thời ăn” là bữa ăn sớm mai; sáng sớm đến bữa ăn buổi mai là thời rất ít. Lấy thời rất ít cúng Phật rất nhiều là nói sự đi rất chóng vậy.

Như Kinh Đại Bản nói: “Các vị Bồ Tát nương oai thần của Phật chùng trong một bữa ăn khắp đến 10 phương vô lượng thế giới cúng

dường các vị Phật. Đồ hoa hương, kỹ nhạc, y phục bảo cái, tràng phan, vô số đồ cúng. Hoặc muốn dung hoa thời ở giữa hư không hóa thành cái bửu cái bằng hoa. Khấp 40 dặm nhẫn đến sáu trăm, tám trăm dặm, đều y theo ý muốn lớn nhỏ, đứng dừng giữa hư không. Cái thế nó đều xủ xuống, dùng thành pháp cúng dường. Lại dùng tiếng rất hay để khen ngợi đức Phật, nghe lãnh Kinh pháp. Đã cúng dường xong, thoát nhiên bay bổng, về đến nước mình còn chưa đến giờ ăn sớm.

Cứ đây, thời có đủ thứ những đồ cúng dường, lại hóa tràng hoa thành những tán cái và cúng rồi nghe pháp nữa.

Văn đây chỉ nói dùng hoa cúng dường đều là bớt văn vậy.

Thế nào là thần túc? Như Kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, người trong cõi của ta đều đặng pháp Thần Túc Thông, trong một phút trải qua trăm nghìn vạn ức số na do tha thế giới”.

Lại nguyện rằng: “Liên đặng pháp túc mạng thông”. Lại nguyện rằng thiên nhãn thông. Lại nguyện rằng thiên nhĩ thông. Lại nguyện rằng tha tâm thông.

Thế thì biết, người sanh nước kia, sáu phép thần thông tự tại không những bay đi mà thôi; nhưng đây không nói cũng là bớt văn vậy.

Sớ: Xét pháp thần túc thông đây, các vị Bồ Tát về bực Thập Trụ, Thập Hạnh mới có như trong Kinh Hoa Nghiêm nói.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bực Bát Trụ Bồ Tát trong một giây phút dạo đi giáp vô số thế giới”.

Lại trong Kinh Thập Hạnh, lời tụng nói: “Cõi Phật vô biên không có số đếm, vô lượng chư Phật ở trong đó. Các vị Bồ Tát ở trong đó thân cận cúng dường sanh tâm tôn trọng”. Thế thời với pháp thần túc nay đây hàng Tiểu thừa đâu dễ kịp ư?

Hỏi: Thế thời ba món ý sanh thân sẽ thuộc về bực nào?

Đáp: Kinh Lăng Già nói ba món chia ra thuộc Thịnh Văn, Bồ Tát và bực Đại Thánh (4).

Thời biết người sanh về nước kia, tùy chỗ tu của mình đều có chỗ sở chứng, lệ như trong văn cửu phẩm.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh tự trang nghiêm là nghĩa “đựng hoa cúng dường”. Tự tánh tự biến khắp là nghĩa “mười muôn ức cõi Phật”. Tự tánh tự lặng không là nghĩa “thời ăn về kịp”. Tự tánh tự trụ là nghĩa “nước mình”.

Sao: “Tự trang nghiêm” là tâm vốn đủ trùm muôn đức; trở lại dùng muôn đức để nghiêm tâm. Đức mà không khoe chỗ đức, nghiêm mà không trụ chỗ nghiêm, đó mới chính là chơn thật cúng dường.

Kinh Tư Ích nói: “Người mà hay cúng dường cho Phật thời người ấy thông đạt lý vô sanh”.

Kinh Bảo Võ nói: “Kẻ nào tư duy đúng như lý, tức là cúng dường đức Như Lai đó vậy”. “Tự biến khắp” là do tự tâm khắp tất cả xứ, tức là đều dâng thờ mỗi vị Phật, không bỏ luống qua vậy.

Cho nên Kinh Duy Ma nói: “Đồng thời cúng dường, không trước, không sau”. “Tự lặng không” là : Tâm thể vốn vắng không, không thì không tới, không lui. Cho nên chỉ thời ăn về kịp, chỉ đối với sự vật và

lặn lội ở phương này mà thôi. Thật ra thời không vượt ra ngoài sát na (một niệm) đã trở về nước rồi.

“Tự trụ” là nguồn tâm vắng lặng, thường trụ không dời đổi; đó là cái chỗ: quê xứ ruộng đất để an thân lập mạng của mỗi người.

Kinh Kim Cang nói: "Huòn chí bốn xứ" tức như Kinh này nói: "Huòn đáo bốn quốc". Đây mới đáng gọi là vụ bốn, gọi bằng quân tử vụ bốn; người quân tử chuyên về việc gốc là bốn phận.

### **Cúng Dĩ Tự Thích**

Ăn cơm rồi đi Kinh hành.

Sớ: Nương văn trên nói giờ ăn, cho nên kể đây nói việc ăn. “Đi Kinh hành” là nghĩa xoay vòng không dứt. Về rồi ăn, ăn rồi đi là cái dáng thành thoi, tự thích vậy.

Sao: “Ăn cơm” là gì? Kinh Đại Bồn nói: những người được vãng sanh đến giờ ăn cơm, với các bình bằng bạc, bằng vàng, mỗi món bát báu tùy ý muốn thứ nào, tự nhiên nó hiện ra thứ nấy; trăm món ẩm thực đầy đầy trong đó. Chua, mặn, ngọt, lạt, đều theo sở thích, không dư không thiếu, không vì sự ăn quá lượng. Ăn rồi tự tiêu, chứ không còn cặn phần. Hoặc người ăn bằng cách thấy sắc nghe hương, tưởng lấy làm cách ăn, tự nhiên no đủ, không đắm thèm chi, thân tâm nhẹ nhàng. Ăn xong rồi, các đồ nó tự biến hóa đi, đến giờ ăn nó lại tự hiện ra.

“Xoay vòng” là như đường canh suốt đường chỉ, thoi dệt liên kết, qua lại không thôi vậy. “Ăn rồi lại đi” là: 1.- Do điều hòa thân thể, đừng để ngưng trệ. 2.- Điều hòa tâm trí, chớ cho buông lung. “Thành

thời” là ý nói rảo bước tự rồi. Người đời ăn rồi, nếu không giông ruồi việc trần thời cũng mãi mê giấc ngủ; còn ở nước kia, ăn rồi đi tản bộ bằng cách Kinh hành, là với cái thể dạng giải thoát, cái trạng thái tiêu diêu, khá tưởng thấy vậy.

Sớ: Chỉ nói ăn cơm, không nói đến áo mặc v.v... Chỉ nói đi Kinh hành, không nói đến ngồi nằm v.v... cũng là bớt văn vậy.

Sao: “Áo mặc” là Kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật người trong cõi của ta, ý muốn có áo mặc thì nó tùy theo niệm liền đến, không cần cắt may, nhuộm đập giặt xả. Lại còn có vô lượng đồ y phục tốt đẹp như: mào, ngọc, vòng, xuyên, hoa tai, chuỗi anh lạc, tràng hoa dây chuyền, các ngọc báu rực rỡ, trăm nghìn sắc đẹp, tự nhiên hiện ở nơi mình”.

Lại nguyện rằng: “Còn có vô lượng như ý diệu hương, hương thoa, hương bột thơm tho bát ngát khắp cả nước Phật kia”. Nên biết không nói áo mặc vì nói cơm ăn là gồm áo mặc và tất cả đồ nuôi sống.

Không nói đến sự ngồi nằm đó, Kinh giáo có chia ra bốn pháp tam muội: 1.- Thường hành Tam muội; 2.- Thường tọa Tam muội; 3.- Bán hành bán tọa Tam muội; 4.- Phi hành phi tọa Tam muội (5).

Chính trong văn đây thời chỉ có pháp thứ nhứt, song trong hai bộ (Đại Bản và Kinh này) đều nói người vãng sanh ngồi trong hoa sen.

Kinh Ban Châu Tam muội thời nói đứng, nên biết: vì nói pháp đi đã gồm pháp ngồi và luôn bốn oai nghi vậy.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh thường định là nghĩa ăn cơm. Tự tánh thường huệ là nghĩa đi Kinh hành.

Sao: Lấy thiền duyệt làm món ăn cho nên thiền định có nghĩa ăn. Trí hay vận chuyển cho nên huệ có nghĩa đi, như trong Luận lời tụng nói: “Yêu thích mùi pháp của Phật, lấy pháp thiền tam muội làm món ăn”. Lại Luận Phật Địa nói: “Trong cõi tịnh độ, chư Phật, Bồ Tát hay giảng thuyết, hay thọ dụng pháp vị Đại thừa”. Lại nữa, để trì thân chánh báo thọ dụng mùi vị chơn như, hay giữ gìn giới thân huệ mạng khiến không đoạn hoại và nuôi lớn muôn pháp lành nên có nghĩa gọi là ăn.

Lại Kinh A Hàm, luận Duy Thức v.v... đều nói năm món ăn ra khỏi đời: 1.- Thiền duyệt; 2.- Nguyện; 3.- Niệm; 4.- Giải thoát; 5.- Pháp hỷ. Nghĩa là do pháp thiền định nuôi dưỡng tinh thần, nhẹ nhàng vui đẹp, đó tức là nghĩa ăn. Sức nguyện giữ gìn chánh pháp thời pháp thân tăng trưởng, tức là nghĩa ăn. Sức niệm nhớ rõ thời Thánh Đạo hiện tiền, tức là nghĩa ăn. Giải thoát là hết chướng nghiệp, hẳn hoi được lợi ích, tức là nghĩa ăn. Món pháp hỷ là tu đắc pháp thì mừng trong tâm đầy đầy nên no bằng rất vui mừng, tức là nghĩa ăn.

Văn đây chỉ nói pháp thiền định là nói một gồm bốn vị trong pháp thiền định, không pháp nào mà chẳng thâm nhiếp. Kinh Duy Ma nói: "Người chưa phát ý Đại thừa, ăn món cơm này, đến chùng phát ý Đại thừa, mới tiêu; người đã phát ý đại thừa, đặng quả vô sanh nhĩ rồi mới tiêu. Người đặng vô sanh nhĩ, đến nhứt sanh bổ xứ mới tiêu".

Kinh Hoa Nghiêm, văn Cụ Túc Ưu Bà Di nói: "Nếu các vị Bồ Tát nhứt sanh bổ xứ ăn cơm của ta, đều ở dưới cây Bồ Đề, thành bực chánh giác". Điều là lý tự tánh chơn như vô tận, mà làm món ăn vậy.

“Đi Kinh hành” là: Kinh Trì Thế nói: “Chỗ đi của Đức Như Lai

là chỗ không đi. Chỗ không đi ấy là Chơn Huệ vậy”.

Cho nên biết, cầm thìa (muỗng), buông đũa, mỗi miếng không rơi; giở căng, động thân, mỗi bước đạp nhằm... Đâu đặt vùi đầu ăn cơm, luống qua một đời, ngắm nước xem non, uống công muôn dặm.

### Tổng Kết

Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Sớ: Kết văn trên: Nhạc trời, hoa trời v.v... món món trang nghiêm đều do hạnh nguyện công đức của Phật kia, mới dựng thành tựu như thế.

Sao: Nguyện là như Kinh Đại Bôn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, từ đất sắp lên, đều có vô lượng món tạp bảo, trăm nghìn món hương để hiệp cộng lại làm nên cảnh trang nghiêm ấy”.

Lại nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, 10 phương vô ương số thế giới, chư thiên, nhơn dân, nghe danh hiệu Ta, thấp đèn rải hoa cúng dường”.

Lại nguyện rằng: “Khi Ta thành Phật, các vị Bồ Tát trong cõi ta dùng hương hoa v.v... các món đồ cúng, muốn đến thế giới phương khác để cúng dường các đức Phật, chùng trong bữa ăn liền dựng khắp đến”.

Lại nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, người trong cõi của ta, chùng khi muốn ăn ngay trong bát báu, tự nhiên có trăm món đồ ẩm thực nó hiện ra ở trước. Ăn rồi liền hóa đi”.

Đến nay Ngài thành Phật, mỗi mỗi lời nguyện của ngài thảy đều

thành tựu.

Hạnh là như Kinh Đại Bồn nói: “Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo đã phát nguyện rồi, trời mưa hoa mầu mà rải trên đó”.

Lại nguyện rằng: “Hoặc làm thầy tỳ kheo; hoặc làm vị vua trời; hoặc làm vị vua người, là Luân vương. Hoặc quan đại thần, thường đi đến chỗ Phật, dâng thờ cúng dường”.

Lại nguyện rằng: “Trong tay thường hóa ra đồ y phục, đồ ẩm thực tràng phan, bảo cái, tất cả tiếng âm nhạc”. Đến nay ngài thành Phật. Như văn trên: Nhạc trời, hoa trời v.v... các phước báo cũng đều thành tựu.

### **QUYỂN 3B**

#### **Hóa Cầm, Phong Thọ** (phân ra làm ba phần)

1. - Hóa cầm diễn pháp (hóa chim nói pháp)
2. - Phong thọ diễn pháp (gió cây nói Kinh)
3. - Tổng kết nhị nghiêm (tóm kết hai món đẹp)

#### **Hóa Cầm Diễn Pháp** (phân ra làm hai phần)

1. - Chánh thị pháp âm (chỉ ngay tiếng pháp)
2. - Thích vô ác đạo (rõ không đường dữ)

#### **Chánh Thị Pháp Âm** (phân ra làm hai phần)

1. - Tuyên âm (rao tiếng pháp)
2. - Hoạch ích (nghe đặng lợi ích)

### **Tuyên Âm**



Lại nữa, này Xá Lợi Phát! Nước kia thường có các thứ chim kỳ diệu, tạp sắc như: chim Bạch Hạc, chim Không Tước, chim Anh Võ, chim Xá Lợi, chim Ca Lãng Tàn Già và chim Cộng Mạng. Các loài chim ấy ngày đêm sáu thời, kêu ra những tiếng hòa nhã. Tiếng kia nói rõ các pháp: Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như vậy.

Sớ: Văn trước nói các trời dưng cúng hoa màu, văn đây nói: Các thứ chim, cây báu diễn nói thành tiếng các pháp của Phật. Lại văn trước nói: Sự cúng dường rất thù thắng, văn đây nói: Sự nghe pháp rất thù thắng. Mỗi mỗi các món là nói không phải chỉ một món.

“Kỳ diệu” là cái tốt đẹp lạ thường.

“Tạp sắc” là nhiều màu sắc, xen lộn rất khéo. Chim Bạch Hạc v.v... là trong nhiều thứ mà chỉ nói một, hai thứ thôi.

Bạch Hạc, Không Tước và Anh Võ là thứ chim ta thường thấy được biết. Chim Xá Lợi xem giải văn trước. Chim Ca Lãng Tàn Già đây dịch là Diệu Âm. Cộng Mạng có chỗ nói “mạng mạng”. Như vậy là các thứ thấy đều kỳ diệu, chẳng phải chim ở cõi phàm sánh kịp.

Sao: “Kỳ diệu” là hình nó khác với loài chim kia, gọi là Kỳ. Tiếng hay gọi là Diệu. Chim Bạch Hạc ấy: Cõi này cũng bốn thứ hạc đen, vàng, xanh, trắng, mà hạc trắng thì tốt hơn. Song hạc tuy trắng, nhưng chưa toàn trắng, chẳng phải là chơn Bạch Hạc vậy. Không tước, anh võ đều là thứ chim được người ở cõi này cho là quý nên đây riêng nói. Tàn Già: đây dịch là Diệu Âm, vì khi nó còn ở trong trứng đã có tiếng kêu tốt hơn các chim khác!

Kinh Chánh Pháp Niệm xứ nói: “Tiếng tốt của chim này, dù tiếng

của người, của trời, của thần Khẩn Na La v.v... cũng đều không thể bì kịp, chỉ trừ tiếng của Đức Như Lai”, cho nên nói: Diệu Âm.

Chim Cộng Mạng, cũng nói Mạng Mạng, cũng nói Sanh Sanh; nguyên tên là Kỳ Bà Kỳ Bà Ca, một mình hai đầu, thân quả báo đồng nhưng thần thức khác. Như về đời quá khứ, đức Thích Ca và ông Điều Đạt từng đọa trong loài chim này (6).

Lại ở non Tuyết sơn có con chim hai đầu. Một thuyết nói: Chim Ca Lâu Trà. Một thuyết nữa nói: Chim Ưu Ba Ca Lâu Trà, thật vậy. Hình nó cũng mừng tượng như nghĩa con rắn hai đầu, con chim chín đầu, con cá nghìn đầu. Nay thợ chạm hoặc vẽ làm thân người có hai đầu, e sai đó vậy.

Mấy loài chim nói trên, bốn loại chung có ở nước Chấn Đán (Tàu), hai loại riêng có cõi Tây Càn (Ân Độ). Ở cõi đây (Ta Bà) đã khen quý lạ nên ở nước (Cực Lạc) hình thể, màu, tiếng càng thêm kỳ diệu. Nay chỉ lấy tên đồng mà thật thời khác, lệ như lan can, lưới giăng, hàng cây v.v... đều dùng các ngọc báu làm thành, chẳng phải người đời ở đây có được!

“Nói một hai loài” là vì nhiều không thể nói hết, như trong Quán Kinh nói chim Phù, chim Nhạn và chim Oan Ương v.v... Nay dùng ít loại để gồm số nhiều, cũng là bớt văn vậy.

Sớ: Song các loài chim cõi này, chỉ có một vài thứ như chim Anh Vĩ biết nói tiếng người, nhưng cũng chỉ gọi là học nói mà thôi! Nước kia thời ngày đêm kêu ra tiếng đã hòa lại nữa vì hay diễn nói các pháp: Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, tất cả đạo phẩm; chẳng phải lãng mạn, vô ý nghĩa!

Sao: “Chỉ khen học nói”: Nói, chỉ biết nói theo người mà không thể hiểu nghĩa.

Sách Lễ Ký nói chim Anh Võ hay nói, nhưng không ngoài loài chim bay; con Tinh Tinh hay nói cũng chưa lìa loài cầm thú. Thế thời việc nhơn đạo chúng nó nói còn chưa thông, hướng chi luận đến việc Phật pháp. Chim Anh Võ còn như thế, chim khác thì khá biết vậy.

“Hòa Nhã” là: Hòa đối với xẵng như chim Oanh, chim Ly v.v... là loài chim kêu tiếng tục (quê kệch).

Địu dàng êm ái, không có thô xẵng, hay khiến người nghe, tâm nóng nảy cũng tự hết; thế gọi là “tiếng hòa”. Chánh đại cần nghiêm, không có tà mị, hay khiến người nghe, tâm ham muốn tự bình; thế gọi là “tiếng nhã”.

Tiếng đờn Sắt của ông Tử Do còn thiếu nơi đạo hòa; tiếng nói của người nước Trịnh rất trái với thói nhã (7). Chim kia gồm hai tiếng đều tốt (hòa nhã); thế là tiếng huỳnh chung, tiếng đại lữ (8) đều chẳng bì kịp tiếng chim!

Chữ Diễn là mở cho rộng ra, vì nghĩa vô tận. Chữ Sướng là giải cho thông vì ý không ngăn trệ. Như thế, diễn giải các pháp: Căn, Lực, Giác, Đạo, cả 37 đạo phẩm vậy (9).

Đạo phẩm là: Do phẩm loại đây để vào đạo có vậy.

Sớ: Song 37 phẩm đây thuộc về pháp Tiểu thừa, nhưng thật ra cũng chung cả Đại thừa nữa vì tùy theo tâm hạnh của người Đại như trong các Kinh, luận nói.

Sao: “Chung cả Đại thừa” là: Luận Du Già quyển 44 nói: “Pháp

Đại thừa Bồ Đề phân có nhiều món như 37 phẩm đây, nhưng trong đó có nghĩa riêng biệt và thông đồng đối với bực Đại và Tiểu” (Đại thừa thì thấy đại thừa...).

Luận Trí Độ nói: “37 phẩm không thừa nào mà nó chẳng nhiếp gồm cả”, tức nhiên vô lượng đạo phẩm cũng ở trong đó. Kinh Tịnh Danh nói: “Các đạo phẩm là đạo tràng”. Lại nói: “Đạo phẩm thâm nhiếp trong cái nhọn của pháp thân”. Luận Đại Thừa nói: “Đạo phẩm là cây thuốc báu Đà La Ni của ông Bồ Tát”.

Kinh Niết Bàn nói: “Nếu người hay nghiên cứu pháp Bát Chánh Đạo tức thấy được Phật tánh, gọi là đã được vị đề hồ”. Đây đều là ước theo pháp Đại thừa để nói.

“Tùy theo tâm hạnh kia” là như Kinh Niết Bàn nói: “Trí có hai món: 1) Trung trí; 2) Thượng trí”.

Như quán các Âm (thân ngũ âm) là khô; thế gọi là bực trung trí. Phân biệt các âm có vô lượng tướng, chẳng phải hàng Thinh Văn, bực Duyên Giác biết được; thế gọi là bực thượng trí. Thờ biết đạo phẩm là một, nhưng cái trí nghiên cứu của mỗi người Đại, Tiểu vốn không như định.

Sớ: Pháp ngũ căn là: 1) Tín; 2) Tấn; 3) Niệm; 4) Định; 5) Huệ. Hay sanh thánh đạo nên gọi là căn (gốc). Lại như Luận Cu Xá có đủ ba nghĩa.

Sao: Chữ “căn” có hai nghĩa: 1) Nghĩa năng trì: Giữ cái chỗ đã đặng mà phần mình không cho mất vậy. 2) Nghĩa sanh hậu: Sanh những cái chưa đặng mà mình gắng tấn cầu lên vậy.

Nói chữ “tín căn” là: Đồi trong đế lý, cương quyết bỏ hẳn việc ngũ dục lạc; ấy gọi là tín căn. Một căn đây là tông (gốc) còn 4 cái kia nương theo trên (tín căn).

Tấn căn là đã tin lý đây, cần cầu không thôi; ấy gọi là Tấn. Niệm căn là đã cầu lý đây, tưởng đây ở đây, nhớ rõ không quên, ấy gọi là Niệm.

Định căn là đã tưởng lý đây, buộc duyên một cảnh, tương ưng không tán loạn, ấy gọi là Định.

Huệ căn là đã định tâm nơi đạo, lại pháp chánh quán rõ ràng, quyết chọn phải quấy; ấy gọi là Huệ.

“Hay sanh thánh đạo” là do năm pháp đây điều trị tâm kia, ví như không khí âm dương hòa hợp, tất cả hạt giống, đều đặn nở mọc, có vậy.

“Cu Xá ba nghĩa” là trong Luận Cu Xá nói: 1) Tối thắng; 2) Tự Tại và 3) Quang hiển là căn.

Tối thắng là vì căn thể thù thắng. Tự tại là vì căn dụng thù thắng. Quang hiển là vì thể và dụng đều bày. Đây chia ra 22 căn (10) vì có tín v.v... cả năm căn.

Sớ: Pháp ngũ lực tức ngũ căn trước tăng trưởng thêm lên, đủ có sức mạnh nên gọi là lực.

Sao: Chữ Lực có hai nghĩa: 1) Không bị cái khác đè ép và 2) Có thể đè ép được cái khác. Như Luận Du Già nói: “Vì pháp ngũ lực (năm sức mạnh) đây hay đến đời sau và đời sau đối với chỗ chứng pháp xuất thế gian, sanh tâm rõ biết thâm ý một cách thù thắng. Với tất cả những

cái khác dù khó mà có thể đè ép nó được và lại có oai thế rất lớn và mạnh, có thể xô dẹp được tất cả bọn ma quân (phiền não), có vậy”.

Tín Lực là: Tin sâu Đế Lý (lý chắc thật) càng thêm tăng trưởng, hay ngăn những việc nghi hoặc, không cho lay động; hay chống lũ tà ngoại, không cho mê loạn và hay phá tâm phiền não không cho nó xâm hại, có vậy. Một tín lực là tổng, các cái sau nương theo, lệ như Tín căn nói trên.

Tấn lực là: Vì tấn căn tăng trưởng hay phá được các món giải đãi thân tâm, thành xong các món sự nghiệp ra khỏi đời.

Niệm lực là: Vì niệm căn tăng trưởng, hay phá được tâm tà niệm, thành tựu được tất cả tâm chánh niệm ra khỏi đời.

Định lực là: Vì định căn tăng trưởng, hay phá được tất cả cái tưởng tạp loạn, phát khởi các pháp thiền định sự và lý.

Huệ lực là: Vì huệ căn tăng trưởng, hay phá được tất cả tà kiến của kẻ tà, ngoại, hay đoạn được tất cả những cái chấp của bực thiên tiểu (Tiểu thừa).

Sớ: Thất Bồ Đề phần tức là Thất Giác Chi, cũng do năm căn, năm lực trước mới dựng bảy cái huệ dụng đây: 1) Niệm; 2) Trạch pháp; 3) Tinh tấn; 4) Hỷ; 5) Kỳ; 6) Định; 7) Xả. Có một chỗ nói: 1) Trạch pháp; 2) Tinh Tấn; 3) Hỷ; 4) Trừ; 5) Xả; 6) Định; 7) Niệm. Nay giải theo thuyết sau.

Sao: “Giác Chi” là: Giác tức Bồ Đề, Chi tức là phần; nghĩa là mỗi phần mỗi phần, tùy chỗ hợp mà dùng vậy. “Do căn lực trước” là: Luận Du Già nói: „Đã chứng vào ngôi chánh vị của các pháp rồi thời

phải dùng giác huệ như thật ấy làm chi phần”. Cho nên biết năm căn, năm lực đã chắc chắn rồi, vậy sau cần có cái giác huệ theo chỗ hợp mà dùng. “Giải theo thuyết sau” là: Do vì thuyết sau của ngài Thiên Thai giải, ý rất rõ hơn.

Lại Kinh Hoa Nghiêm lời Sớ cũng lấy phần trạch pháp làm phần tự thể, còn mấy phần kia làm từ phần: 1) Trạch pháp là: Vì khi nghiên cứu các pháp phải khéo hay rõ biết, để lựa riêng cái nào chơn thì dùng, cái nào ngụy thì bỏ. 2) Tinh tấn là: Vì khi tu đạo pháp, khéo hay biết rõ không tu làm những cái khổ hạnh vô ích. 3) Hỷ là: Vì khi Tâm đặng pháp hỷ, khéo hay biết rõ, không theo những pháp điên đảo, mà sanh tâm hoan hỷ. 4) Trừ là: Vì khi trừ các việc tà kiến, tâm phiền não, khéo hay biết rõ, đoạn hết các việc luống dối, không hại căn lành chơn chánh. 5) Xả là: Vì khi xả được sở kiến niệm trước, khéo hay biết rõ: Thủ, Xả, Hư, Ngụy, hằng không với tướng. 6) Định là: Vì khi phát ra cái pháp thiền định, khéo hay biết rõ những pháp thiền hư giả (giả dối) không sanh tâm kiến ái. 7) Niệm là: Vì khi tu đạo ra khỏi đời, khéo hay biết rõ, thường khiến định huệ quân bình, nếu tâm chìm đắm phải nhớ dùng "Trạch pháp", "Tinh tấn" và "Hỷ" ba chi, xét mà đánh thức nó. Nếu tâm phù động lắm phải nhớ dùng: "Trừ", "Xả" và "Định" ba chi thâm nhiếp mà dẹp nó. Mỗi niệm mỗi niệm điều hòa khiến cho vừa phải.

Sớ: Bát Thánh Đạo ấy cũng có tên là Bát Chánh Đạo. Do trước nhờ có trạch pháp v.v... cho nên đến đây được vào chánh đạo: 1) Chánh kiến; 2) Chánh tư duy; 3) Chánh ngữ; 4) Chánh nghiệp; 5) Chánh mạng; 6) Chánh Tinh Tấn; 7) Chánh niệm; 8) Chánh định.

Sao: 1.- Chánh Kiến là: Trong bộ Tập Tập nói: “Nếu khi tu giác chi mà ngộ chơn thật rồi thì phải dùng chánh huệ để thành lập vững vàng, xét thấy được đế lý rành rẽ, không còn lầm lộn”. 2.- Chánh Tư Duy là: Khi thấy rõ đế lý này, nó tương ứng với tâm vô lậu, với sự suy nghĩ so lường, khiến nó tăng trưởng để vào cõi Niết Bàn. 3.- Chánh Ngữ là: Chẳng những tâm không tà tư loạn tưởng, lại còn dùng trí vô lậu để nhiếp 4 khẩu nghiệp, trụ vào 4 lời thiện ngữ. 4.- Chánh Nghiệp là: Do nơi trí vô lậu, trừ được 3 nghiệp của thân, tất cả tà nghiệp để trụ vào thân nghiệp thanh tịnh. 5.- Chánh Mạng là: Do nơi trí vô lậu để trừ 5 món tà mạng (11) trong 3 nghiệp (thân, khẩu và ý). 6.- Chánh Tinh Tấn là: Do nơi trí vô lậu nên riêng tu tinh tấn để tới đạo quả Niết bàn. 7.- Chánh Niệm là: Dùng trí vô lậu, đối trong pháp chánh đạo và pháp trợ đạo, phải nhớ niệm để tâm không động thất (xao lãng). 8.- Chánh Định là: Do cái trí vô lậu để tương ứng nhau, đặng chánh trụ nơi đế lý quyết định không dời đổi. Tóm lại đều nói chữ Chánh là: Do không nương theo lối chệnh lệch, tà vạy nên gọi là Chánh và hay đi đến đạo của Niết bàn nên gọi là Đạo.

Bằng theo Kinh Hoa Nghiêm, phẩm "Ly thế gian" thì pháp Bát Chánh đều là cái đạo của ông Bồ Tát.

Chánh kiến là xa lìa tất cả các cái thói tà kiến. Chánh tư duy là xả bỏ cái tâm vọng tưởng phân biệt để thuận theo "Nhứt thế trí". Nhấn đến chánh định là khéo vào pháp môn bát tư nghi giải thoát của ông Bồ Tát. Với từ ở trong một pháp tam muội mà tự tại ra vào luôn cả các pháp tam muội khác.

Giải rằng: Chứng cứ văn đây, đâu chẳng sâu mầu. Do đó suy ra:



Pháp Thất Giác Chi, pháp Ngũ Căn; Ngũ Lực, luôn 37 phẩm đều tùy theo chỗ tu nhơn của chúng sanh nên căn nhận thấy chẳng đồng, thành thử chỗ chứng Đại, chứng Tiểu, mỗi mỗi đều có chỗ sở đắc cả, riêng biệt (như trên đã nói).

Sớ: Câu "Như thị đẳng pháp". Chữ Đẳng là nói chung các pháp: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc thành ra 37 phẩm và còn tất cả các pháp khác nữa.

Sao: 37 phẩm mà trên chỉ nói 25 phẩm, cho nên thêm chữ "Đẳng" để bao quát đó.

Tứ Niệm Xứ là: 1.- Quán xét thân bất tịnh, 2.- Quán xét thọ dụng là khổ. 3.- Quán xét tâm vô thường. 4.- Quán xét pháp vô ngã. Mà nói niệm xứ là: Lấy điều bất định là chỗ để cho mỗi người quán xét thân, cần phải niệm (nhớ) vậy. Cho đến pháp khổ, pháp vô thường v.v... cũng lại như vậy.

Tứ chánh cần đã giải thấy ở văn trước; do vì sanh thiện diệt ác không giải đãi nên kêu là cần. Vì cần (siêng) với chỗ đáng cần, hiệp nhằm chơn lý nên nói Chánh Cần.

Tứ Như Ý đó cũng có tên là tứ thần túc, như: Dục như ý túc; Tâm như ý túc; Cần như ý túc; Huệ như ý túc. Bởi do tứ niệm xứ, tứ chánh cần đến đây, sự tinh tấn tăng nhiều, định tâm hơi kém nên bảo phải tu 4 món định lực này để nhiếp tâm lại thời trí và định quân bình, hay đoạn được cái kiết sử, chỗ sở nguyện đều toại, nên gọi là như ý túc vậy. Hiệp với 7 loại phẩm trên thì là 37 phẩm. Trong luận Bà Sa, luận Trí Độ đều có dụ rõ: Tứ Niệm Xứ dụ hột giồng, Tứ Chánh Cần như gieo trồng, Tứ Thần Túc như rút mộng. Ngũ căn như mọc rễ. Ngũ lực

như lên mầm, đâm lá. Thất giác chi như trổ bông. Bát Chánh đạo như kết trái. Cho nên gọi tên là cây Đạo Thọ. Còn tất cả các pháp như pháp Tứ Vô Lượng Tâm và Lục Độ vô lượng pháp môn v.v....

Sớ: Hỏi: Tại sao không kể bày trước là Tứ Niệm Xứ v.v... mà lại bắt đầu nói pháp Ngũ Căn? Đáp: Do vì trọng chữ Tín vậy. Bởi có đức tin là chủ. Lại vì từ ba khoa trước đến đây mới có căn và lực (ngũ căn, ngũ lực).

Sao: Cứ theo thứ lớp của 7 phẩm loại là nghe pháp: Trước phải niệm trì và nhớ giữ, kế thì cần tu. Vì Cần nên mới thâm nhiếp tâm được điều hòa, vì nhu hòa nên mới thành căn bản chắc. Căn đã tăng trưởng thành thể lực, nhãn đến thất giác là để phân biệt. Bát Chánh là làm nên hạnh chơn chánh!

Nay “trọng chữ Tín” đó là do Kinh này dùng đức Tín làm chủ, mà căn, lực, cả hai cũng đều lấy Tín làm đầu. Vì Tín có thể kèm giữ 4 cái kia (Tấn, Niệm, Định, Huệ) và vì Tín là gốc của Đạo, là mẹ sanh ra các công đức vậy. Như trong năm ngôi (12), chữ Tín cũng ở đầu. Trong ngôi Thập Tín, chữ Tín cũng đứng đầu và 11 pháp lành, chữ Tín cũng ở trước nhứt có vậy.

“Ba khoa” trên ấy là từ khoa Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc tu hành đến đây mới dựng có căn, lực kiên cố, làm cho các pháp đã dựng từ trước kia nó không có thối thất và lại những pháp sẽ dựng sau này, rớt ráo đều được thắng lợi cũng do một chữ Tín; cho nên đầu tiên phải nói căn, lực trước đã!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh biến hóa là nghĩa các loại chim; tự tánh sanh ra tất cả các pháp môn là nghĩa Căn, Lực, Giác, Đạo.

Sao: Văn sau nói: “Đức Phật kia biến hóa làm ra”, văn đây nói: “Sắc tốt đẹp tiếng hòa nhã”. Toàn thể tự tâm mình hiển hiện thì đâu đặng nhường cho cõi Thánh mà mình không có hay sao?

Lại tâm địa dụ như quả đất bao hàm các giống thì các pháp Ngũ Căn v.v... toàn thể là của tự tâm vun trồng (căn lành đầy đủ) cần gì rong ruổi bên ngoài tìm kiếm. Cho nên bực Tiên Đức nói: “Tín tâm kiên cố, lặng như hư không tức là pháp Ngũ Căn, Ngũ Lực. Tâm giác không khởi vọng, tức là Thất Giác Chi. Quyết rõ nơi tâm tánh rồi, tà, chánh chẳng ăn thua, tức là pháp Bát Chánh Đạo”. Cho nên nói: Biến Giác sanh ra muôn vật, không vật nào mà chẳng phải biến. Nguồn tâm sanh ra muôn pháp, không pháp nào mà chẳng phải tâm.

### Hoạch Ích

Chúng sanh cõi kia nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Sớ: Nghe tiếng vô ích thời đồng với tiếng thế tục, vì cũng chỉ để mua vui mà chơi. Nay niệm ngôi Tam Bảo chính là nói việc hữu ích vậy.

Tam Bảo là lược có 3 tướng: 1.- Trụ trì tướng; 2.- Biệt tướng; 3.- Đồng tướng. Vì đáng tôn quý nên gọi là Bảo.

Sao: “Trụ trì tướng” là chạm, đúc, đắp, vẽ gọi là Phật Bảo. Cuốn vàng, gáy đỏ gọi là Pháp Bảo. Tỳ kheo năm chúng, hòa hiệp không tranh, gọi là Tăng Bảo. Tức là ngôi Tam bảo thường ở trong thế gian vậy.

Biệt tướng là lược có 3 nghĩa: 1) Tam bảo tự biệt; 2) Tam bảo đại,

tiêu thừa biệt; 3) Tam bảo danh tướng các biệt.

Tổng quát đại ý kia thời cái thân thông thường mà cao lớn hơn hết, nhưng thị hiện chẳng đồng, gọi là Phật Bảo. Với các Giáo, Hạnh, Lý, Quả, ngài lập ra pháp môn chẳng đồng, gọi là Pháp bảo, Bực Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ Quả, Tứ Hướng, Duyên Giác, Độc Giác, ngôi bực chẳng đồng, gọi là Tăng bảo, tức là ngôi Tam bảo xuất thế gian vậy.

“Đồng tướng” là bằng ước về năm giáo mà nói thời: 1) Môn lập sự tỵ nghĩa (lập sự để đi lần tới lý). 2) Môn hội sự về lý. 3) Môn sự lý dung hiển (đều bày). 4) Môn tuyệt tướng lý thật (sự lý) tánh tướng đều bất. 5) Môn dung thông vô ngại (có đủ cả Viên giáo) tuy trước thấp sau cao, nhưng đồng về một gốc. Tổng quát đại ý kia thời cái tánh thể linh giác, chiếu tỏ các pháp, gọi là Phật bảo. Hằng sa đức tánh đều khó giữ gìn, gọi là Pháp bảo. Tánh tướng không hai, thâm hiệp không trái, gọi là Tăng bảo. Tức là ngôi Tam Bảo xuất thế gian tối thượng vậy.

“Tôn quý” là Phật là Lương Túc Tôn; Pháp là Ly Dục Tôn, Tăng là Chúng Trung Tôn. Y theo đó tu hành thời ra khỏi ngoài ba cõi. Thế gian yêu trọng, không bậc nào có thể so sánh nên gọi là Bảo.

Sách Thông Thơ cũng nói: “Rất tôn trọng là Đạo, rất yêu quý là Đức”, hướng ngôi Tam Bảo là Đạo và Đức rất tốt, há chẳng xưng Bảo hay sao?

Sớ: Nghe chim nói pháp đều niệm Tam Bảo tự có 4 nghĩa: 1) Vì trong tiếng chim kêu, khâm khen ngôi Tam Bảo. 2) Vì tiếng chim thuyết pháp có phương tiện hay cảm vào thâm tâm của người. 3) Vì tiếng pháp ngày đêm không hờ dứt, quen nhuần lỗ tai. 4) Vì chim còn

biết nói pháp để khuyến khích nên người phải gắng tâm hăng hái thêm hơn.

Sao: “Khen ngợi Tam Bảo” là: Mặc dù mỗi mỗi các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo trên mỗi phẩm chẳng đồng, nhưng nói tóm lại đều nhiếp thấu trong ngôi Tam Bảo cả.

Khi mà chim diểu nói pháp này (37 phẩm): Hoặc nói loài hàm linh sẵn đủ tánh giác, tức là Phật tánh; chúng sanh nghe rồi, tỏ đặng bản tâm mình mới biết mình sẵn có đủ Phật tánh (Phật bảo). Hoặc nói tánh ấy đủ các thứ tướng: chúng sanh nghe rồi rõ nghĩa thâm diệu mới biết mình có sẵn pháp, (Pháp bảo). Hoặc nói tánh tướng hòa hợp không hai, chúng sanh nghe rồi sự lý không ngại mới biết mình sẵn có Tăng (Tăng bảo). Cho nên thường niệm ngôi Tam Bảo là thế.

“Khéo tỏ vào tâm người” là: Tuy nói pháp nhiệm màu, nhưng lập lời không khéo thời người nghe bắt dội ngược. Nay chỉ nói tiếng hòa nhã, êm ái, dịu dàng, nghĩa lý đẹp tâm, người nghe sanh mừng nên nhớ niệm ngôi Tam Bảo.

“Quen nhuần lỗ tai” là: Tuy khéo nói pháp màu, nhưng một bữa sớt sáng, mười bữa nguội lạnh (13) thời tâm cũng ắt giải phé. Nay chỉ nói sáu thời tương tục thường nghe quen nhớ, thấm tủy, nhuần da, huân luyện thành tánh nên nhớ niệm ngôi Tam Bảo.

“Khuyến khích tâm người hăng hái” là: chim còn có thể nói pháp, người sao chẳng bằng, thoát sanh tâm tầm quý, tự nhiên phát tâm tinh tấn, nhớ niệm ngôi Tam Bảo.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh chơn tâm một thể là nghĩa Phật, Pháp và Tăng.

Sao: Như văn trên, chỗ bày ngôi Tam Bảo đồng tướng; thời biết chỉ có một chơn tâm, lại không thể nào riêng khác: Tâm thể vốn tự giác chiếu, tức là Phật Bảo. Tâm thể vốn tự tánh ly (vọng) tức là Pháp Bảo. Tâm thể vốn tự không hai, tức là Tăng Bảo, cho nên nói: “Mình qui y ông Phật mình, mình qui y Pháp mình, mình qui y Tăng mình”, chỉ khiến qui y về mình, không nói qui y về người khác, nghĩa là mỗi niệm trở về tâm mình. Thế gọi là thật nhớ niệm ngôi Tam Bảo.

### QUYÊN 3C

#### Thích Vô Ác Đạo

Này Xá Lợi Phát! Ông chớ nói loài chim ấy chính do tội báo sanh ra. Sở dĩ vì sao? Cõi nước Phật kia, không có ba đường ác! Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật kia danh ác đạo còn không, huống chi có thật; các loài chim ấy đều do đức Phật A Di Đà muốn cho pháp âm được lưu bố nên ngài biến hóa ra.

Sớ: Đây là phòng có người nghi: Cõi Tịnh Độ nhơn sao mà có súc sanh, thành ra không hiệp với lời ước nguyện của ngài Pháp Tạng? Cho nên nói rằng: Nước kia thật không có ác đạo; do Phật A Di Đà, ngài muốn cho pháp âm được lọt vào tai mỗi người nên dùng sức thần thông mà biến hóa ra, chớ chẳng phải thật có súc sanh. Và lại chẳng đồng với chim ở cõi trời vì hay thuyết pháp.

Sao: “Nhơn sao” là: Do cái nguyên nhơn tối tăm ngu si nên kết cái quả sanh trong loài súc sanh; bởi cái nhân xan tham tật đố nên kết cái quả sanh trong đường ngạ quỷ; còn cái nhơn bằng tội thập ác, tội ngũ nghịch thì kết cái quả sanh trong địa ngục, chung gọi là tam ác đạo

(hạ ác: súc sanh; trung ác: ngạ quỷ; thượng ác: địa ngục).

Vì trong sáu đạo: Đạo Trời (loài trời) là thượng thiện; đạo người (loài người) trung thiện; đạo Thần Tu La là hạ thiện; cho nên chỉ ba đạo này (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) gọi là rất ác.

Luận rằng: Tạo cái nhơn nơi tâm tịnh thì kết cái quả sanh trong cõi tịnh; lẽ nào cõi Tịnh Độ mà có ác đạo? Như cõi kia có ác đạo thật thì thành ra chỗ tạp uế, không khác chi cõi Ta Bà, đâu đặng gọi là Cực Lạc, cho nên có tâm nghi vậy.

“Bản nguyện” là: Kinh Đại Bồn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, trong cõi ta không có ngạ quỷ, súc sanh, hẳn đến loài quyền phi xuân động”. Lại nguyện rằng: “Người trong cõi ta đều không nghe đến cái danh bất thiện, huống chi là có thật; chẳng đặng nguyện ấy, quyết không làm Phật”. Lẽ nào nay quả Phật Ngài đã thành, lại trái với nguyện trước? Cho nên nói rõ rằng nước kia vốn không ác đạo, chẳng những mắt không thấy, mà tai cũng không nghe đến. Bởi vì chỗ nghe vào tai là chỉ nghe vạn đức hồng danh của chư Phật, Như Lai. Và những hiệu tốt: Bồ Tát, Thanh Văn, và chư thiên, thiện nhơn, quyết không có danh tự của 3 ác đạo lọt vào lỗ tai, thật vậy.

“Biến hóa” ra là: Tự lập lời nạn rằng: Đã không súc sanh, nay chim bạch hạc, khổng tước v.v... từ chỗ nào bay đến ở nước kia? Thành thử chỉ ra căn do ấy: là Đức Phật A Di Đà biến hóa ra, chớ chẳng phải thật có. Như trong Quán Kinh nói: Ngọc Châu như ý, nó phóng ra sắc vàng, hào quang vi diệu hóa làm loài chim trăm sắc báu tốt đẹp thật vậy.

“Pháp Âm tuyên lưu” là: Chử Tuyên là tuyên bố, từ trên khắp dưới ví như lời của vị quốc chủ. Chử “lưu” là lưu thông, từ gần đến xa, ví như nước chảy. Đức Phật Ngài muốn pháp âm của ngài giáp khắp không hở; cho nên chẳng những dùng người để thuyết pháp mà cũng khiến tiếng của các loài chim kia đều diễn nói pháp mầu, không xứ nào, không thời nào, mà chẳng được nghe. Đó là sức đại thần thông, ngài biến hóa ra; đâu đồng với cái nhơn ngu ám mà mắc quả báo thiệt làm loài chim, súc sanh ư? Song biến hóa đây cũng có hai nghĩa: 1.- Như Phật sai vị hóa nhơn nói các pháp môn. 2.- Trong tánh sẵn đủ các pháp; y trong tánh khởi hạnh tu, trên quả tự hay sắc và tâm dung lẫn, y và chánh không hai thấy đều thuyết pháp. Thế thời tiếng chim diễn nói, pháp nó vẫn tự nhiên, chẳng phải Phật ngài có tâm, riêng biến làm vậy.

“Chẳng đồng chim trời” là: Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: „Các đức Chúa Trời dạo đi chơi trong ao, chim Phù, chim Nhạn v.v... đều kêu ra tiếng tằm, tỏ bày lời kệ lời tụng để chỉ bày việc vui ngũ dục (14), rốt rồi cũng đều là vô thường, chẳng nên mê đắm lắm các ngài ơi!

Các trời nghe rồi, có vị tinh hồn đến đổi rơi lụy!” Đây là thiệt loài chim, bởi kiếp trước khi còn làm người ở đời, miệng hay nói pháp mầu mà không chuyên tâm lo việc chơn tu nên nay mắc quả báo làm các loài chim, ở chốn thiên cung. Do thói quen đời trước nên nay dù làm chim còn nhớ thuyết pháp, chẳng phải như cõi Tịnh Độ đức Phật Ngài biến hóa nên nói chẳng đồng vậy!

Sớ: Hỏi: Ngài Pháp Tạng nói lời kệ rằng: “Địa ngục, ngạ quỷ, súc



sanh, đều sanh về trong cõi của ta”. Sao nói cõi kia không ác đạo? Đáp: Ý lời kệ rõ chẳng đợi biện nghi; người nữ sanh về nước kia, nghĩa cũng như vậy.

Sao: “Ý lời kệ tự rõ” là: Ngài Pháp Tạng Tỳ kheo, nguyện rồi nói lời kệ. “Trước nói rằng: Địa ngục; Nga quỷ, súc sanh, đều sanh trong cõi của ta”; kể đó ngài lại nói rằng: “Tất cả người sanh về, tu tập hạnh thanh tịnh, như thân sắc vàng của chư Phật, tướng tốt đều trọn đủ”. Thời biết chắc người ấy, ở cõi Ta Bà đã trồng duyên Tịnh Độ, cho nên đặng sanh về; đã đặng sanh về nước kia, dứt hết cội gốc ác đạo, đến thành bực Thượng thiện, tướng hảo như Phật, nào còn cái hình thể địa ngục, nga quỷ, súc sanh ngày trước ư?

“Người nữ sanh về kia cũng vậy” là: Trong Luận nói: “Người Nữ và người thiếu căn đều không sanh về”. Cho nên viện dẫn lệ theo trên. Cũng do người nữ đời trước có tu tịnh nghiệp; một phen sanh về nước kia đủ tướng trượng phu, không còn hình người nữ vậy. Nay vẽ bản đồ cửu phẩm vãng sanh còn để cái hình người Nữ, là làm vậy. Đó là cái tướng niệm Phật khi ở cõi Ta Bà, chớ chẳng phải cái tướng khi đã vãng sanh về Cực Lạc vậy. Hay là hoặc vẽ cái hình đó để tiêu biểu cái chỗ nhơn địa của người kia, để cho rõ rằng tất cả nam và nữ, hễ ai tu cũng đều được sanh về cả. Người trí nên xét vậy!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh vốn không tham, sân, si v.v... là nghĩa vô tam ác đạo. Tự tánh vốn đủ pháp môn như huyễn, là nghĩa biến hóa ra.

Sao: Nếu cứ theo trong pháp môn Bất nhị, thời tham, sân, si, tức giới, định, huệ. Thế thiện đạo, ác đạo cũng đều như huyễn, mà huyễn

nó không có tự tánh thì chỉ là nhứt tâm; hễ nhứt tâm chẳng sanh, thời muôn pháp đều dứt.

### Phong Thọ Diễn Pháp

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật kia, gió vi phong thổi động, các hàng cây báu và tràng lưới báu, kêu ra tiếng nhiệm mầu: Ví như trăm nghìn món nhạc đồng thời đều trỗi lên, người nghe tiếng ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, và niệm Tăng.

Sớ: Văn trước nói hàng cây lưới giảng, văn đây nói các cây lưới ấy, như gió rung động reo ra tiếng ấy, cũng như văn trên: chim kêu, dạy bảo chúng sanh lợi ích vô cùng tận vậy.

Gió mà nói rằng Vi Phong, là thứ gió tốt rất tốt. Tiếng mà nói là vi diệu, là tiếng hay rất tuyệt. Vi diệu tức là ý nghĩa hòa nhã. Trăm nghìn món nhạc là: lấy ít sánh nhiều, khen nhạc kia rất hay. Tiếng nhạc rất hay cõi như thiên cũng không thể bì kịp. Vì tiếng nhạc cõi kia cũng diễn nói pháp: Căn, Lực, Giác, Đạo; món món đạo phẩm. Mà ở đây không nói là bớt văn vậy.

Lại Kinh Đại Bản nói: “Gió vi phong thổi đặng nhằm thân”, mà ở đây không nói đến, cũng là bớt văn vậy.

Sao: Gió vi phong là thứ gió rất tốt; cõi này có thứ gió gọi là cù phong (bão tố) thổi động (cả 4 phía đều thổi đến) thời hóa ra nghiêng hò, đổ nồng; tiếng nó bắt người phải rùng rợn; còn thứ gió mãnh phong (gió dữ) thổi động thời hóa ra sập nhà, tróc cây, tiếng rất ghê gớm. Nhấn đến gió Tỳ Lam thổi động thời hóa ra ngã núi, lở non, hoại các thế giới, cả vũ trụ loài người không tránh được tiếng của nó.

Ngay như nay nói các thứ gió: Thứ Minh, Thanh Minh v.v.. (15) các gió, tuy cũng xưng là gió tốt, nhưng cũng chỉ lay lắc núi rừng làm cho sanh trưởng trăm vật mà thôi. Còn gió ở nước kia in tuồng như có, in tuồng như không, vì chẳng phải lạnh, chẳng phải nóng, nhẹ nhàng, hòa dịu, không thể sánh ví với cái gì được.

Trong Quán Kinh nói tám thứ gió thanh phong (16). Thanh tức là cái ý nghĩa chữ "vi". Huống cõi kia, hàng cây và các lưới giảng chắt nó đều bằng bảy món báu, do nhờ gió vi phong khua đung lẫn nhau, tự nhiên reo ra những tiếng tằm vi diệu như trăm nghìn món nhạc đồng thời trỗi một lượt. Thời 6 tiếng luật âm hòa lẫn với 6 tiếng luật dương; điệu nhạc bát âm rập rền vang dậy; hòa lại càng hòa, nhã lại rất nhã. Gió cây cõi kia đã chẳng phải tiếng ty và trúc, đâu có tiếng cung và thương? Thế mà có thể cùng với trăm nghìn món nhạc đồng loạt lẫn như thế thật là ít có.

“Nhạc cõi Nhơn, Thiên chẳng kịp” là như Kinh Đại Bản nói: “Trăm nghìn vạn món tiếng nhạc của vị đế vương trong thế gian chẳng bằng một tiếng rất hay trên cung trời Đao Lợi. Trăm nghìn món nhạc trên cung trời Đao Lợi không bằng một tiếng rất hay trên cung trời Dạ Ma... Như vậy lần lựa các cõi chư thiên, hẳn đến không bằng một tiếng rất hay trong nước Cục Lạc gió thổi rừng cây phát ra tiếng tằm vi diệu; thật là vượt ngoài cõi người cõi trời vậy.

Câu “cũng diễn nói Đạo phẩm” là do trong Kinh chỉ nói tiếng diệu âm. Kỳ thật ý gồm tiếng thuyết pháp. Nếu chẳng phải pháp âm thì làm sao hay khiến người nhớ niệm ngôi Tam Bảo?

Cho nên Kinh Đại Bản nói: “Gió vi phong pháy động, thổi các

cây báu, hoặc kêu ra tiếng âm nhạc, hoặc kêu ra tiếng pháp âm”, lấy đây chứng rõ. Do trước lệ sau, đều là bót văn vậy.

Câu “gió đụng nhằm thân” là: Kinh Đại Bản nói: “Tất cả loài hữu tình ở nước kia, gặp gió thổi đụng nhằm thân thể, an hòa vui đẹp, cũng như thầy tỳ kheo đã đặng pháp Diệt Tận Định (17), sung sướng biết bao!” Thế cũng là cái lối thuyết pháp bằng cách không thuyết pháp vậy.

Sớ: Lại các thứ bảo thọ ấy, trong 3 món báu, món này là báu hơn hết vì hay làm Phật sự.

Sao: Luận Trí Độ nói: “Báu có 3 món: 1) Vật báu của người; như 7 món báu của vị Luân vương, vì nó hay biến hóa bố thí cho những của cải. 2) Vật báu của trời; như: các món báu của chư thiên, vì nó hay tùy tùng để các trời sai khiến. 3) Vật báu của Phật, như: Com thơm, hào quang... vì nó hay đến 10 phương để làm những Phật sự”. Nay ở đây nói món báu bằng gió, cây, nó hay thuyết pháp là món báu rất hơn trong các món báu, vì phẩm lượng nó vượt khỏi ngoài cõi người, cõi trời.

Sớ: Lại cây bảo thọ của Phật nó biết thuyết pháp, nay đây không nói đó cũng là bót văn vậy. Vì lệ như văn trên: ao nước đều biết thuyết pháp. Lại Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Bát Nhã v.v... đều có nghĩa đây.

Sao: Cây Đạo thọ là: Kinh Đại Bản nói: “Cây Đạo tràng của Phật ngồi bằng các món báu trang nghiêm, lưới báu phủ trên, gió vi phong pháy động, nói ra không biết bao nhiêu tiếng tăm pháp mầu, vang đến khắp cùng cõi chư Phật. Chúng sanh nghe đến đặng pháp nhãn thâm sâu, trụ vào bực Bất Thối Chuyển, cho đến thành tựu quả

Vô Thượng Bồ Đề”; nay đây không nói cũng như lời sớ trước dẫn gồm trong văn hàng cây, nghĩa là nói hàng cây còn biết thuyết pháp, cây của Phật đâu những chẳng thế; nên nói bớt văn.

Lại theo lệ suy ra, như văn trước chỉ nói ao báu, lời sớ dẫn văn trong hai bộ Kinh thời: nước báu chảy đi đều nói ra tiếng diệu pháp; lại theo lệ suy đó, như Kinh Đại Bản nói: “Cây báu nói đạo tràng của Phật kia, chúng sanh thấy đây không có cái bệnh nơi con mắt. Người nghe mùi hương nó cũng không bệnh lỗ mũi, ăn trái nó lưỡi cũng không bệnh. Hào quang của cây ấy chiếu đến thân thể cũng không bệnh. Quán tưởng cây ấy, tâm đặng thanh tịnh, không còn chứng bệnh tham, sân, phiền não”...

Lại nói: “Người thấy cây đây liền chứng đặng 3 pháp nhẫn” thời biết cây ấy sắc hương và vị của nó cũng đều diễn nói pháp: Căn, Lực, Giác, Đạo, các pháp như thế. Chúng sanh nghe đây, đều nhớ niệm ngôi Tam Bảo.

Lại theo lệ suy đó: cát vàng nước kia, thêm đường nước kia, lầu các nước kia, cho đến hoa sen tiếng nhạc trời, hoa trời, cái y kích đồ đựng thức ăn, tất cả các sự vật của nước kia cũng đều diễn nói các pháp Căn, Lực, Giác, Đạo. Đối với các pháp ấy, chúng sanh nghe đến, đều nhớ niệm ngôi Tam Bảo.

“Nhu Kinh Hoa Nghiêm”: Hương, mây, đài, lưới đều nói ra bài tụng; như cái trống cõi trời Đạo Lợi (18) diễn lý chơn thuyên không lường (lý màu tuyệt diệu); rừng cây Bảo Lâm tại chùa Lô Âm (19) nói diệu kệ vô sanh (kệ giải thoát).

Lại Kinh Đại Bát Nhã nói: “Bên cõi Tịnh Độ, cây rừng v.v... các

vật trong ngoài thường có gió vi phong khuê động, phát ra tiếng nhiệm màu nói tất cả pháp, đều không có thật tánh” v.v... đồng nghĩa đây vậy.

Sớ: Những người khéo hiểu thì ngay cõi đây cả loại hữu tình và vô tình cũng đều có nói pháp. Như nghe chim Oanh kêu, khuê nhắm cây trúc v.v... Huống nữa cõi Tịnh Độ!

Sao: “Những người khéo hiểu” là: Không chấp cảnh làm cảnh, mà rõ cảnh tức là tâm thì mỗi mỗi vật chi, mỗi mỗi món gì đều là ý Tô Sư cả. Nay chỉ nói vài việc thôi.

“Nghe chim Oanh kêu” là xưa có một ông thầy nhơn nghi một câu trong Kinh Pháp Hoa: "Các pháp từ xưa nay, tướng nó thường vắng lặng". Tìm xét hết sức lâu mà chưa tỏ ngộ. Một bữa nọ, thoát nghe tiếng chim Oanh kêu, liền đặng đại ngộ, là minh tâm kiến tánh. Ông làm bài tụng tỏ ngộ như vậy: "Các pháp từ xưa nay, tướng nó thường vắng lặng, xuân đến trăm hoa thơm, cảnh liễu oanh kêu nhẩn".

“Khuê nhắm cây trúc” là: Ông Hương Nham vì không rõ câu: "Trước khi cha mẹ chưa sanh, cái đó nó ở đâu?" Dấy niệm bực tức, lên ở tu trên núi. Một bữa cuốc đất, lượm cục đá, quăng đụng nhắm cây trúc, có tiếng kêu rang rang, thoát vậy đại ngộ. Ngài làm bài tụng tỏ ngộ như vậy: "Một đụng quên chỗ biết; khỏi cần phải tu riết, cựa mình bày đường xưa (chơn tâm), hết ở lớp thua thiệt".

Như vậy thời chim khách kêu trước nhà, lá thông reo ngoài nội, một con muỗi, một con ruồi; một ngọn cỏ, một lá cây, chẳng luận món nào chẳng diễn bày diệu pháp, kêu gọi đạo tâm. Huống chi cõi thanh tịnh của chư Phật ư? - Hỏi: Trong Kinh nói: "Có khi Phật thuyết pháp, có khi Phật làm thính, cả hai không mịch bỏ riêng một nào, sao đây chỉ

nói nước chim cây rừng thuyết pháp mãi không thôi, thế thời có động mà không tịnh? Đáp: Kinh Đại Bản nói: “Người nào muốn nghe thời riêng người ấy được nghe (là Phật thuyết pháp). Người nào không muốn nghe thời cũng riêng người ấy không nghe (là Phật làm thính)”. Thế thì tịch tịnh hay động dụng đều tùy ở tâm, tức động mà cũng tức tịnh.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh có lý hòa lẫn nhau với trí là nghĩa gió thổi cây rung thành tiếng pháp âm vi diệu.

Sao: Lý gồm muôn pháp như vậy, trí khắp pháp giới như gió, lý cùng hợp với trí, trí nó tùy lý để rõ bày, nhưng mà gió cây đều chẳng biết nhau. Lý và trí vốn không hai gốc, trăm nghìn món nhạc không phải gió động, không phải cây động mà do tâm của nhơn giả động.

### Tổng Kết Nhị Nghiêm

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Sớ: Kết văn trên: Chim biến hóa, gió rung cây, hai món trang nghiêm đều là do cái chỗ "nguyện", "hạnh" công đức tu nhơn của đức Phật kia mà thành tựu vậy.

Lại công đức "biến hóa", công đức "Đại thừa", công đức đồng hư không và công đức của tự tánh, cả bốn món được thành tựu như trong Luận nói điều trước công đức trang nghiêm, điều sau công đức trang nghiêm; dưới hai điều ấy nó không hệ thuộc với lời tụng của luận văn.

Sao: “Do sở nguyện mà được thành tựu” là: Kinh Đại Bản nói: “Ngài Pháp Tạng nguyện rằng: „Khi Ta thành Phật, người trong cõi

Ta, tùy theo chí nguyện kia, hễ muốn nghe pháp thời tự nhiên được nghe”, cho nên chim kêu, cây động đều thành tiếng pháp âm vi diệu vậy.

“Do sở hành mà được thành tựu” là: Kinh Đại Bản nói: “Sau khi Ngài Pháp Tạng phát nguyện rồi, y lời nguyện mà tu hành các hạnh như Ngài nói: Ta thường dùng nhan sắc hòa nhã, lời nói êm ái để lợi ích cho chúng sanh”. Thế nay kết quả đặng thành gió thổi rừng cây đều nói ra thành tiếng pháp âm vi diệu. Như Ngài nói: “Đối với Phật, Pháp và Tăng, ta tín trọng và cung kính”. Thế nay kết quả được thành chúng sanh nghe pháp đều cảm niệm ngôi Tam Bảo.

Sao gọi là công đức "biến hóa"? Như trong bài tụng nói: “Các loài chim tạp sắc, loài nào cũng kêu ra tiếng pháp âm hòa nhã. Người nghe nhớ niệm ngôi Tam Bảo, quên các tướng bên ngoài, tỏ vào lý nhứt tâm”, phải vậy.

Sao gọi là công đức "Đại thừa"? Như trong Luận bài tụng nói: “Người nam tử có thiện căn Đại thừa và người không thốt tiếng chê bai Tam Bảo được vãng sanh. Còn người nữ và người chẳng đủ sáu căn, cả bậc Nhị thừa không đặng vãng sanh”, thật thế!

Chữ "Đẳng" là đồng với hư không công đức và tánh công đức (20) trong văn trước và sau. Dưới hai câu "Như thị công đức trang nghiêm" đều chẳng hệ thuộc với lời tụng của luận. Do lời tụng đây: 1.- Thiếu hai chữ "Hóa làm". 2.- Thiếu hai chữ "Ác đạo", cho nên riêng nói cho rõ ra đó. Rằng tiếng của loài chim kêu ra nếu chẳng phải đức Phật ngài (hóa làm) thời người nghe đâu hay quên các tướng trần mà vào đặng lý nhứt tâm?



Không nói câu "ác đạo" là vì trong loài người còn không người nữ, giữa bậc thánh cũng không tiểu thánh, huống nữa có ác đạo ư? Trước sau rõ ràng đã biết nên không nêu nhiều.

Lại hai món công đức của chánh báo ở ngoài câu "như thị trang nghiêm" nên cũng chẳng nêu.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh Bát Nhã khắp cùng pháp giới là nghĩa chim, cây thuyết pháp.

Sao: Kinh Thủ Lăng Nghiêm lời sao nói: "Nếu hay chuyển vật (chuyển nội hoàn cảnh) tức đồng Như Lai vì ngoài tâm không vật (cảnh vật tức là tâm). Miễn tâm lìa phân biệt, tức là chánh trí Bát nhã, thể nó cùng khắp pháp giới, không có chi làm chướng ngại". Thế cho nên cõi Tây phương, nước, chim, cây, rừng thảy đều thuyết pháp. Nay chúng ta không thấy chim, cây thuyết pháp là vì chưa hết tâm "vọng niệm phân biệt".

Luận Khởi Tín nói: "Lìa tướng vọng niệm rồi tâm nó sánh bằng cõi hư không", thế cho nên khắp trong cõi hư không thảy đều có thuyết pháp.

Chánh Báo (phân ra làm hai phần)

1. - Hóa chủ: (đức Hóa chủ)
2. - Hóa bạn: (các Hóa bạn)

Hóa Chủ (phân ra làm hai phần)

1. - Trung danh: (hỏi tên Phật)
2. - Hiện đức: (rõ đức Phật)

## Trung Danh

Này Xá Lợi Phất! Với ý ông nghĩ sao? Phậ kia có gì hiệu là A Di Đà?

Sớ: Văn trước nói y báo rất thù thắng mà y từ nơi chánh sanh ra, nên kể đây nói về chánh báo. Câu “với ý ông nghĩ sao?” là hỏi thử ông Xá Lợi Phất có hiểu biết hay không; nghĩa là đã biết Phậ kia hiệu là A Di Đà nhưng chưa hiểu nghĩa đó. Do vì Phậ kia là ông chủ chánh báo trong một bộ Kinh nên phải hỏi thử.

Sao: “Ông chủ chánh báo”: Có y, có chánh mà Phậ ở về ngôi chánh báo. Chánh báo có chủ, có bạn, mà Phậ là ông chủ của nước kia. Nghĩa kia phải hỏi là: Do Di Đà là danh hiệu đủ vạn đức, nghĩa rất sâu rộng, cần phải khai thị ra khiến cho người hiểu rõ, đặng mà sanh tâm hướng mộ.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh chánh tư duy là nghĩa “với ý ông nghĩ sao?”

Sao: So lường gọi là ý. Người đời khởi nơi ý thức, mỗi niệm mỗi niệm, so lường theo ngoại cảnh là tà tư duy vậy. Quay ý thức lại tự hỏi mình mà xét, suy đi nghĩ lại, lại đi rồi suy nghĩ cho cùng nguồn tột đáy, cho đến cái chỗ mà không còn gì nghĩ được nữa thời toàn thân tức là "Thọ", toàn tâm tức là "Quang", nào luận Phậ kia, Phậ đây.

### **Hiển Đức** (phân ra làm hai phần)

1. - Danh hàm đa nghĩa (Danh trùm nhiều nghĩa)
2. - Đạo thành viên kiếp (Đạo thành đã lâu)

### **Danh Hàm Đa Nghĩa** (phân ra làm hai phần)

1. - Quang minh vô lượng (sáng suốt không lường)
2. - Thọ mạng vô lượng (mạng sống không cùng)

### **Quang Minh Vô Lượng**

Này Xá Lợi Phất! Phật kia hào quang vô lượng. Vì chiếu 10 phương nước, không chỗ nào chướng ngại được; thế nên hiệu là A Di Đà.

Sớ: Chữ “vô lượng” đã giải như văn trước, nhưng vì chưa biết được cái tên vô lượng nên văn đây nói: Quang minh và thọ mạng, cả hai đều là vô lượng vậy.

Quang minh có hai nghĩa: 1.- Trí quang; 2.- Thân quang; lại có hai nghĩa: 1.- Thường quang; 2.- Phóng quang.

Lại sở nhơn của chữ Quang cũng có hai nghĩa: 1.- Vạn đức sở thành; 2.- Bản nguyện sở thành.

Sao: Trước giải hai chữ “quang minh” vậy. Trí quang, Thân quang là: Như đức Lô Xá Na, dịch “Quang Minh Biến Chiếu”: Tự thọ dụng thân, chiếu cõi chơn pháp giới; đó gọi là Trí quang. Tha thọ dụng thân khắp chiếu trong đại chúng; đó gọi là Thân quang.

Lại Kinh Niết Bàn nói: “Ngài Lưu Ly Quang Bồ Tát thân phóng quang minh; đức Văn Thù nói: Quang minh đây gọi là Trí huệ”. Thế thời sự lý viên dung, Thân và Trí không hai vậy.

“Thường quang, phóng quang” là: Hào quang thường hiển hiện, không phóng mà không lúc nào là không phóng... Như cái viên quang một tâm v.v... Phải vậy.

Phóng quang là hoặc ở giữa chơn mây, hoặc ở trên đánh, hoặc

miệng, hoặc răng, hoặc rôn, hoặc chơn, các nơi ấy, phải vậy. Văn đây nói chữ Quang là chánh ý ở chữ Thường, (thường quang) mà cũng gồm chữ Phóng (phóng quang) và Thân cùng Trí vậy (Thân quang, Trí quang). Như Kinh Đại Bồn nói: “Khi ấy, Phật A Di Đà từ nơi gương mặt phóng ra vô lượng hào quang”.

Kinh lại nói: “Ta (Thích Ca) dùng hào quang trí huệ, rộng chiếu vô ương số thế giới”. “Vạn đức sở thành” là: Kinh Hoa Nghiêm phẩm Hiền Thủ phân ra 44 pháp quang minh. Mỗi quang minh đều có cái sở nhơn của nó: Hoặc nhơn quy y Tam bảo, hoặc nhơn phát bốn lời hoằng thệ, hoặc nhơn tu pháp tam học, hoặc nhơn tu lục độ là các chỗ tu nhơn mà thành tựu vạn đức đó, mỗi mỗi đều kết rằng: Thế cho nên đặng thành quang minh ấy.

Lại Kinh Bát Nhã, Phật (Thích Ca) dạy: “Đối trong tất cả pháp ta không chấp chỗ nào cả nên đặng cái thường quang một tâm”. Thế thời biết: Nay hào quang sáng của đức Phật đây (A Di Đà) chẳng phải nhơn tu một đức mà thành vậy.

Câu “Bản nguyện chỗ thành” là: Kinh Đại Bồn ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Nguyện khi ta thành Phật, trong đánh có hào quang sáng, thắng hơn mặt trời, mặt trăng trăm ngàn vạn ức bội”.

Lại nguyện rằng: “Nguyện khi Ta thành Phật, hào quang sáng chiếu đến vô ương số thiên hạ các chỗ tối tăm đều đặng sáng tỏ. Các trời và nhơn dân nhĩn đến loài bò bay cựa quậy thấy hào quang ta, không ai là không phát từ tâm tác thiện để nguyện sanh về nước của ta”.

Lại trước lời nguyện nói lời kệ: “Hay khiến vô lượng cõi, hào

quang đều chiếu diệu”, nên nay ngài thành Phật đều đặn như sở nguyện.

Sớ: “Vô lượng” là nói chỗ chiếu rất rộng vậy. “Mười phương” là: Vì chang đồng Kinh khác, chỉ chiếu có một phương. “Không chướng ngại” là: Vì chang đồng nhựt quang (ánh sáng mặt trời) còn có chỗ khuất.

Sao: “Chẳng đồng Kinh khác” là: Như Kinh Pháp Hoa chiếu phương Đông thời không nói phương khác; và chỉ nói chiếu có 1 vạn 8 nghìn cõi mà không nói gồm hết các nước, thế thời cái nghĩa còn có chỗ sở thủ vậy.

Nay Kinh này thời nói bốn góc trên, dưới, tất cả cõi nước, không nước nào mà không được chiếu. “Chẳng đồng với nhựt quang” là: Mặt nhựt tuy có hào quang, nhưng thần Tu La che thời bị ngăn khuất. Giữa núi Thiết Vi thời bị ngăn khuất, dưới chầu úp thời bị ngăn khuất. Lại châu Nam Diêm Phù Đề sáng thời Châu Bắc Đôn Việt bị ngăn khuất, châu Tây Cù Da sáng, thì châu Đông Phất Vu bị ngăn khuất. Nay thời suốt núi thấu vách, thông chỗ tối đến chỗ mờ, không chi che đậy làm cho hào quang phải ẩn khuất mất; không gì ngăn cách làm cho hào quang bật dứt.

Như Kinh Đại Bản nói: “Hào quang của Phật kia sáng tỏ rất xa, hào quang của chư Phật khác không thể bì kịp. Các đức Phật ở 10 phương, trên đánh phóng ra hào quang sáng chiếu. Có đức Phật chiếu một dặm, có đức Phật chiếu hai dặm, như vậy lần xa. Có đức Phật chiếu hai trăm muôn dặm, như vậy lần xa. Có đức chiếu một thế giới, có đức chiếu hai thế giới, như vậy lần xa. Có đức chiếu hai trăm muôn

thế giới.

Duy có hào quang của đức Phật A Di Đà chiếu đến một nghìn vạn thế giới, không có cùng tận, cho nên hiệu Ngài là: Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật (21), Vô Ngại Quang Phật... nhằm đến Siêu Nhựt Nguyệt Quang Phật”, đều là nghĩa Quang Minh vô lượng vậy.

Trong Quán Kinh nói: “Viên quang đức Phật kia lớn như trăm ức cõi Tam Thiên đại thiên thế giới”. Lại nói: “Phật kia có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi mỗi tướng có tám vạn bốn nghìn cái tùy hình hảo (tướng tốt). Mỗi mỗi tướng tốt có tám vạn bốn nghìn quang minh, khắp chiếu 10 phương, chúng sanh niệm Phật, đều rước hết không bỏ sót”.

Lại Kinh Đại Bản nói: “Ông A Nan đầu lạy mới vừa chấm đất, niệm danh hiệu Phật, lúc lạy chưa đứng dậy, Phật phóng hào quang sáng lớn, khắp 10 phương trên dưới”, đây đều là nghĩa Quang Minh vô lượng vậy.

Hoặc hỏi thắc mắc rằng: Nhựt quang (mặt trời) còn có khi khuất, trong đời ai cũng biết. Hào quang Phật không khuất sẽ có chỗ chứng cứ bằng cách nào? Đáp: Mụ tở già của Ông Tu Đạt trưởng giả không muốn thấy Phật lánh vào trong phòng kín. Hào quang Phật soi đến, tường vách đều rỗng suốt trong ngoài bốn bên. Mụ xây mặt về phía nào cũng thấy thân Phật hiện trước... tức là chứng cứ cho cái nghĩa hào quang đức Phật không bị che khuất, nên gọi là Siêu Nhựt Nguyệt Quang.

Thọ Mạng Vô Lượng

Lại nữa này Xá Lợi Phất! Thọ mạng Phật kia và cả nhân dân trong nước đều sống vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp, nên kêu là Phật A Di Đà.

Sớ: Quang minh vô lượng là một nghĩa trong nhiều nghĩa vô lượng. Văn đây nói thọ mạng cũng vô lượng vậy. Phật thọ có 3: Pháp thọ, Báo thọ, Ứng thọ. Như Kinh Pháp Hoa và Quán Kinh, trong lời sớ nói rõ.

Song Phật thọ vô lượng là tùy cơ chỗ thấy. Đây nói vô lượng cũng có thể tức từ một số vô lượng trong nhiều số vô lượng.

Sao: “Thọ mạng” là: cái chỗ trải qua của số thọ mạng có ngắn có dài. Nay đương thời kỳ kiếp giảm, số thọ chỉ trăm năm (22). Dù thời kỳ kiếp tăng kia cũng chừng tám vạn (23). Dầu vị Luân vương, Trời Đế Thích (24), hay các đức Phật trụ thế cũng có hạn lượng. Duy có thọ mạng của Phật A Di Đà kia rất là lâu xa, không cuộc số thường, thế gọi là “vô lượng thọ”.

“Ba thọ” là: Kinh Pháp Hoa phẩm Thọ Lượng lời Sớ nói: Chử Thọ: Sống lâu. Cũng nói nghĩa “thọ” là chịu. Như Pháp thân là lý chơn như, nó không cách ngại các pháp nên gọi là lãnh chịu; như Báo thân Cảnh và Trí nó tương ứng với nhau nên gọi là lãnh chịu; như Ứng thân mắc cái báo trong một thời kỳ, trăm năm không đoạn nên bảo là lãnh chịu.

Pháp thân lấy lý chơn như làm thọ mạng; Báo thân lấy Trí huệ làm thọ mạng, Ứng thân lấy hai chữ nhơn duyên là thọ mạng.

Trong Quán Kinh lời sớ nói: “Phật thị hiện ra đồng tướng sanh diệt, có thi, có chung; đó là số thọ mạng của Ứng thân. Một phen

chúng quả được rồi thì chúng được luôn bằng cách vĩnh viễn. Có thì, vô chung đó là số thọ mạng của Báo thân. Chẳng thọ, chẳng phải thọ (sống lâu) vô thì vô chung, đó là số thọ mạng của Pháp thân vậy”.

Lại nói: “Thọ mạng của Phật kia thiệt có kỳ hạn. Toán, số học của người và trời, không đếm đặng”; thế là hữu lượng mà vô lượng vậy.

Ngài Việt Khê giảng rằng: “Kinh đây tuy nói Vô Lượng, chính là cái thân có 32 tướng chúng sanh thường thấy, chẳng phải cái thân thắng ứng cao lớn mà trong Kinh Thập Lục Quán nói”, cũng đồng ý văn trước.

Nay nói “tùy cơ chỗ thấy” là: Kinh này nói thân Phật không như định, trong văn nghĩa lý trước đã biện rành. Huống chi văn Kinh chỉ nói đức Phật A Di Đà hiện ở trước mặt đó, chưa hề chỉ định hiện cái thân bực nào? Ngài Việt Khê đâu đặng định cho là cái thân 32 tướng? Chắc rằng thân Liệt Ứng thời người liệt cơ tự thấy lấy, chớ không phải Kinh này chuyên chỉ lấy cái thân Liệt Ứng để hiện cho người liệt cơ vậy đâu?

Kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi Ta thành Phật, dầu cho 10 phương chúng sanh đều là bực Duyên Giác, Thinh Văn mà là bực tọa thiền như tâm, muốn tính tuổi thọ của Ta, dầu mấy nghìn ức kiếp, tính mãi cũng không thể biết được”. Đâu phải là cái vô lượng của thân thường thấy đó ư? Cho nên đức Thích Ca đã nhập diệt chôn Song Lâm rồi mà hoặc có người còn thấy hội Linh Sơn chưa giải tán. Với thân Phật Xá Na nghìn trượng mà có người thấy bằng thân kim sắc trượng sáu. Thế Phật vốn không đòi đòi mà do căn cơ nên thấy khác vậy thôi. Thế thời nói thọ mạng Phật kia bằng số lượng trên vô



lượng, cũng nào chẳng được?

Sớ: Câu: "Cập kỳ nhơn dân" là vì khéo dùng lời đảo ngược. Nói nhơn dân là vì Phật dụ như ông quốc chủ. "A tăng kỳ" Tàu dịch: Vô số, gấp hai số vô số gọi là số vô lượng vô biên. Nhơn dân số thọ có hai: 1.- Vì nhờ sức bản nguyện của Phật giúp. 2.- Vì nhờ sức công đức tu của mình.

Sao: "Lời đảo ngược" là: Nếu theo lời xuôi thuận phải nói như vậy: Phật và nhơn dân thọ mạng vô lượng. Như câu: Ba La Mật gọi là Bỉ Ngạn Đáo, phải nói Đáo Bỉ Ngạn mới thuận hơn. Lấy ý hội hiểu, chớ chấp lời hại ý.

Câu "Phật như ông quốc chủ": Nước kia tuy không có cái phong hóa bằng chế độ vua tôi, cha con; song Phật là pháp vương (25), có nghĩa như vua chúa. Người sanh về nước kia, nương theo Phật học Phật nên có cái nghĩa như nhơn dân, chẳng phải như cõi Ta đây: Bản đồ, sổ bộ, hệ thống; biên tên dân chúng vậy.

Số Tăng Kỳ (26) lại là một con số đầu trong 10 con số lớn (27). Từ một trăm số Lạc Xoa (28) bội thêm chồng chứa mà thành ra số A Tăng Kỳ. Lại Tăng Kỳ là một số vô lượng (29); vô lượng vô lượng là một số vô biên. Nay hiệp nói đó, tự có hai nghĩa: 1.- Thiệt rõ số kia, lấy số Tăng Kỳ tính đó, có vô lượng vô biên số Tăng Kỳ vậy. 2.- Tột khen số kia rất nhiều, không còn biên lượng, không còn cùng tột là Tăng Kỳ vậy.

"Phật lực" là: Kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi ta thành Phật, người trong cõi ta thọ mạng đều là vô ương số kiếp; không có ai tính đặng số kia". Đây là vì nhờ nguyện lực của Phật nên

có số thọ mạng ấy.

“Tự lực” là nhứt tâm niệm Phật, vì tâm được thanh tịnh nên hoa sen hóa sanh. Cái thân thanh nhẹ, chẳng đồng với cái nhục thân chất ngại có già, bệnh, chết; đây là nhờ sức mình tinh tấn nên có số thọ mạng ấy.

Sớ: Hỏi rằng: Vô lượng đây cũng có thể tức là vô lượng; trên vô lượng đây, nó có chứng cứ gì chăng?

Đáp: Lệ như trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói.

Sao: Văn trên dẫn lời sớ trong Quán Kinh nói: “Vô lượng đây là từ hữu lượng cho đến vô lượng, mà nói cũng có thể tức nói vô lượng cho đến vô lượng đây”, do vì văn đây chính giống Kinh Hoa Nghiêm: Kinh kia, văn hồi hướng nói "Vô lượng A Tăng Kỳ".

Lời giải rằng: Đây không phải là một trong hữu số (còn đếm được) mà nó chỉ là lời nói để tỏ nghĩa vô số. Nếu nhứt định có số thời còn bị hạn cuộc trong hạn lượng.

Nay Kinh này cũng nói "Vô lượng vô biên A Tăng Kỳ", hai Kinh văn thế ý rất giống nhau. Nên nói Phật kia thọ mạng cũng có thể tức là vô lượng của vô hạn lượng vậy.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thọ Lượng nói: Thế giới Ta Bà một kiếp (30) là thế giới Cực Lạc một ngày đêm. Một kiếp của thế giới Cực Lạc bằng một ngày đêm của thế giới Ca Sa Tràng; như thế lần lựa kiếp và ngày tương đối với nhau, cho đến trăm vạn số A Tăng Kỳ thế giới, tột đến thế giới Thắng Liên Hoa; thời ngày kiếp của thế giới Cực Lạc chỉ hơn ngày kiếp của thế giới Ta Bà mà thua rất xa với mấy thế

giới sau đó thì đâu đặng còn là vô lượng của vô hạn lượng ư?

Đáp: Kinh kia lời Sao giải rằng: “Ba thân dung hiệp thì ba thọ không ngăn ngại, tức dài cũng có thể thân ngắn, chính nói ngắn cũng kéo dài, không phải dài không phải ngắn thì dài ngắn đồng nhau. Mỗi mỗi đều hòa lẫn viên mãn, lời bàn ý nghĩ đều bật”. Từ đây nghĩa nó tự rõ, không nhọc công biện luận.

Sớ: Lại với thọ mạng quang minh đó chỉ là tóm tắt mà nói đó thôi, vì dùng số ít để gồm số nhiều. Hai bộ Kinh danh đề chỉ nói Vô Lượng Thọ ấy thì tóm lại càng tóm nữa vì thể nó gồm cả dụng. Nếu nói cho đủ ra thì y báo, chánh báo thấy đều vô lượng.

Sao: “Tóm nói” là vì Phật đủ muôn đức. Nay chỉ nói thọ mạng và quang minh ấy như Kinh Hoa Nghiêm về bực Bát Địa nói: Thân tướng vô lượng, trí huệ vô lượng, phương tiện vô lượng, quang minh vô lượng, thanh tịnh vô lượng, âm thanh vô lượng v.v... thời biết nói hai việc là dùng ít nhiếp nhiều.

“Thể nhiếp dụng” là: Hoặc có kẻ nạn rằng: Đã quang minh và thọ mạng cả hai đều nói, vì sao Kinh Đại Bản và Quán Kinh danh đề hai bộ đều chỉ nói: Vô Lượng Thọ mà không nói Vô Lượng Quang, nghĩa ấy lại làm sao?

Bởi do một tâm chơn như, không khứ, không lai, suốt xưa, suốt nay. Thọ kia vô lượng, quang kia cũng vô lượng vậy. Thể vàng thời hào quang vàng vì không lìa nhau vậy.

Luận Khởi Tín nói: “Tâm tánh không khởi (vọng) tức là đại trí huệ, đại quang minh, khắp giáp pháp giới”. “Không khởi” là thọ vậy. Trí huệ là quang vậy. Nói thọ thời quang ở trong đó, nên nói một cái

gồm đủ.

“Y, Chánh vô lượng” là: Tự một thân Phật có bao nhiêu công đức và như vãn sau, có bao Thanh vãn, Bồ Tát, nhẫn đến vãn trước những lan can, lưới giăng, hàng cây v.v... món món trang nghiêm hết thảy đều là vô lượng vậy.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh thường chiếu là nghĩa quang minh. Tự tánh thường tịch là nghĩa thọ mạng. Tự tánh tịch chiếu chẳng hai là nghĩa A Di Đà.

Sao: Tánh khôn tỏ rộng suốt. "Quang" bật bờ bên; tánh vắng lặng thường hằng "Thọ" nào tính kể. Thường hằng mà lại rộng suốt nên tức "Thọ" mà "Quang". Rộng suốt mà cũng thường hằng nên tức quang mà thọ. Như vậy thời Phật A Di Đà tuy trải qua ngoài 10 muôn ức cõi mà thật ra vẫn ngồi kiết già chễm chệ không động ngay trong tâm chúng sanh nơi thế giới Ta Bà này. Thế sao lại đeo pháp trường sanh, luồng uổng kiếp chết yểu, đội ánh sáng mặt trời trở thành cái màn đen tối. Tâm vốn là Phật, tự muội tâm mình; Phật vốn là tâm, tự mê ông Phật mình.

### Đạo Thành Viên Kiếp

Này Xá Lợi Phất! Đức A Di Đà từ thành Phật đến nay ước đã 10 kiếp.

Sớ: Đã biết ý nghĩa của tên đức Phật kia, nhưng chưa được biết ngài từ thành Phật đến nay đã trải bao nhiêu thời kiếp.

Chữ "Kiếp" nói đủ là Kiếp Ba, Tàu dịch là Thời Phần. “Mười kiếp”: có chỗ nói “mười đại kiếp”, và có chỗ nói “mười tiểu kiếp”.

Nay Kinh này nói lâu xa chắc là 10 Đại kiếp. Lại 10 đại kiếp cũng là nói trong một thời kỳ phó cảm tùy cơ. Xét tốt mà nói, ngài thành Phật nhân này cũng đến vô lượng như trong Kinh Pháp Hoa nói.

Sao: Một Đại kiếp có 4 trung kiếp: Kiếp thành, kiếp trụ, kiếp hoại và kiếp không. Mỗi trung kiếp đều có 20 tiểu kiếp; trọn 80 kiếp mới thành một đại kiếp (30). Nói 10 đại kiếp là 800 tiểu kiếp vậy.

Ý Kinh nói: Vì tỏ cho biết ngài thành Phật đã lâu xa; nếu nói tiểu kiếp thời chưa thấy chỗ xa kia. Nay y theo bản dịch đời nhà Đường, nói 10 đại kiếp.

Câu “cũng tới vô lượng” là như trong Kinh Pháp Hoa, chúng nghi đức Thế Tôn (Thích Ca) thành Phật chưa bao lâu, làm sao các vị Bồ Tát tu đã nhiều kiếp kia là được Ngài giáo hóa?

Phật dạy: “Ta thiết thành Phật đến nay vô lượng vô biên kiếp rồi”. Thế thời Đức Di Đà thành Phật kia có thể lường được ư?

Sớ: Nếu xét cái nhơn địa của đức A Di Đà, từ thành Phật sắp về trước chẳng phải một cái nhơn làm "Pháp Tạng" mà thôi, có nhiều cái nhơn nữa như trong các Kinh nói.

Sao: “Nhơn làm Pháp Tạng” là Kinh Đại Bồn nói: “Trước đức Phật Định Quang, có đức Phật thứ 53 tên là Thế Tụ Tại Vương. Khi đó ngài Pháp Tạng đang làm vị Quốc vương, bỏ ngôi đi xuất gia, phát 48 lời nguyện”. Nay Phật A Di Đà đây là ông Phật do ngài Pháp Tạng tu thành vậy.

“Còn nhiều nhơn nữa” là: 1.- Kinh Pháp Hoa nói: Thời kỳ Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai có 16 vị vương tử đi xuất gia tịnh tu

phạm hạnh, cầu quả Bồ Đề vô thượng. Sau khi Phật Đại Thông diệt độ, 16 vị thường ưa thuyết Kinh Diệu Pháp Hoa; ấy sau cũng thành Phật hết cả. Vị vương tử thứ 9 thành Phật ở về phương Tây. Vị vương tử thứ đó nay là A Di Đà vậy.

2.- Kinh Bi Hoa nói: vô lượng kiếp về trước, có vua Chuyển Luân Vương tên Vô Thánh Niệm, cúng dường cho Phật Bảo Tạng Như Lai. Lúc đó vua phát nguyện rằng: “Nguyện khi Ta thành Phật, trong nước ta nhiều món thanh tịnh trang nghiêm, Phật Bảo Tạng thọ ký cho, qua kiếp số hằng hà sa, làm Phật ở thế giới phương Tây, nước tên là An Lạc”. Vị Quốc Vương thứ đó, nay là Phật A Di Đà đây.

3.- Kinh Đại Thừa Phương Đẳng Tổng Trì nói: “Thời kỳ Phật Vô Cấu Diệm Xung Khởi Vương Như Lai, có ông Tịnh Mạng tỳ kheo thuộc lòng các Kinh, cộng 14 ức bộ. Tùy tâm chúng sanh ưa muốn, rộng vì thuyết pháp. Ông Bí Sô thứ đó, nay là Phật A Di Đà đây”.

4. - Kinh Hiền Kiếp nói: “Thời kỳ Phật Vân Lô Hống Như Lai có vị vương tử tên Tịnh Phước Báo Chúng Âm cúng dường Phật kia. Vị vương tử thứ đó nay là Phật A Di Đà đây”.

5. - Kinh kia lại nói: “Thời kỳ Phật Kim Long Quyết Quang, có ông pháp sư tên Vô Hạn Lượng Bảo Âm Hạnh ra sức hoằng hóa Kinh pháp. Ông pháp sư thứ đó nay là Phật A Di Đà đây”.

6. - Kinh Quán Phật Tam Muội quyển thứ chín nói: Thời kỳ Phật Không Vương có bốn ông tỳ kheo bị phiền não che tâm, thoát nghe giữa thính không dạy bảo phải quán Phật, liền đặng pháp Niệm Phật Tam Muội. Ông tỳ Kheo thứ ba thứ đó, nay là Phật A Di Đà đây.

7. - Kinh Như Huyền Tam Ma Địa Vô Lượng Ân Pháp Môn nói:

“Thời kỳ Phật Sư Tử Du Hý Kim Quang Như Lai, có vị quốc vương tên Thắng Oai, tôn trọng cúng dường Phật kia, tu hạnh thiên định; vị Quốc vương thuở đó, nay là Phật A Di Đà đây”.

8. - Kinh Nhứt Hương Xuất Sanh Bồ Tát nói: “Đức Phật A Di Đà thuở trước làm vị thái tử nghe pháp môn vi diệu đây, vâng giữ tinh tấn, trong 7000 (bảy nghìn) năm lưng chẳng đến chiếu, không nhớ ái dục, tài bảo, không hỏi đến việc của người khác, thường ở chỗ một mình, ý chẳng lay động; lại giáo hóa tám nghìn ức số na do tha người, chứng quả bất thối chuyển; vị thái tử thuở đó nay là Phật A Di Đà đây”.

Như trên lược kể vài sự tích, nếu nói nhiều kiếp nhiều hơn cũng tới vô lượng.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh xưa nay thành Phật là nghĩa 10 kiếp.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Mười đại kiếp là nêu số vô tận”, tức nay nói tự tánh mình thành Phật sắp lại đây nào những chỉ từ bên kia Phật Oai Âm Vương? Mà là bên kia lại còn bên kia, trần sa kiếp lại trần sa kiếp nữa vậy! Nếu quyết định chấp 10 kiếp, chi khỏi bị người xưa nói: “Cũng còn là con cháu của ông Vương lão sư” (31).

### **Hóa Bạ** (phân làm hai phần)

1. - Hiện tại (người bản xứ)
2. - Vãng sanh (kẻ đến ở)

### **Hiện Tại** (phân làm 3 phần)

1. - Thanh Văn: (thánh Thinh văn)
2. - Bồ Tát: (thánh Bồ Tát)

### 3. - Tổng kết: (chung kết)

#### **Thanh Văn**

Lại này Xá Lợi Phát! Phật kia có đệ tử đã chứng quả thính văn mà đều là bực A La Hán nhiều đến số vô lượng vô biên, chẳng phải tính số chỗ hay biết được.

Sớ: Chủ ắt có bạn. Trước nói hàng Thinh Văn, kể nói hàng Bồ Tát đều là những bạn lữ trong ngôi phẩm thánh hiền vậy.

Văn đây trước nói hàng đệ tử Thanh Văn. Thanh Văn là nghe tiếng Phật dạy pháp Tứ Đế mà được chứng quả. A La Hán là lựa không phải ba quả trước vậy. Trong đây không nói Duyên Giác là vì gồm trong hàng Thanh văn. “Chang phải toán số” là: Nói số kia rất nhiều vậy.

Sao: “Nghe pháp Tứ Đế” là: Đức Thế Tôn vì các ông: Kiều Trần Như v.v... năm người, chuyên bánh xe: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ban đầu chỉ cho pháp Tứ Đế, thứ hai khuyên tu, đến thứ ba thời chứng quả. Các lậu phiền não đã hết, thành quả A La Hán. Nhon nghe tiếng Phật dạy mà được mở tỏ nên gọi là quả Thinh Văn. Cái hiệu Thinh Văn chung ba quả trước; nay quả thứ tư là quả A La Hán vậy.

“Duyên Giác nhiếp” là: bực Duyên Giác quán xét tu pháp thập nhị nhơn duyên mà đặng tỏ ngộ tự tánh; tuy 12 nhơn duyên mà tóm lại không ngoài pháp Tứ Đế. Bực này tuy có tâm lợi sanh, nhưng chưa được rộng nên thuộc hàng Thinh Văn vậy.

“Toán số” là pháp toán số trong thế gian. Cao tột là ở nơi pháp cửu chương. Pháp toán số của Phật nói như số phẩm A Tăng Kỳ trong



Kinh Hoa Nghiêm thời chẳng phải tâm lực của người đời học tính nổi đặng. Văn đây nói pháp toán số là nói chung luôn cả pháp toán số của thế gian và xuất thế gian. Do số đệ tử Thanh văn cõi kia rất nhiều vô tận, vượt khỏi ngoài pháp toán số, dù ông Lạc Hoành người đời Hán Vũ Đế, ông Nhứt Hạnh Thiên sư đời Đường Huyền Tông không thể ra tài hay khéo mà tính cho đặng.

Văn trên nói số vô lượng, vô biên, là nhằm con số thứ hai, thứ ba, trong 10 con số lớn, thế là có toán số; nhưng văn đây nói: "Chẳng phải dùng phép toán số mà biết được"; cho nên biết vô lượng chính là lời tán thán rất nhiều, không nên lấy số thường mà chấp vậy.

Như Kinh Đại Bản nói: "Dầu cho các bậc tỳ kheo đây một ức số na do tha trăm nghìn số lượng, đều có pháp thần thông như ông Mục Liên, muốn chung tính kể số Thinh Văn hội ban đầu của Phật kia, dùng hết thần lực trừ tính, trong trăm phần không biết được một phần, nhữn đến phần Ô Ba Ni Sát Đàm (33) cũng không biết được một".

Lại nói: "Phật bảo Ông A Nan: „Giả sử có người nhỏ lông trong một thân nghiên làm mảy bụi. Dem những bụi ấy quăng trong biển mức nước ra. Nước của mảy bụi nhiều, hay nước trong biển nhiều?"

Ông A Nan bạch rằng: „Thưa đức Thế Tôn! Nước của mảy bụi không đầy nửa bùm; còn nước trong biển kia vô lượng'. Phật dạy: „Này A Nan! Đệ tử về hàng Thanh Văn trong cõi Phật kia; với số mà có thể biết được đó như nước của mảy bụi; còn số mà không tính hết được đó như nước trong biển kia".

Sớ: Trong Luận nói: "Bực nhị thừa chẳng sanh" nay nói có Thanh Văn đó là do bực ấy quen tập pháp thừa, chẳng bao lâu cũng chứng

đặng Đại thừa, rốt rồi không còn Tiểu thừa nữa như trong Quán Kinh lời sớ nói. Nếu cứ theo nghĩa đức Phật ngài biến hóa thời có Tiểu thừa cũng không ngại gì.

Sao: “Rốt rồi không Tiểu thừa” là: trong Quán Kinh lời sớ nói: “Những người quen tập Tiểu thừa vốn chẳng đặng sanh, nhưng do kia khi lâm chung phát tâm Đại thừa, cũng đặng vãng sanh. Do vì quen tập Tiểu thừa, vừa nghe Phật nói các pháp: Khổ, Không, Vô thường, thuận theo tánh quen trước, liền chứng quả Tiểu thừa mà cái tâm hướng Đại đã thành. Huống đặng gần Phật, chẳng bao lâu sẽ chứng Đại thừa thì đâu còn làm Thịnh Văn nữa ư?”

Thế thời Kinh nói cõi kia có Thanh Văn là do vì tạm có nên trong Luận nói: “Bực nhị thừa chẳng sanh là do vì cõi kia quyết định không có Tiểu thừa”. Câu “Tiểu cũng không ngại” là cõi Tịnh Độ còn dung chứa các loài chim, hàng Thịnh Văn há chẳng bằng chim sao? Với chim đã biến hóa làm thành ra thì Thanh Văn đâu lại riêng thật có. Dù cho nước kia vẫn có Thịnh Văn đi nữa cũng chẳng ngại gì.

### **Bồ Tát**

Các chúng Bồ Tát cũng nhiều như vậy.

Sớ: Nương văn trên chẳng những chúng Thanh Văn Tiểu thừa mà các bực Đại thừa Bồ Tát không bực nào chẳng sanh.

Câu “cũng nhiều như vậy” là cõi kia có các chúng Bồ Tát cũng nhiều vô lượng vô biên, không thể kể hết số. Và lại Bồ Tát ấy cũng đủ vô lượng vô biên công đức như trong Đại Bản nói.

Sao: Bồ Tát là: Từ bực sơ tâm (là mới phát tâm tu Bồ Tát) nhẫn

đến bực Địa Tận (là hết thấy Bồ Tát cả Thập Địa), như trong khoa giáo khởi trước đã biện rành và như trong văn Bồ Xứ sau có dẫn, nói Bồ Tát rất nhiều vô lượng, đâu có thể kể số. “Công đức” là Kinh Đại Bản, Phật khen món món công đức của Bồ Tát ở nước kia, lập làm 23 lời dụ: 1.- Tánh Bồ Tát kiên cố bất động như núi Tu Di. 2.- Trí huệ sáng suốt như ánh sáng mặt nhật, mặt nguyệt. 3.- Tánh rộng lớn như biển vì hay sản xuất các của báu công đức. 4.- Tánh sáng rõ như lửa vì thiêu củi phiền não. 5.- Tánh nhẫn nhục như đất (đại địa) vì bình đẳng với tất cả chúng sanh. 6.- Tánh thanh tịnh như nước trong vì rửa các trần cấu. Nhẫn đến dụ 23, như Đức Từ Thị một quán niệm vì bình đẳng với cả pháp giới. Rốt lại kết rằng: “Nay vì các ông, ta nói lời cốt yếu thể thôi. Bằng nói rộng ra một kiếp nói cũng chẳng hết!” thời biết số Bồ Tát vô lượng, vô biên, công đức của Bồ Tát cũng vô lượng, vô biên như vậy.

Sớ: Như Kinh Hoa Nghiêm nói: chỗ ở của Như Lai, các chúng sinh thanh tịnh nương ở trong đó, chính đồng nghĩa đây.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm quyển 25 nói: “Tất cả chư Phật quốc độ trang nghiêm. Chỗ ở của Như Lai bất khả tư nghì, những chúng thanh tịnh có duyên đồng tu đời trước, nương ở trong đó. Trong đời vị lai sẽ thành ngôi chánh giác”.

Chỗ ở của Như Lai tức là Cực Lạc quốc độ của Phật A Di Đà. Chúng thanh tịnh kia tức các vị Bồ Tát. Đời vị lai sẽ thành Phật tức văn Bồ Xứ sau có nói.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh tức không, tức giả là nghĩa Phật kia có Thanh Văn, Bồ Tát.

Sao: Tánh không thời lý nhứt chơn đứng lặng (chơn như bất biến). Tánh giả thời vạn dụng hằng sa (bất biến tùy duyên). Đứng lặng thời thăm thăm không bờ mé. Hằng sa thời rộng lớn vô cùng tận, đâu từng tính số, và khá đặng so lường ấy u. Thế thời Thánh Hiền bực Tam thừa chung thờ một vị Phật; Chơn Tục cả hai để đồng do một cái tâm. Một tâm rõ ràng, Phước đủ, Huệ đủ.

### Tổng Kết

Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật kia, thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Sớ: Kết văn trên, Thanh Văn, Bồ Tát là đệ tử trang nghiêm, đều bởi nguyện hạnh công đức do tu nhơn đời trước của Phật kia nên nay kết quả thành tựu như vậy. Trong Luận nói: “Nhu Lai là nhóm tịnh hoa. Hoa chánh giác đặng sanh”, phải vậy.

Sao: Nguyện là: Kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, Bồ Tát trong cõi ta, thần thông, trí huệ biện tài, tướng hảo oai thần thảy đều như Phật”. Đến nay Ngài thành Phật, đặng toại sở nguyện.

Hạnh là: Kinh Đại Bản ngài Pháp Tạng nguyện giáo hóa chúng sanh tu hành pháp lục độ, rộng làm việc giáo hóa đến vô lượng chúng sanh, phát tâm bồ đề. Hạnh nay đặng thành tựu mới có đệ tử trang nghiêm như thế.

“Nhóm Tịnh Hoa” là như Kinh Tịnh Danh: “Bảy giống tịnh hoa: 1.- Giới tịnh: Vì tịnh hết ba nghiệp. 2.- Tâm tịnh: Vì các phiền não kết lậu đã tịnh. 3.- Kiến tịnh: Vì thấy rõ tánh chơn của các pháp, không khởi vọng tưởng nữa. 4.- Độ nghi tịnh: Vì kiến giải sâu thì nghi hoặc

liền dứt. 5.- Phân biệt đạo tịnh: Vì phải đạo nên làm, không phải đạo nên bỏ. 6.- Hành đoạn tri kiến tịnh: Vì chỗ làm chỗ đoạn đều thông đạt. 7.- Niết Bàn tịnh: Vì đã chứng quả vô học (A La Hán)”.

Ngài Hải Đông nói: “Bảy món đây thuộc lời luận tụng của hàng Thanh Văn. Nay đây cho rằng cũng đặng gồm chung Bồ Tát, lệ như 37 phẩm vì chung cả Đại thừa, Tiểu thừa”.

Từ văn lan can, lưới giăng hàng cây đến đây. Y, chánh cộng là 5 phen kể những món trang nghiêm, với nghĩa của sự vật trong nước Cực Lạc lược tốt nơi đây. Văn sau chúng sanh sanh về đó và đi bổ xứ v.v... cũng nhiếp thuộc trong văn chánh báo.

### QUYỂN 3D

Vãng Sanh (phân ra làm hai phần)

1. - Đại Chúng (cả nhân chúng)
2. - Thượng Thủ (bực bề trên)

#### Đại Chúng

Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc, chúng sanh ở các nơi được sanh về đó đều đặng A Bệ Bạt Trí.

Sớ: Nương văn trên: Chang những chúng hiện ở nước kia, không vị nào chang phải Thánh Hiền, nhưng hễ ai được sanh về đó, đều đặng bực Bất Thối. “Chúng sanh” là cái danh từ tóm nhiếp tất cả. A Bệ Bạt Trí là: Tầu dịch Bất Thối Chuyển địa, như Kinh Đại Bản và trong luận đã nói: Lại có nhiều món nhơn duyên nên đặng bực Bất Thối. Như bộ Thập Nghi năm món, bộ Thông Tán 10 việc tốt, bộ Quần Nghi 30 điều

lợi ích v.v....

Sao: “Sanh về đều đặn bất thối” là: Sợ người nghi nước kia vốn nhiều thánh hiền, song đều là bực thượng sĩ tu lâu; người mới sanh về vị tất đặn bất thối, nên văn đây nói: không luận thánh, phàm, hễ ai tu trì danh niệm Phật được sanh về đó liền đặn bất thối chuyển một cách như nhau, để giải quyết cái nghi của người kia vậy.

Như trong Kinh Đại Bản đã nói: “Người sanh về nước kia, ở với nhau bằng điều nhơn, đối chác nhau bằng việc nghĩa, không làm gì quấy quá, trong không có cái tâm dâm nộ, thói ngu si”.

Lại nói người sanh về nước kia thấy đều trọn đủ 32 tướng tốt, các căn sáng tỏ, nhẫn đến thành Phật chẳng mắc vào ác thú. Lại trong Luận lời tụng nói: “Những chúng người và trời tâm đều bất động, toàn là ở trong biển trí thanh tịnh sanh ra”. Bất động tức là bất thối. Bởi do sức niệm Phật, được nhờ biển trí Như Lai thấm nhuần sanh ra nên có tấn mà không thối.

“Năm món” là bộ Thập Nghi Luận nói: “Có năm món nhơn duyên nên đặn bất thối: 1.- Nhờ nguyện lực đại bi Đức Di Đà nhiếp trì nên bất thối. Nay giải rằng: như Kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta làm Phật, ai nghe danh hiệu ta, qui y tinh tấn liền đặn pháp nhẫn thứ nhứt, pháp nhẫn thứ nhì và pháp nhẫn thứ ba”. Ở trong pháp chư Phật hằng không thối chuyển, ví như qua biển cả được đi chiếc tàu to thì khỏi chìm đắm. 2.- Nhờ hào quang Phật thường chiếu nên tâm Bồ Đề tăng tiến không thối. Nay giải rằng: Như Kinh Đại Bản nói: “Thấy hào quang sáng của Phật, mà sanh từ tâm; lại người niệm Phật, Phật phóng quang minh nhiếp hộ người ấy. Ví như

mặt trời, mặt trăng chiếu rọi đường tôi, thì khởi sa hằm hổ”. 3.- Nhờ nước, chim, cây, rừng, tiếng gió, tiếng nhạc, đều nói ra pháp khổ không, người nghe thường khởi tâm niệm Phật, Pháp, Tăng, nên bất thối. Nay giải rằng như Kinh đây và trong hai bộ nói: nước, chim, cây, rừng, gió, nhạc. Ví như người vong giả nghe tiếng khánh, tiếng chuông, tăng thêm chánh niệm. 4.- Toàn là các bực Bồ Tát, dùng làm bạn lành, ngoài không ma, tà, trong không phiền não nên bất thối. Nay giải rằng: Như Kinh đây nói: “Cõi kia các người bực thượng thiện đồng hội một xứ”. Ví như đem con đẽ ở nơi xóm Trang Nhạc (34) nước Tề thì không còn nói tiếng Sở.

5 - Nhờ thọ mạng vĩnh kiếp, cùng Phật bằng bực nên bất thối. Nay giải rằng: Như trong Kinh nói: “Phật và nhơn dân thọ mạng vô lượng”. Ví như đi con đường muôn dặm, nương theo thời gian lâu mau rồi cũng đến Bảo Sở.

Còn 10 việc tốt và ba mươi điều lợi ích, đại khái đồng với đây, vì số nhiều không dẫn.

Sớ: Lại bất thối có ba nghĩa: Đại thừa bất thối; dĩ đắc bất thối; vị đắc Bất thối, lệ như Kinh Di Lạc vẫn nói.

Sao: “Đại thừa bất thối” là: Vì vãng sanh về nước kia, là đi ngay vào bực Đại thừa, không còn thối chuyển là hàng Tiểu thừa nữa (hay nhị thừa cũng thế).

“Dĩ đắc bất thối” là vì hễ sanh về nước kia, phạm chỗ đã đặng, không còn thối chuyển, tan mất cái mình đã có (chứng).

“Vị đắc bất thối” là: hễ sanh về nước kia, phạm chỗ chưa đặng, không chi làm thối chuyển, ngăn con đường tiến tới trước.

Lại Kinh Di Lạc vẫn nói: “Tự phần kiên cố gọi là bất thối. Thắng tấn bất hoại, gọi là bất chuyển”. Văn đây nghĩa: Đại thừa; dĩ đắc và vị đắc. Ba nghĩa phối đó thời hai nghĩa trước đồng với Tự Phần; một nghĩa sau đồng với Thắng Tấn.

Sớ: Lại đồng tên là bất thối, nhưng có chỗ thấp và cao. Như trong Khởi Tín và thuyết ngài Diệu Tông, ngài Từ Chiếu nói v.v...

Sao: Luận Khởi Tín nói: “Người sanh về nước kia thường thấy Phật, rốt đặng bực bất thối”. Lời sớ nói bất thối có ba vị: 1.- Tín hạnh chưa đủ, chưa đặng bất thối. Vì không có duyên thối nên gọi là bất thối. 2.- Vị Thập Tín đầy đủ tiến vào vị Thập Trụ, đặng thiếu phần pháp thân, gọi là bất thối. 3.- Vị Tam Hiền viên mãn tiến vào vị Sơ Địa sắp tới, chứng biến mãn phần pháp thân, gọi là bất thối.

Lại ngài Diệu Tông làm lời sao nói: “Bất thối có ba nghĩa: nếu phá được kiến hoặc, tư hoặc, gọi là vị bất thối, thời hằng không mất cái ngôi siêu phàm. Nếu dẹp được trần sa hoặc, gọi là hạnh bất thối thời hằng không mất cái hạnh Bồ Tát. Nếu phá tan được vô minh hoặc gọi là niệm bất thối, thời hằng không mất cái chánh niệm trung đạo”.

Lại ngài Từ Chiếu Tông Chủ làm bộ Tứ Độ Đồ thuyết nói: “Bởi người chưa đoạn phiền não hoặc, sanh cõi Đồng Cư, là nguyện bất thối. Người đã phá kiến hoặc, tư hoặc, sanh cõi Phương Tiện là hạnh bất thối. Người phá được trần sa hoặc và phá được một phần vô minh hoặc, sanh cõi Thiệt Báo là trí bất thối. Người phá luôn hết ba hoặc, sanh cõi Tịnh Quang, là vị bất thối”. Thế thời cái tên bất thối tuy đồng mà thấp, cao tự khác, lệ như nghĩa cửu phẩm.

Sớ: Lại trong tứ giáo nói bất thối chẳng phải như nghĩa Kinh này.



Sao: Trong tứ giáo đều nói bất thối như: Tạng giáo tu biệt tướng niệm là bất thối, Thông giáo đượ tánh địa là bất thối, Biệt giáo bực Thất Trụ là bất thối, Viên giáo bực Thất tín là bất thối. Thế thời biết từ đây sắp trước, tấn thối chưa định.

Nay người niệm Phật miền sanh nước kia, đầu trước kia là người ác hay súc sanh, nay cũng đặng bất thối; đâu chẳng tốt màu mau lạ, khác hơn các Kinh giáo kia!

Sớ: Xứng lý thời tự tánh thường trú là nghĩa bất thối chuyển.

Sao: Ví như hư không, từ xưa đến nay không từng thối chuyển, đâu muốn thối chuyển, thối đến chỗ nào?

### **Thượng Thủ**

Trong nước kia, có nhiều vị nhứt sanh bổ xứ. Số ấy rất nhiều chẳng phải toán số mà biết đượ, chỉ khá dùng số vô lượng, vô biên a tăng kỳ mà nói thôi.

Sớ: Nương văn trên nói: „Người sanh nước kia đâu những bất thối, lại còn có bực Bồ Tát bổ xứ không thể kể xiết’ để khuyên người cầu sanh vậy. Bổ xứ là: chỉ một đời này kế bổ ngôi Phật, tức bực Đẳng Giác Bồ Tát.

Sao: “Khuyên người cầu sanh” là: Người sanh về đó đều đượ bất thối, đã hơn các nước, lại nhiều vị bổ xứ, khá gọi rằng: Siêu vượt thù thắng rất tốt đó vậy.

“Chỉ một đời này” là: Người ở cõi này tu hành bỏ thân này thọ thân khác, nghìn đời muôn đời chưa có cùng tội, nhữ đến người chứng tam quả cũng còn có sanh; bực A La Hán mới đoạn đượ thân

hậu hữu. Tuy đoạn thân hậu hữu, nhưng chưa đặng thành Phật.

Nay Kinh này nói, chỉ còn một đời, kế liền bỏ đi làm Phật. Trước như ngài Hộ Minh, sau như ngài Từ Thị là vị Bồ Tát tốt ngôi. Lại Kinh Đại Bản nói: “Người sanh về nước kia đều đủ 32 tướng tốt, rớt ráo thâm nhập chỗ yếu nghĩa pháp mâu”, đều còn một đời, sẽ bỏ xứ làm Phật.

Cứ đây, thời như vị thụ quân (thái tử) tạm ở Đông cung quyết định nối ngôi Nam Diện, chẳng phải sánh với các hàng bá quan lân hồi tăng chức, bất quá tới bực nhơn thân cực vị mà thôi. Các vị Bồ Tát đây cũng đều nguyện vãng sanh, những người khinh dễ cõi Tây phương sao mà chẳng xét cho lắm?!

Sớ: Hỏi: Xứ kia, đức Quan Âm kế sẽ bỏ ngôi Phật, kế là Thế Chí. Sau đức Thế Chí không nghe nói bỏ ai? Nay nói: Bỏ xứ rất nhiều, vậy chớ ngày nào sẽ bỏ? Lại bỏ xứ đó vị Bồ Tát đã tiến lên hết thập địa, vào trụ ngôi Đẳng giác như mặt trăng giữa các ngôi sao, đâu đặng rất nhiều đương ở nước kia?

Đáp: Bỏ xứ bất tất định bỏ chỗ xứ của Phật Di Đà, mà 10 phương thế giới vô tận, chư Phật nhập Niết Bàn vô tận, Bồ Xứ Bồ Tát cũng vô tận. Nhiều vị trụ trong cõi nước kia mà đợi bỏ xứ, thì sao lại chẳng đặng?

Lại chư Phật cũng như vi trần, không có cùng tận; huống là Bồ Tát số kia rất nhiều, không đủ gì nghi, như trong Đại Bản nói.

Sao: Kinh Đại Bản nói: “Phật (Thích Ca) bảo ngài Di Lạc: Trong thế giới này (Ta Bà) có 720 ức vị Bồ Tát sanh về cõi kia, mỗi mỗi vị ấy đã từng cúng dường vô ương (34) số Phật như ông Di Lạc đây; các

vị tiểu Bồ Tát cũng được vãng sanh không thể kể xiết. Thế giới phương khác: 1.- Cõi Phật Quang Viễn Chiếu, cũng có 80 ức Bồ Tát đều đang sanh về. 2.- Cõi Phật Bảo Tạng cũng có 90 ức. 3.- Cõi Phật Vô Lượng Âm cũng có 220 ức như thế. Lần hồi kể đến 44 cõi Phật, nhần đến vô lượng cõi Phật, những người vãng sanh không thể kể xiết. Chỉ nói danh hiệu Phật, cùng kiếp không hết, huống các Bồ Tát đang sanh về đó. Nói như Di Lặc thời rất nhiều vị Bồ xứ càng thêm chứng rõ.

Sớ: Như văn trước, y, chánh hai báo. Hoặc trong văn Kinh có, trong văn bản nguyện không; hoặc trong văn bản nguyện có, trong văn Kinh không, lẫn thấy không ngại.

Sao: Nếu cứ theo nghĩa chúng sanh mộ Phật phát nguyện, nguyện mãn thành Phật thời cõi kia mỗi món sở hữu đều là mỗi lời nguyện của Phật kia đã thành, thấy đều in hiệp. Nay nói lẫn nhau làm có, không đó vì văn hơi khác, nhưng ý thời đầy đủ vậy.

Lại như ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta làm Phật trong cõi nước ta, các trời, nhơn dân, tất cả vạn vật đều nghiêm tịnh sáng suốt, hình sắc xinh đẹp, tốt nhiệm rất mau, không ai có thể cân lường. Dầu đặng pháp thiên nhân thông cũng không thể biện biết được cái danh số đó”. Xem đây, thời chỉ nói chánh báo, y báo, đâu chẳng nhiếp hết?! Chẳng nên chấp văn mà hạn nghĩa.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh quyết định thành Phật là nghĩa nhưt sanh bổ xứ.

Sao: Ngài Khuê Phong nói: “Nay biết tâm mình là Tâm Phật, quyết sẽ làm Phật”. Nhưng mà Phật xưa nay vẫn thành Phật, chứ chẳng

phải có làm mới đặng. Thế thời chỉ thấy cái Thi Giác Phật mới đây, chớ không biết cái Bản Giác Phật sẵn có. Nên gọi rằng: Bỏ thời quyết định bỏ. Thành Phật thời thiệt chẳng phải thành.

### **B.- Chánh Thi Nguyện Hạnh Linh Tri Tu Chứng**

(phân ra làm bốn phần)

1 - Phát Nguyện

2 - Khởi Hạnh

3 - Cảm Quả

4 - Kết Khuyến

(Dấy lòng nguyện) (làm công hạnh) (cảm được quả) (kết lời khuyên)

#### **Phát Nguyện (phân ra làm hai phần)**

1. - Khuyến phát nguyện tâm (khuyên dấy lòng nguyện)
2. - Xuất kỳ sở dĩ (chỉ lý do kia)

#### **Khuyến Phát Nguyện Tâm**

Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe lời ấy rồi nên phải phát nguyện sanh về nước kia.

Sớ: Văn trên kể bày y, chánh hai báo, văn đây nói chúng sanh được nghe lời đây nên cần phát khởi đại nguyện để nguyện sanh về nước kia, ấy là: Khuyến lần thứ nhứt, sau mới tráo trở tỏ bày (tráo trở là lặp đi lặp lại nhiều lần).

Sao: 1.- Khuyến lần thứ nhứt là: Trong Kinh nói đi nói lại nhiều lần: Khuyến nghe, khuyến tin, khuyến nguyện, ước có bốn lần. Nay nhằm lần khuyến ban đầu là nghe nói đến công đức y, chánh trang

nghiêm thù thắng mà phát nguyện. 2.- Nói nghe nói lời ấy là: Nghe lời nói nhứt tâm trì danh, quyết định vãng sanh mà phát nguyện. 3.- Nói nghe Kinh này đây là: Nghe nói pháp Trì Danh được Phật hộ, chẳng lui mất quả Bồ đề, mà tin thọ; Không nói nguyện là: Tín Thọ tức là nguyện. 4.- Nói “nếu có người tin” là tổng kết cái lời nói người nghe rồi thâm tín, những người mà đã có Tín và Nguyện thì không một người nào mà chẳng sanh, nên cần phải phát nguyện. Mỗi lần mỗi nghe, nghe lại càng sâu, mỗi lời mỗi nguyện nguyện thêm thiết thật, lời tuy tráo trở, nghĩa chẳng lặp trùng, lòng quá sâu vì thương vật, nên dạy người chẳng mới!

Sớ: Lại: Sự nghe nói nhiếp thuộc về nghĩa Tín, Nguyện nó nhiếp về nghĩa Hạnh, ba việc ấy là ba món tư lương đều đủ nơi đây.

Sao: Có nghe rồi, vậy sau mới Tín, chẳng nghe thời tín từ đâu sanh? Có nguyện rồi vậy sau mới hành (Tu). Không nguyện thời hành do đâu khởi? Văn sau nói Tín, Hành là cội gốc văn đây; Tín, Hành, Nguyện ba món tư lương về Tịnh Độ đầy đủ không thiếu.

Sớ: Lại lời nguyện nó có cái năng lực bất khả tư nghì! Cõi Tịnh Độ của Phật kia cũng vì do lời nguyện. Khi lâm chung được vãng sanh chỉ vì nhờ lời nguyện.

Nhân quả trong ba cõi đều tùy theo lời nguyện. Các vị đại Bồ Tát đều tùy lời nguyện được vãng sanh.

Sao: “Tịnh độ của Phật kia” là: Ngài Pháp Tạng do trong sở nhơn phát 48 lời nguyện. Nay thành quả Phật, rộng độ chúng sanh. Thời biết: Công đức vô cùng tận của Như Lai đều từ lời nguyện sanh ra nên nói bất khả tư nghì.

“Lâm chung vãng sanh” là: Phạm Hạnh Nguyên nói: “Người đó đến khi mạng chung, tất cả các căn thầy đều bại hoại, nhẫn đến bà con, oai thế, voi, ngựa, trâu bảo v.v... cũng đều tan mất; duy có lời nguyện chúa (lớn) đây chẳng bỏ lìa nhau. Trong tất cả thời, nó dẫn dắt tới trước; trong một sát na, liền đặng sanh về thế giới Cực Lạc” nên nói “bất khả tư nghì”.

“Nhân quả trong ba cõi” là: Nguyên hưởng sự vui trên cõi trời thời người bản mẫu sanh lên (35); nguyện làm ông Minh Vương thời vì Ngục Thần trị quỷ (36). Món món đều tùy theo lời nguyện chẳng phải ai bắt làm mà tự nhiên tâm nguyện nó làm, nên nói “bất khả tư nghì”.

“Bồ Tát nguyện sanh” là: Đức Phổ Hiền nói lời tụng rằng: “Nguyện ta đến khi mạng sắp mất, dứt hết tất cả các chướng ngại. Trước mặt thấy Phật A Di Đà, liền đặng sanh về cõi An Lạc”; nhẫn đến nguyện nhờ đức Phật thọ ký, rộng lợi ích chúng sanh v.v... Chí như đức Văn Thù phát nguyện vãng sanh, ngài thuyết lời kệ, cũng nói: “Nguyện ta khi mạng chung, diệt trừ các chướng ngại; mặt thấy A Di Đà, sanh về cõi An Lạc”, cùng đức Phổ Hiền, như hiệp cái Phù Tiết (37). Kia như ngài Thiên Thân, ngài Long Thọ v.v.... nhiều không kể hết, đều nguyện vãng sanh nên nói “bất khả tư nghì”.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh trở về bản thể là nghĩa nguyện sanh về nước kia.

Sao: Nếu biết bản thể không lìa đương xứ (Bản thể) thời chẳng phải sanh về nước kia, mà là sanh nước đây vậy. Tuy nói con đường 10 muôn ức, nào từng động bước trong tác thức! Nên nói: “Chẳng

nhọc khảy móng tay mà tới Tây phương vậy”. Như ai kia với tánh Chơn Như mà không giữ được tự tánh, để đến đổi tùy duyên theo năm đường thời như đũa cùng tử (38) nương ngụ quê người linh đình, vất vả nên phải sớm về làng cũ.

### **Xuất Kỳ Sở Dĩ**

Lẽ ấy thế nào? Vì được cùng các người bực thượng thiện như thế, đồng hội họp một xứ.

Sớ: Văn đây nối văn trước, gạn hỏi cho ra: vì sao dạy người phát nguyện sanh về nước kia? Do nước kia là cái xứ để các người bực Thượng Thiện hội đồng. Nếu được sanh về nước kia thì được vào hội tốt hơn hết. Như vậy nên phải cầu sanh.

Sao: Gạn hỏi có hai nghĩa: 1.- Cõi Ta Bà cũng là nước Phật (Thích Ca), hà tất xa lìa nước mình? 2.- Trong 10 phương cõi Phật rất nhiều, vì sao cứ bảo cầu về Tây phương? Nên gạn hỏi căn do đó.

Đáp bằng cách dung hòa cũng có ba nghĩa: 1.- Hoặc vì có quốc độ: Người, súc, quỉ, ngục, đồng nhau chung ở thì vị tất toàn là loài người. 2.- Hoặc có quốc độ tuy thuần là loài người ở, nhưng vị tất đều là người thiện. 3.- Hoặc có quốc độ, tuy thuần là người thiện ở, nhưng vị tất đều là người Thượng Thiện.

Nay nói rằng: “Các người bực Thượng Thiện” thời chẳng những là bực Thiện trong hạng người, cũng là bực Thiện trong bực Thiện, như văn trên đã kể bày. Các bực Thanh Văn, Bồ Tát hẳn đến bực Bồ Xứ, các bực đây đều là bực người Thượng Thiện. Nay người đặng vãng sanh liền cùng các bực ấy cư hội một xứ. Chỗ gọi rằng: “Quan Âm, Thế Chí bắt tay cùng đi; Văn Thù, Phổ Hiền, sát cánh bạn lành”,

dụ như lên chôn Long Môn (39) cùng Dinh Châu (40). Vì trong đời người ít có vậy. Thế nên bực đại Sĩ cầu vào hội Liên Lục (41) hưởng là kẻ phạm phu! Người xưa tìm chỗ ở, còn biết chọn làng có non; phương chi trang học đạo hội tốt như đây, há chẳng muốn ư?

Sớ: Hỏi: Người sanh về Cực Lạc, loại kia chẳng phải một, đâu đặng đồng xưng là bực Thượng Thiện? Đáp: Do vì đều đặng bực Bất Thối Chuyển.

Sao: “Loại kia chẳng phải là một” là: có phạm, thánh, Đại, Tiểu, thượng, trung, hạ phẩm, phân có ngôi thứ, vậy sao nay lại lược bỏ phẩm Trung, phẩm Hạ, chỉ nói phẩm Thượng Thiện nên lập lời nạn đây.

Nay nói chúng sanh sanh về đó đều là bực bất thối chuyển thì rất ráo đều thành bực Vô thượng Chánh Giác, là cảnh giới của Phật nên không khác vậy.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh vạn thiện đồng qui (qui về tự tánh) là nghĩa đồng hội một xứ.

Sao: Trăm sông hội về một bể cả, các cảnh vật hội về một cõi không, các người bực Thượng Thiện chẳng hội về một xứ đây, vậy chớ tính hội về đâu?!

### **Khởi Hạnh** (phân ra làm hai phần)

1. - Giản Dư Hạnh: (chọn riêng các hạnh)
2. - Thị Chánh Hạnh: (chỉ ngay chánh hạnh)

#### Giản Dư Hạnh

Này Xá Lợi Phất! Không thể do non duyên phước đức và căn



lành ít mà được vãng sanh về nước kia đâu!

Sớ: Nương văn trên nói: Đối với bọn phàm dễ tới, bạn lành khó thân! Huống chi với hội của bậc người Tối Thượng thiện há nên dùng chút Thiện, chút Phước mà được sanh vào?

Trong văn đây, ngài Linh Chi lấy hai chữ Thiện Căn làm hạnh chánh thức thuộc về pháp trì danh, lấy hai chữ Phước Đức làm hạnh trợ (phụ) thuộc về ba việc phước của pháp tu Tịnh nghiệp.

Ngài Hải Đông thời gom luôn bốn chữ "Đa Thiện, Đa Phước" làm hạnh chánh, nói đó là phát tâm Bồ Đề; lấy bốn chữ "Thiểu Thiện, Thiểu Phước" làm hạnh trợ, nói đó là pháp chấp trì danh hiệu. Hai nghĩa trái nhau. Nay đều vì hòa hợp mà giải, nghĩa là: Muốn sanh về nước kia, cần phải đa thiện, đa phước mới được. Mà nay nói pháp trì danh đây chính là cái Thiện ở trong các hạnh Thiện, Phước trong các hạnh Phước. Chính chỗ gọi rằng: Phát tâm Bồ Đề mà làm đại môn duyên sanh về nước kia vậy.

Sao: "Trái nhau" là: Một ông cho pháp trì danh thuộc về hạnh chánh, một ông cho pháp trì danh thuộc về hạnh trợ. Hai thuyết mâu thuẫn. Mà đại ý Kinh đây, chính là trọng pháp trì danh. Nếu cho pháp trì danh là hạnh trợ thời văn sau nghe nói Phật A Di Đà, chấp trì danh hiệu, nghĩa phải nói làm sao cho thông? Thế thời với pháp trì danh mà cho là hạnh trợ, đoán chắc không có lý đó.

Lại ngài Linh Chi lấy ba việc phước trong Quán Kinh phối với cái phước đức Kinh đây thời việc phước thứ ba kia chính là phát tâm Bồ Đề, đây bèn thành ra hạnh trợ, cùng ngài Hải Đông nói: Tâm Bồ đề là hạnh chánh. Hai Ngài cũng mâu thuẫn. Nhưng trong Quán Kinh lấy

ba việc phước làm cái chánh như tu Tịnh Nghiệp, thế mà ngài Linh Chi nói phát Bồ Đề tâm là hạnh trợ, cũng không có lý đó.

Nay (Tổ Vân Thê) vì hòa hợp mà giải; lại lấy pháp trì danh làm hạnh chánh, còn lấy pháp trì danh làm phát Bồ Đề tâm thời đều thủ ý của hai ngài, mà hòa hợp nghĩa kia vậy.

“Thiện căn” là: Trong Quán Kinh thời như văn trên nói: Việc phước thứ ba là phát tâm Bồ Đề. Kinh Đại Bản thời nói ba bậc vãng sanh cũng đều nói phát tâm Bồ Đề.

Căn cứ theo đây thời phát tâm phàm phu, ấy gọi là không thiện căn. Phát tâm Thanh văn, không phát tâm Bồ đề, ấy gọi là thiếu thiện căn vậy.

“Phước đức” là: Trong Quán Kinh thời nói hiếu dưỡng phụ mẫu v.v... Kinh Đại Bản thời nói tu các công đức v.v... Căn cứ theo đây thời đối với bố thí, trì giới v.v.. nhấn đến lập chùa, tạo tượng, tham thiền, tụng Kinh, khổ hạnh, tất cả việc phước đều bỏ đi không làm, ấy gọi là “vô phước đức”. Song ta làm phước đây là trồng cái như hữu lậu, kết quả nhỏ ở cõi như thiên, ấy gọi là “thiếu phước đức”.

“Thiện trong các thiện” là: Tự có năm nghĩa, do vì trong Luận Trí Độ đủ năm món tâm Bồ Đề: 1. - Phát tâm Bồ Đề, nghĩa là: Ở trong vô lượng sanh tử, phát tâm đại Bồ Đề, mà pháp trì danh chính là ở trong cái tâm kẻ phàm phu sanh tử khởi tâm đại giác. 2. - Phục tâm Bồ Đề, nghĩa là: Đoạn các phiền não, bề dẹp tâm kia (phiền não) vậy, mà pháp trì danh thời tâm chánh niệm vừa bày, tâm phiền não tự diệt. 3.- Minh tâm Bồ Đề, nghĩa là: Rõ thấu lý thật tướng của các pháp, mà pháp trì danh chính là một tâm ấy, rõ thấu tất cả thật tướng của các pháp. 4.-

Xuất đáo Bồ Đề, nghĩa là: Đặng bực Vô Sanh Nhẫn ra khỏi ngoài ba cõi, đến biên Tát Bà Nhã (nhứt thế trí), mà pháp trì danh liền đặng nhứt thứ nhứt, thứ hai và thứ ba, mau khỏi đường sanh tử, tới bực nhứt thế trí. 5.- Vô thượng Bồ đề, nghĩa là: Ngồi chốn Đạo Tràng, thành bực tối chánh giác, mà pháp trì danh thời đặng bực bất thối chuyển, thẳng đến thành Phật.

Lại ngài Hải Đông làm lời sớ dẫn trong phẩm Bồ Tát Tâm Địa nói: “Các vị mới phát tâm tu Bồ Tát, hay thâm giữ tất cả pháp Bồ Đề phần (37 đạo phẩm) thiện căn thù thắng”. Luận Du Đà quyển thứ 37 nói: “Bồ Tát chỗ chứa nhóm thiện căn, dùng tín tâm tịnh diệu thuần nhứt để hồi hướng lên quả Vô Thượng Bồ Đề”. Bộ Lương Nhiếp, quyển thứ 10 nói: “Chỗ làm căn thiện cũng dùng hồi hướng lên quả Vô Thượng Bồ Đề”. Thế thì các Kinh đều lấy chỗ phát tâm Bồ Đề làm thiện căn, mà Kinh đây pháp trì danh chính là cái thiện căn hồi hướng lên quả Vô Thượng Bồ Đề vậy. Do vì đức Phật A Di Đà tức là ngôi Vô Thượng Bồ đề. Đây là cái thiện trong các việc thiện nên gọi “đa thiện căn”.

“Phước trong các việc phước” là cũng có hai nghĩa: 1.- Phật A Di Đà là danh hiệu muôn đức. Một danh ấy vừa niệm thời muôn đức đều đủ, thế chẳng cầu phước mà phước đã đủ tròn. 2.- Do năng lực trì niệm, tự nhiên các việc ác không khởi, các việc lành vung làm; lấy đây tu phước thời phước dễ nhóm. - Đây là cái phước trong các việc phước, nên gọi “đa phước đức”.

Sớ: “Nhơn duyên” là: Ngài Thanh Lương nói: “Chính là lấy cái mà nó hay phát khởi ra đó làm nhân. Mượn những cái giúp thành cho

nhân phát khởi làm duyên”. Nay Kinh đây có hai nghĩa: 1.- Dùng thiện căn làm nhân, dùng phước đức làm duyên. 2.- Thiện căn, phước đức, mỗi cái đều có nhân duyên.

Sao: “Thiện nhân, Phước duyên” là: Dùng thiện căn Bồ Đề làm chánh nhân vào đạo, như trong Kinh nói: “Không phát tâm chánh giác Bồ Đề, dầu tu pháp lục độ vạn hạnh trải hằng sa kiếp, rốt cuộc cũng không thành Phật”. Cho nên biết Bồ Đề tâm là cội gốc sanh ra muôn việc lành, thế gọi là nhân. Song cần phải làm tất cả việc phước đức để giúp thành quả Bồ Đề; dùng phước giúp huệ, dùng sự để hiển lý, giúp đỡ vào đạo; ấy gọi là duyên.

“Đều có nhân duyên” là: Thiện căn, phước đức, chỗ lý do của nó, từ đâu mà phát tâm, đều kêu là nhân. Mà thiện căn phát khởi, ắt có các món thiện duyên làm trợ. Thế là mỗi món đều có cái duyên của nó.

Sớ: Hỏi: Cớ sao trong Quán Kinh nói phát tâm Bồ Đề để ở về phước thứ ba? - Đáp: Do vì phước có sự, có lý, không phải chuyên về sự không.

Sao: Trong Quán Kinh nói ba việc phước: 1.- Hiếu dưỡng cha mẹ và phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu 10 thiện nghiệp. 2.- Thọ trì pháp tam qui, giữ đủ các giới, không trái oai nghi. 3.- Phát tâm Bồ Đề, tin sâu lý Nhân quả, đọc tụng Kinh điển Đại thừa, khuyến tấn người tu.

Nạn rằng: Vì sao phát tâm Bồ Đề mà cho nhập với hai cái trên, đồng gọi là phước? Nay nói phước có sự, có lý. Tâm Bồ Đề đây là trong lý Bát Nhã. Phước to lớn như hư không, không thể nghĩ lường, chẳng phải cái phước hữu lậu cõi nhơn thiên mà bị Tổ Đạt Ma ngài chê vậy. Cho nên hai cái phước trước còn chung với bực phàm Tiểu,

duy phước đây riêng bực Đại thừa mà thôi. Song nay lời Sớ không dùng phát Bồ Đề tâm phối với phước, mà đem thuộc về thiện căn, ấy là sao? Bởi do Thiện và Phước, riêng ra thời hai, chung lại thời một. Riêng mà nói đó thời tâm Bồ Đề, riêng thuộc về thiện căn.

Chung lại mà nói đó thời tâm Bồ Đề, cũng nói là phước được. Trong Quán Kinh chung dùng nên nói phước cũng không ngại.

Hỏi: Kinh Bảo Tích, Kinh Đại Bản đều nói: "Người muốn thấy đức Vô Lượng Thọ Phật phải phát tâm vô thượng Bồ Đề, lại phải chuyên tâm tưởng niệm nước kia và chứa nhóm thiện căn" thời thành ra Bồ Đề và thiện căn tuồng như hai việc. Nay Kinh đây trực nhận thiện căn thuộc về tâm Bồ đề là sao?

Đáp: Kinh kia chỉ nói thiện căn, Kinh đây lại nói đa thiện căn. Một chữ “Đa” chẳng phải tâm Bồ Đề thì lấy cái gì tương đương vào đó?

Sớ: Hỏi: Chính nơi pháp trì danh cho là đa thiện phước đức; ngoài Kinh đây, riêng có Kinh nào chứng cứ chẳng? Đáp: có đành rành có thể chứng được như: Kinh Đại Bi, Kinh Đại Phẩm v.v... đều có nói.

Sao: “Chứng về thiện căn” là: Kinh Đại Bi nói: “Một khi xưng danh hiệu Phật, do thiện căn ấy được vào cõi Niết Bàn không thể cùng tận”. Lại nói: “Khi ta (Phật) diệt độ rồi, nước Bắc Thiên Trúc, có ông tỳ kheo tên Kỳ Bà Già tu tập vô lượng pháp "tôi thắng thiện căn"; sau khi mạng chung sanh về Tây phương qua trăm nghìn ức thế giới nước Phật Vô Lượng Thọ. Nhân sau thành Phật hiệu là: Vô Cấu Quang Như Lai”. Lại Trang Nghiêm Kinh luận nói: “Khi Phật còn tại thế, có một ông già đến cầu xin xuất gia. Ngài Xá Lợi Phất v.v... các vị đại đệ tử

đều không chịu độ. Do vì xem ông già nhiều kiếp không có thiện căn. Phật Ngài độ cho, liền chứng đạo quả. Nhơn đó Phật bảo trong đại chúng rằng: „Ông này vô lượng kiếp về trước làm ông tiểu đốn củi, bị cọp dữ rượt chụp, hoảng hốt (sợ) bèn leo lên cây, niệm nam mô Phật; do thiện căn đó, nay gặp ta đắc độ”.

Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ 10 văn Hồi Hương nói: “Nguyện nhớ niệm tất cả chư Phật về đời hiện tại, vị lai, quá khứ trong vô lượng vô biên thế giới”.

Và kệ nói: "Do thiện căn niệm Phật đây". Như thế đó đều là chỗ chứng rõ ràng: pháp trì danh là đa thiện căn.

“Chứng phước đức” là: Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “Nếu người tán tâm mà niệm Phật cũng đặng hết khổ; với phước kia sẽ hưởng không hết, hưởng là định tâm nhớ niệm ư?” Kinh Xung Dương Chư Phật Công Đức nói: “Nếu có người được nghe danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ Như Lai, một lòng tin chịu, trì đọc, tụng niệm, người ấy sẽ đặng cái phước vô lượng hằng khởi chón tam đồ. Sau khi mạng lâm chung, sanh về cõi kia”.

Luận Trí Độ nói: “Ví như có người, khi mới sanh ra lọt xuống đất liền mỗi ngày đi nghìn dặm. Đi mãi một nghìn năm, dùng của bảy báu dung cho Phật, phước đức biết bao? Thế mà chẳng bằng có người qua đời ác sau này, một tiếng xưng niệm A Di Đà Phật, phước đây hơn kia”.

Kinh Tăng Nhứt A Hàm nói: “Như có người dùng tứ sự cúng dường tất cả chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề này được phước rất lớn. Nhưng chẳng bằng người xưng niệm danh hiệu Phật bằng trong

những nặn sữa (giây phút), công đức hơn trên không thể nghĩ bàn”. Phạm nghĩa như thế đó đều là chứng minh pháp tri danh là đa phước đức vậy.

Lại Kinh Bảo Tích quyển 19 nói: “Bấy giờ có 1 thầy tỳ kheo nghe đức Phật (Thích Ca) khâm khen công đức cõi Phật Bất Động Như Lai, sanh tâm ham mến mà niệm sanh về kia. Đức Phật Ngài dạy rằng: „Không nên đem tâm ái luyến mong đặng sanh về; duy có trông các thiện bản, tu các phạm hạnh mới được sanh về cõi kia”. Thiện bản tức là thiện căn; phạm hạnh tức là phước đức. Đây, lại đều rõ ràng để chứng minh rằng pháp tri danh mới là "đa thiện đa phước". Các Kinh đều tán thán, chúng ta khá chẳng tin thọ sao?

Sớ: Hỏi: Những người ở cõi này riêng tu lý Viên Đốn, chẳng nguyện vãng sanh, đâu được nói họ là thiếu thiện căn ư?

Đáp: Người tu Viên Đốn tuy ngộ được nhứt tâm, hãy còn thân hậu hữu. Chính phải cầu sanh nước kia, thân cận Phật Di Đà.

Kìa, như chiếc xe ông Triết Lão, ông Thanh Công rõ ràng úp bánh! Nếu kia tự phụ là người Viên Đốn, chẳng nguyện vãng sanh, phải biết những người ấy là thiếu thiện căn vậy! Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói thì thua thiệt biết dường nào?

Sao: “Hậu hữu” là thân hậu ám vậy; tức là đời sau. Người tu Viên Đốn dù chỗ kiến giải tuy bằng với Phật, nhưng mà vô minh thô tế hãy chưa dứt hết, đức tánh hằng sa cũng chưa trọn đủ, còn có vọng hoặc tất có luân hồi, đâu khỏi thân hậu ám. Đã còn thân hậu ám thời ắt có chỗ đi thọ sanh, không khỏi luân hồi trong sáu đạo, trừ người đã chứng lên cõi Thật Báo. Còn bao nhiêu hoặc chưa khỏi cõi nơn thiên; nhưng

trên cõi Trời nhiều kẻ đắm mê sự dục lạc, trong cõi người xen lộn nhiều thống khổ; kẻ đọa lạc thì đông, mà người giải thoát không mấy. Thế thời chúng ta không cầu sanh về Tịnh Độ, vậy chớ tính sanh về đâu?

Kìa như ông Triết Lão, nọ như ông Thanh Công, đều xưng là người có tỏ ngộ. Mà ông Triết Lão thân đời sau đắm mền trong cảnh giàu sang, ông Thanh Công thân sau chịu nhiều sự ưu khổ. Đều là bởi không ham mộ pháp vãng sanh, tự mất lợi lành; đến nỗi sa đọa nhiều đời, xa đường Bồ Đề. Đâu chẳng phải thiện căn kém thiếu, mới ra như vậy?

Nói Kinh Hoa Nghiêm là: phẩm Nhập Pháp Giới nói: Trên hội đức Cha Na, các bậc đại Thanh Văn có người không thấy Phật là do vì thiện căn chẳng đồng, vốn chẳng tu tập thiện căn kiến Phật tự tại có vậy. Nên biết pháp chấp trì danh hiệu, nguyện thấy Di Đà thành đa thiện căn, đại thiện căn, tối thắng thiện căn và bất khả tư nghì thiện căn vậy.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh sanh ra tất cả pháp là nghĩa thiện căn. Tự tánh giàu có tất cả pháp là nghĩa phước đức.

Sao: "Nào dè tự tánh, hay sanh vạn pháp; nào dè tự tánh vốn tự cụ túc".

### **Thị Chánh Hạnh**

Này Xá Lợi Phất! Nếu có gã thiện nam, người thiện nữ nghe nói đến Phật A Di Đà, chấp trì danh hiệu để niệm, hoặc 1 ngày, hoặc 2 ngày, hoặc 3 ngày, hoặc 4 ngày, hoặc 5 ngày, hoặc 6 ngày, hoặc 7 ngày mà nhứt tâm bất loạn.



Sớ: Nương văn trên: đa thiện, đa phước mới được sanh về nước kia, nhưng mà thiện căn khó trồng, phước đức khó tu, huông lại nói rằng Đa. Nhiều kiếp nhọc nhằn, không thể nên đặng. Như Kinh Bảo Tích nói mười tâm, Kinh Hoa Nghiêm nói 10 lời nguyện v.v... Nay có một pháp trì danh vừa mau lẹ vừa gọn dễ, tức là đa thiện, đa phước. Nên rõ pháp trì danh công đức rất thù thắng.

Sao: “Thiện căn khó trồng” là như thuở trước ông Thân Tử (Xá Lợi Phất) phát tâm Đại thừa, như người Bà La Môn xin trồng con mắt... mà ông bèn lui mất thiện căn v.v... “Phước đức khó tu” là như trong Kinh Niết Bàn quyển 34 nói năm phẩm tâm, tu mười điều thiện; gọi rằng phẩm hạ, phẩm trung, phẩm thượng, phẩm thượng trung, phẩm thượng thượng. Mỗi phẩm đều tu 10 thiện, thành ra năm chục. Trước tu, sau tu, mới thành 100 phước. Thế thời phước đó không dễ gì tu, đã rõ vậy.

Kinh Bảo Tích nói 10 tâm là: 1.- Đối với chúng sanh khởi tâm đại từ, không tâm tổn hại. 2.- Đối với chúng sanh khởi tâm đại bi, không tâm bức não. 3.- Đối với Phật Pháp không tiếc thân mạng, lại có tâm hay giữ gìn Phật pháp. Nhấn đến tâm thứ 10 là đối với chư Phật xa lìa các tướng, lại hay khởi tâm tùy niệm. Đủ mười tâm đây mới được sanh về Tịnh Độ.

Kinh Hoa Nghiêm nói 10 nguyện là: 1.- Lễ kính chư Phật; nhấn đến. 10.- là phổ giai hồi hương. Cũng do 10 nguyện đây, mới sanh về cõi nước kia.

Như trên, đều là các bậc Bồ Tát quảng đại trí hạnh, chẳng phải dễ trồng, dễ tu. Nay pháp trì danh công đức rất lớn, dầu cho mười tâm

chưa đủ, mười nguyện chưa đầy, nhưng tịnh nghiệp một phen thành thời liền sanh về nước kia. Đã đặng sanh về nước kia thời tâm này, nguyện này tự nhiên thành tựu, há chẳng phải đa thiện căn, đa phước đức đầy ư? Chẳng trái quanh co, thế là mau lẹ. Không các việc bề bộn, thế là gọn dễ. Mau lẹ mà đến xa, gọn dễ mà đặng nhiều. Các pháp môn khác chẳng bì kịp, thế là thù thắng vậy.

Sớ: “Thiện nam tử, thiện nữ nhơn”: Chữ Thiện có hai nghĩa: 1.- Thiện nhơn đời trước. 2.- Thiện loại đời này. Nam, nữ là chung chỉ kẻ Tăng, người tục, kẻ lợi, người độn và tất cả chúng sanh trong sáu đường có duyên với pháp trì danh niệm Phật.

Sao: “Thiện nhơn đời trước” là: Kinh Đại Bản nói: “Nhơn dân trong thế gian, những người đời trước có làm nhơn lành nên nay mới được nghe danh hiệu công đức Phật A Di Đà. Một phen nghe danh Phật từ tâm vui thích, ý chí thanh tịnh, tóc lông dựng dậy, nước mắt liền tuôn ra, người đày hoặc đời trước từng tu Phật đạo, hoặc vị Bồ Tát cõi thập phương khác, vốn chẳng phải người phàm”. Thế là những người tín tâm niệm Phật đều là người đời trước đã có tu gốc lành ấy vậy.

“Thiện loại đời này” là như Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thà ở trong các ác thú để mà hằng được nghe danh hiệu Phật, chớ chẳng muốn sanh trong các cõi trời tạm thời chẳng được nghe danh hiệu Phật”. Luận rằng: Không lấy cõi nhơn thiên làm thiện mà lấy cái được nghe danh hiệu Phật làm thiện. Thế thời người tín tâm niệm Phật đây đều là bà con với bậc thượng thiện nhơn.

“Tăng, tục, lợi, độn” là: Pháp môn Tịnh Độ thu gồm tất cả. Như

Kinh Đại Bồn nói những người sanh lên bực thượng phẩm là người bỏ nhà, lìa tục mà làm thầy Sa Môn và cũng có người không bỏ nhà lìa tục đấy, tức là năm chúng xuất gia, hai chúng tại gia. Hễ ai niệm Phật đều được vãng sanh nốt, thế là chung cả kẻ tăng người tục.

Lại cõi kia hoa sen phân ra là 9 phẩm. Phẩm thượng gồm các bực thanh đức Bồ Tát, phẩm hạ kip đến kẻ phàm phu lơ lơ, nhẫn đến người ác v.v... Hễ ai có niệm Phật đều được vãng sanh cả, thế là chung kẻ lợi người độn.

Lại các loài: qui, súc, địa ngục, trổng, mái, đực, cái cũng đều có thể kêu là “nam nữ”. Hễ loài nào có tâm niệm Phật đều đặng vãng sanh, thế là chung tất cả chúng sanh vậy. Xét xưa nghiệm nay, chỉ biên một hai tích; muốn rõ đủ đó, xin xem trong Vãng Sanh Tập.

Sớ: Văn kể đây có ba phần: Nói danh hiệu Di Đà là nêu cảnh sở niệm. Nhứt tâm chấp trì là rõ pháp năng niệm. Một ngày đến bảy ngày là hạn định kỳ niệm.

Sao: Nếu không có cảnh thời pháp không từ đâu mà thi thiết. Không có pháp thời cảnh cũng là luống thoi. Không kỳ hạn thời đầu cảnh thẳng, pháp mâu, cũng giải đãi, lồi thoi, công chẳng chóng tiến.

Đủ ba việc đây hay khiến pháp tịnh nghiệp quyết chắc thành tựu.

Sớ: Nêu cảnh niệm là: Đức Phật kia thành tựu muôn đức ở cõi Tịnh Độ thâm nạp hóa độ chúng sanh. Cho nên dùng bốn chữ hồng danh A Di Đà Phật làm cảnh sở niệm; vì y theo đó tu hành có chỗ về đến.

Sao: Y báo, chánh báo nước Cực Lạc, nói Phật thì đủ. Với công

đức của Phật như bề cả, cũng chỉ nói danh hiệu là đủ rồi, nên dùng bốn chữ danh hiệu làm cảnh. Ý theo cảnh ấy mà gia công chấp trì, vậy sau mới có chỗ về đến. Chữ Nghệ là đến vậy, nghĩa là về đến nước kia vậy.

Hoặc có người hỏi: Ngoài tâm không có cảnh, quán tâm tức là đủ, nào dùng cảnh làm chi? - Người ấy đâu có biết tâm với cảnh là một, cũng lẫn nhau phát bày. Bực tiên đức nói: “Có pháp tam muội thì chỉ quán ngay ba đường, hiển bày ông Phật bản tánh”.

Có pháp tam muội thì gồm tu pháp trì chú... có pháp tam muội lại gồm tu sự tụng Kinh... có pháp tam muội lại gồm tu câu niệm Phật.

Nay nêu cảnh niệm, tức là gồm pháp niệm Phật tam muội. Đây, đều dùng cảnh làm trợ duyên để hiện lộ ông Phật trong bản tánh của ta. Hoặc trực hiển bản tánh, hoặc trợ hiển bản tánh; đến chỗ cùng tột kia cũng là một mà thôi. Huống kẻ phàm phu mới học chương nhiệm đậm dày, phải toàn nhờ cảnh thù thắng mới phát minh được cái diệu tâm của ta. Thực là chước nhiệm tu hành không nên khinh dễ vậy.

Sớ: Rõ pháp niệm ấy nghĩa là: Đã nghe thánh hiệu cần phải chấp trì. “Chấp” là nghe thời lãnh thọ, chăm hãm, quả quyết không cho lay sút. “Trì” là lãnh thời giữ gìn, thường hằng bền chắc không cho sót quên.

Sao: Chữ “chấp trì” phân giải như trên. Đây riêng nói chữ “trì” thời gồm chữ “chấp”, tóm chữ “chấp”. Tóm lại là ý chuyên niệm không quên. Lại chữ Trì cũng có mấy cách: 1.- Minh Trì: Nghĩa là niệm ra tiếng. 2.- Mặc Trì: Nghĩa là niệm thầm không ra tiếng. 3.- Bán minh, bán mặc trì: Nghĩa là niệm hơi động môi lưỡi. Các nhà tu trì chú

gọi đó là pháp Kim Cang trì.

Lại hoặc trì niệm bằng cách ghi nhớ số, hoặc trì không nhớ số, đủ như trong Mật giáo nói. Tùy tiện niệm cách nào cũng đều được cả. Nhưng mỗi mỗi đều phân có sự, có lý: Nhớ niệm không gián đoạn, đó là sự trì. Thể xét không gián đoạn đó là lý trì. Văn sau sẽ biện rõ. Lấy đây làm nhơn. Văn sau nhứt tâm bất loạn cũng có sự và lý. Những người không hiểu ý đây, cho phép niệm Phật là để độ kẻ độn căn; tu pháp Tham Thiên mới đặng ngộ đạo. Kẻ sơ cơ nghe lời đây không tự giải quyết được. Đâu có biết pháp thể cứu niệm Phật (lý niệm) cùng các vị tôn túc đời trước dạy người nói câu thoại đầu dẹp tình nghi, ý rất giống nhau. Cho nên người xưa nói: “Phép tham thiên không cần nói câu thoại đầu nào khác, chỉ tiêu qui trên một câu A Di Đà Phật thời xong”. Rất mâu thay lời nói đó!

Sớ: Lại chữ Cháp Trì tức là nghĩa Qui Mạng.

Sao: “Qui mạng” là: Tiếng Phạm nói “Nam mô” (Namah-Namo). Đã giải trong lời tự trước. Nếu chẳng đem cả thân mình qui mạng thời đâu đặng thành nhứt tâm cháp trì; cho đồng một nghĩa. Chữ Qui lại có hai nghĩa, cũng như trong lời tự trước nói: 1.- Nghĩa “qui đầu”: Cháp Trì danh hiệu, nhứt tâm hướng đến, tức là sự nhứt tâm. 2.- Nghĩa “qui nguyên”: Cháp trì danh hiệu đem trở về nơi nhứt tâm (của mình), tức là lý nhứt tâm vậy.

Sớ: Do văn trên trong hai cảnh và pháp, lại có ba nghĩa: 1.- Nghe nói danh hiệu Phật, thế là Văn Huệ, 2.- Cháp thọ nơi lòng, thế là Tư Huệ. 3.- Giữ gìn không quên, thế là Tu Huệ.

Sao: “Văn huệ” là: Đức Phật A Di Đà tuy có vô lượng công đức,

nhưng công đức ấy nếu không nghe thời không biết. Nếu đức Thích Ca không nói thì ta không được nghe, nên trong Hoa Nghiêm nói: “Người đặng huệ vô sanh do trước nhờ có đa văn”. Lại nói: “Phật pháp không người nói, tuy ta có huệ cũng không rõ đặng”. Hoặc nghe lời trong Kinh luận kia cho tỏ bày, hoặc nghe ông tri thức kia chỗ chỉ bảo, một phen nghe lọt vào lỗ tai hằng làm hột giống của đạo, như thế đó gọi là Văn. Văn mà nói Huệ: Văn tức là Huệ. Vì sao? Ví như đối với cây đá mà nói thì chúng nó chai ngắt đâu có biết nghe gì, đối với người ngu mà nói thời họ nghe mà không nhận lãnh được gì cũng như không nghe; cho nên nói Văn Huệ.

Tư huệ là: Đã nghe vào nơi tai, phải gìn nơi tâm; lóng xét chín xem, đó là pháp môn gì, đây là nghĩa lý làm sao, thế đó gọi là Tư. Tư mà nói rằng huệ là: Tư tức là huệ. Ví như loài cầm súc tuy có nghe, nhưng nó đâu có biết tư tưởng gì, còn người ngu tuy có nghe nhưng nghe vào tai nói ra nơi miệng, không nhớ tưởng chi cả; cho nên nói Tư huệ.

Tu huệ là: Đã sâu nghĩ đó, phải gắng sức làm theo, thế đó gọi là Tu. Tu mà nói rằng huệ là: Tu tức là huệ. Ví như người cuồng dại, tuy có suy nghĩ chỉ hao tinh nhọc thần, chớ chẳng thực hành.

Hỏi: Nay chỉ ba huệ đây, có chỗ nào chứng cứ? Đáp: Luận Phật Địa nói: “Vị Bồ Tát thực hành ba diệu huệ mà được sanh về cõi Tịnh Độ”; giải rằng: Do nghe, nhớ, tu (văn, tư, tu) ba huệ đây mới vào cõi Tịnh Độ. Cho nên biết pháp niệm Phật ắt có ba huệ.

Sớ: Lại có ba nghĩa: Nghe nói danh hiệu Phật, tâm không nghi ngờ, thế đó gọi là Tín. Tín rồi giữ gìn, khởi tâm ưa muốn, thế đó gọi là

Nguyện. Nguyện rồi trì niệm, tâm cần tinh tấn, thế đó gọi là Hạnh.

Sao: Tín, Nguyện, Hạnh trong văn sau sẽ biện.

Sớ: Chữ “danh hiệu” là bốn chữ hồng danh “A Di Đà Phật” không gồm sắc tượng v.v... Như Kinh Văn Thù Bát Nhã và trong luận Tỳ Bà Sa đã nói thì đem các món sắc tượng gồm trong danh hiệu.

Sao: “Không gồm các món sắc tượng”: chính là nói Kinh này chuyên chú về chấp trì danh hiệu vậy. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Phật bảo đức Văn Thù: „Muốn vào pháp Nhứt Hạnh tam muội đây thời phải ở chỗ vắng lặng, bỏ hết các ý loạn, không dùng tướng mạo, chỉ buộc tâm vào một vị Phật, chuyên niệm danh tự, tùy phương sở của Phật kia ở, vững mình ngó ngay hướng Phật để đối với một vị Phật, mỗi niệm mỗi niệm nối nhau; tức trong niệm ấy, thấy đặng các đức Phật ở đời quá khứ, đời vị lai và đời hiện tại. Chỉ niệm công đức một vị Phật cũng đồng như niệm công đức của vô lượng Đức Phật khác. Chỗ ông A Nan nghe được Phật pháp còn mắc trong số lượng, chớ nếu ta đặng pháp Nhứt Hạnh tam muội thời đối với pháp môn trong các Kinh mỗi mỗi phân biệt, thấy đều rõ biết. Ngày đêm diễn nói, trí huệ biện tài không bao giờ đoạn tuyệt. Dầu ông A Nan đa văn biện tài trăm nghìn đặng phần, chẳng kịp một phần của kẻ đắc nhứt hạnh tam muội kia”. Luận Long Thọ Tỳ Bà Sa nói: “Trong Phật pháp có vô lượng pháp môn. Ví như con đường trong thế gian, có khó, có dễ. Với con đường dễ đi thì mau đến. Nên niệm Phật và xưng danh hiệu ngài”. Đức Phật A Di Đà có lời nguyện như vậy.

“Gồm trong danh hiệu ấy” có hai nghĩa: 1.- Vì có danh ắt có tướng. 2.- Vì danh và tướng đều chẳng ngoài một cái tâm. Thế thời

niệm danh hiệu một vị Phật, với chánh báo gồm thu hết cả rồi, còn nghĩ gì sắc tượng ư?

Sớ: Nay người nghe danh hiệu Phật chẳng chịu chấp trì đó, ước có bốn chướng. Bốn chướng phá trừ mới có thể chấp trì danh hiệu nhằm đến nhứt tâm được.

Sao: Chữ “chướng” là che ngăn. Do bốn món chướng đây, ngăn che tâm niệm không chịu chấp trì nên phải cần phá trừ. Bốn chướng là:

1. - **Có người bảo: “Tức tâm là Phật, hà tất bỏ Phật mình mà niệm Phật kia?”** Đâu có biết vì tức Phật là tâm thời niệm Phật cũng không ngại gì. Bởi tức tâm là Phật, đâu chẳng tức Phật là tâm. Nếu chấp niệm tâm không chịu niệm Phật thời thành ra tâm với Phật là hai, nghĩa chữ Tức làm sao thành lập. Thế nên lấy niệm Phật tức niệm tâm vì cả hai không ngại.

2. - **Có người bảo: “Sao chẳng niệm hết thấy các đức Phật, mà cứ niệm một vị Phật?”** Đâu có biết tâm chuyên chí nhứt mới thành pháp tam muội. Bởi vì chúng sanh trí cạn, niệm nhiều Phật thời không xiết, nên dùng trí mà không phân nhiều đường thời tâm thần được ngưng định. Nếu khiến tâm nhiều ngã thời công làm phải tán loạn.

Như Ngài Phổ Quang Đại Sĩ hỏi Phật: “Mười phương đều có cõi Phật vì sao riêng khen cõi Tây phương?”

Phật dạy: “Người cõi Diêm Phù Đề tâm phần nhiều tạp loạn; khiến cho kia chuyên tâm về một cảnh mới dặng vãng sanh. Do vì các vị Phật đồng một thân pháp tánh, nên niệm một vị Phật tức là niệm tất cả các vị Phật.



3. - Có người bảo: “Mỗi vị Phật đều có thể niệm, sao không để cho người kia tự do niệm một vị Phật nào, mà cứ bắt niệm vị Phật A Di Đà kia?” Đâu có biết vị Phật kia cùng các chúng sanh riêng có nhơn duyên vậy. Bởi vì danh hiệu Phật kia người nào cũng đều ưa niệm đến nỗi người ác có khi thoát nhiên thốt ra tiếng niệm Phật; nhĩn đến người gặp việc lành bất ngờ thốt lời niệm Phật vui mừng, tán thán; còn người gặp việc ác cùng trong khi gặp nạn khổ, bỗng nhiên thốt ra tiếng niệm Phật mà thương xót đĩn đau. Vì cơ cảm nhơn duyên, không ai bảo họ, mà họ tự nhiên niệm Phật.

4. - Có người bảo: “Vĩ sao không niệm công đức trí huệ, tướng hảo quang minh của Phật, mà chỉ niệm danh hiệu?”

Đâu có biết, ở trong đời mạt pháp này, pháp trì danh rất hợp cơ vì là bất tư nghi. “Hợp cơ” là: Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Chúng sanh cơ ngu đĩn, nếu dạy pháp quán tướng thì họ không biết đĩng, chỉ khiến niệm danh hiệu Phật, tiếng niệm nói nhau thời tự tiện hơn, dễ đĩng vãng sanh”.

“Bất tư nghi” là như văn trước đã nói: Chỉ có pháp Nhứt Hạnh tam muội này thời chẳng những hợp với kẻ đĩn cơ, mà chỗ thần dụng của nó không lường vậy. Như trong Kinh Di Giáo, Phật dạy: “Tâm này kiểm chế nó lại một chỗ thời không việc nào mà chẳng xong”. Nay Kinh này bảo buộc tâm vào hiệu Phật nhĩn đến nhứt tâm, thời chỗ thần dụng đâu có thể nghi bĩn!

Sớ: “Kỳ hạn niệm” là một ngày đến bảy ngày, thế là cái kỳ hạn đã đĩn định vậy. Bảy ngày là: Trong thế gian và xuất thế gian, khi trọng cái sự

gì đó, thời thường dùng con số bảy. Như nói bảy ngày niệm Phật khỏi chốn địa ngục có vậy. Lại kỳ bảy ngày cũng có hai nghĩa, mỗi nghĩa đều có phân lợi và độn. Lại số nhiều thời Kinh Đại Bản nói mười ngày, Kinh Thanh Vương nói mười ngày, Kinh Đại Tập nói 49 ngày, Kinh Ban Châu nói 90 ngày v.v...

Số ít thời Kinh Đại Bản nói một ngày, Kinh Thập Lục Quán nói 10 niệm v.v... Nói ngày là: Do mặt nhật đi ngang qua đường Xích Đạo từ tối đến sáng trong một vòng vậy.

Sao: Kỳ hạn ấy nếu cứ theo đức Như Lai về sự ngài đắc quả Bồ Đề, thiệt không kể đến số ngày thời chẳng phải số ngày, số kiếp gì hết, đâu có cái số bảy ngày. Nếu cứ trong cái nhơn của vị Bồ Tát tu hành, trải qua nhiều khiếp hư số vi trần thời vô cùng vô tận, đâu những bảy ngày mà thôi?

Nay lập kỳ hạn bảy ngày đây vì chúng sanh đời mạt pháp, tu các công đức, sức tinh tấn rất khó mà bỏ xuôi thời dễ, nên phải có kỳ hạn mới phát tâm hăng hái.

Vì sao trong thế gian quý trọng số bảy? Như phép lễ sám thời nói rằng bảy đêm, pháp trì chú thời nói rằng bảy biến. Kinh này: Lan can, lưới giăng, hàng cây, đều nói rằng bảy lớp. Nhẫn đến quốc gia lập nhà thờ tiền Tổ thời nói rằng bảy miếu, dạy dân thời nói rằng bảy năm. Và như có việc gì hết lòng thành thời nói rằng bảy ngày trai giới, các loại phải vậy.

“Khỏi địa ngục” là: Sách Kinh Luật Dị Tướng nói: “Có ông vua hại cha, bảy ngày nữa sẽ đọa trong địa ngục. Khi đó gặp một vị tôn giả dạy: Đại vương nên niệm Nam Mô Phật. Ông vua liền nhứt tâm niệm

Phật, bảy ngày không trễ nãi. Khi mạng chung đến cửa địa ngục, còn niệm Nam Mô Phật người tội trong ngục đều đặn giải thoát”.

Lợi độn là chỗ thì nói: Người lợi căn niệm một ngày, người độn căn hoặc niệm đến bảy ngày. Kinh này nói: Lợi và độn hai căn, đều từ một ngày cho đến bảy ngày. Như người lợi căn, vì tánh nhậm lệ, niệm một ngày thành công liền đặn nhưt tâm, không còn tán loạn.

Còn người hơi độn căn, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày nhẫn đến bảy ngày mới đặn thuận nhưt. Song cũng có người lợi căn, trải đến bảy ngày, vững vàng được nhưt tâm, không có một chút nào loạn. Còn người độn căn chừng sáu ngày, năm ngày, nhẫn đến một ngày, hoặc liền tán loạn. Thế cho nên cái số bảy ngày ấy đều cho kẻ lợi căn, người độn căn, không riêng thuộc một kẻ nào.

Mười ngày là: Kinh Đại Bản nói: “Ăn chay giữ giới thanh tịnh, nhưt tâm thường niệm, mười ngày đêm không ngớt; khi mạng chung, ắt sanh về trong cõi của ta”.

Lại Kinh Cổ Âm Vương nói: “Nếu có người thọ trì danh hiệu Phật kia, kiên cố tâm mình, nhớ niệm không quên, mười ngày, mười đêm, dứt hết tâm tán loạn, ắt đặn thấy Phật A Di Đà kia”.

Bảy lần bảy ngày (49 ngày) là: Kinh Đại Tập nói: “Nếu có người chuyên niệm vị Phật ở phương kia, hoặc đi, hoặc ngồi cũng vẫn niệm, đến 49 ngày, thấy Phật hiện thân, liền đặn vãng sanh”.

90 ngày là: Kinh Ban Châu Tam Muội nói: “Nếu có người tự thệ nguyện trong 90 ngày thường đi, thường đứng trong tịnh thất, nhưt tâm chuyên niệm; lúc ở trong thiên định đặn thấy Phật A Di Đà”.

Lại Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Trong 90 ngày ấy ngồi ngay thẳng, xây mặt về hướng Tây, chuyên niệm đức Phật kia, đặng thành pháp tam muội”.

Một ngày là: Kinh Đại Bản nói: Ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Người nào nhứt tâm chuyên niệm danh hiệu ta, tuy chừng trong một ngày đêm mà niệm không ngớt, ắt đặng vãng sanh về cõi ta”.

Mười niệm là: Kinh Thập Lục Quán phàm hạ hạ nói: “Người nào bị khổ ngặt quá, không rảnh niệm Phật, thời chỉ mười tiếng xưng danh hiệu Phật” v.v... Thế nên biết từ một ngày đến bảy ngày, tùy số ngày nhiều ít, đều là cái kỳ hạn niệm Phật để vãng sanh, tùy theo sức mình làm thế nào vậy thôi.

“Tối sáng một vòng” là: Từ giờ Tý đến giờ Ngọ là từ tối đến sáng. Từ giờ Ngọ đến giờ Tý là từ sáng đến tối. Đó là một ngày đêm.

Vả chẳng, trong giây phút tâm còn có sanh diệt, huống là cả một ngày đêm ư? Trong văn đây nói: “Nhứt tâm” là nói trong 12 giờ, mỗi niệm mỗi niệm đều là niệm Phật, không gián đoạn ấy vậy (gián: không xen lộn niệm khác; đoạn: không ngớt niệm Phật).

Sớ: Lại cái số bảy ngày đây, chẳng phải quyết định chỉ khi lâm chung bảy ngày; mà cũng dùng khi bình thời, người có định lực như thế ắt sanh về nước kia.

Sao: “Khi bình thời” là: Người chấp cái văn “bảy ngày”, tưởng chắc là từ một ngày cho đến bảy ngày rồi liền mạng chung, mới kêu là bảy ngày. Cho nên nói: “Hoặc khi lâm chung hoặc lúc bình thời”; hễ người có cái định lực một ngày hoặc bảy ngày, hằng nhứt tâm bất loạn đều đặng vãng sanh. Nên nói: Lúc rảnh lo sắm, để khi túng có mà

dùng; sau đến cơn lâm chung, Nhân quả phù hiệp, ắt sanh về nước kia.

Sớ: Câu nhứt tâm bất loạn là nói chỗ kết quả của sự chấp trì vậy. Thật là cái yếu chỉ của một bộ Kinh này.

**Sao: Chữ Tâm là: Lựa khác với miệng tụng mà tâm không niệm vậy. Chữ Nhứt là: Lựa khác với tâm tuy niệm mà niệm không nhứt vậy. Chữ Bất Loạn lựa khác với niệm tuy nhứt mà có khi lại không nhứt. Nhứt tâm bất loạn là công việc tu pháp Tịnh nghiệp đã xong rồi.**

Sớ: Giải thích bốn chữ đây: Trước nói tổng chỗ đại ý, sau mới tường trần sự lý. Đại ý là nói: Cũng thì với bốn chữ đó, nhưng khi thì nói xuôi, lúc lại nói ngược. “Như nói xuôi” là: Nhứt tâm. “Nói ngược” là: Bất loạn.

Sao: Vì rằng hễ nhứt thì không loạn, mà hễ loạn thì không nhứt. Có cái Nhứt Tâm thời không cái Loạn Tâm. Cho nên nói rằng xuôi là ngược. Lệ như câu: "Thuần Nhứt Bất Tạp" và câu "Tịnh Nhứt vô nhị" thế vậy.

Kinh Hoa Nghiêm khoản Thập Hồi Hương, bài thứ 4 nói: Chỗ gọi rằng bất loạn hồi hương và nhứt tâm hồi hương.

Giải rằng: “Nhứt tâm” là chuyên chú về cảnh chánh. “Bất loạn” là không sanh vọng niệm. Chuyên chú cũng như không vọng, tức là cái ý xuôi ngược.

Sớ: Sau đây nói sự và lý là: Một lời nói của Đức Như Lai Sự, Lý đều đủ nên đồng kêu là Nhứt tâm: có Sự có Lý, như trong Kinh Đại Bồn nói: Nhứt tâm kế niệm, chính chỗ gọi rằng: Nhứt tâm bất loạn

vậy. Mà Sự và lý mỗi cái đều có khác.

Ban đầu nói Sự Nhứt tâm là: Như văn trước nhớ niệm danh hiệu Phật mỗi niệm nối nhau, không có cái niệm thứ hai; Tín Lực thành tựu thì gọi là Sự Nhứt tâm; nhiếp thuộc về môn Định vì chưa có Huệ vậy.

Sao: Với văn trước: Trong pháp chấp trì, do nhớ niệm và thể cứu, lược phân làm hai món:

“Nhớ niệm” là: Nghe nói danh hiệu Phật, thường nhớ, thường niệm để tâm duyên theo, mỗi chữ, mỗi chữ rõ ràng; câu trước, câu sau nối nhau không dứt. Đi, đứng, ngồi, nằm chỉ một niệm Phật này, không một niệm thứ hai, không bị các niệm: tham, sân, phiền não nó làm rối rắm. Như trong Kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý gọi rằng: “Lúc ở chỗ vắng lặng mà vẫn nhứt tâm; dù khi ở chỗ đông đảo rộn ràng mà cũng vẫn nhứt tâm; nhĩn đến các chỗ: khen, chê, đắc lợi, thất bại, thiện, ác cũng vẫn đều được nhứt tâm”. Thế là trên Sự thời đặng, còn trên Lý chưa xong; chỉ mới đặng Tín Lực, vì chưa thấy Đạo nên gọi sự nhứt tâm.

Nói chữ "Định" là: Đã dẹp được cái vọng niệm. Nói không "Huệ" là do vì chưa phá được cái vọng niệm.

Sớ: “Lý nhứt tâm” là như văn trước: Thể cứu niệm Phật, tự thấy đặng Phật tánh trong bản tâm mình cho nên gọi là Lý nhứt tâm. Đối trong đây có 2 nghĩa: 1.- Rõ biết tâm năng niệm, ông Phật sở niệm, lại chẳng phải hai vật, chỉ là Nhứt Tâm. 2 - Chẳng phải có; chẳng phải không; chẳng phải cũng có cũng không; chẳng phải không có không không. Lìa cả 4 câu, chỉ là Nhứt Tâm.

Đây, thuần là Lý Quán, chớ không chuyên về lối Sự Tướng. Sức

quán xét được thành tựu thì gọi là niệm Phật bằng Lý Nhứt Tâm; vì nhiếp về môn Huệ và cũng gồm môn Định nữa.

Sao: “Thể cứu” là: Nghe nói danh hiệu Phật, chẳng những nhớ niệm mà thôi, tức vừa niệm, vừa quán tưởng, thể xét tìm tòi cùng tột nguồn gốc của nó. Thể xét rất tột, tự nhiên trong bản tâm mình, thoát vậy khế hợp.

Trong có hai nghĩa là: 1.- Tức là Như và Trí không hai. Nghĩa là: Ngoài Tâm năng niệm của ta, không có ông Phật nào là ông Phật bị niệm, đối với ta thể là ngoài trí không có. Như ngoài ông Phật bị niệm, không có cái tâm nào là cái tâm năng niệm đối với Phật, thể là ngoài Như không có Trí. Chẳng phải Như chẳng phải Trí, cho nên chỉ là Nhứt Tâm.

2.- Tức là Tịch và Chiếu khó nghĩ khó bàn. Nếu nói rằng là Có thời cái tâm năng niệm bản thể nó tự không, với ông Phật bị niệm hoàn toàn không thể có.

Nếu nói rằng là không thời cái tâm năng niệm lâu lâu không muội; ông Phật bị niệm rành rành rõ ràng. Nếu nói rằng là cũng có cũng không thời cái có niệm, cái không niệm đều mất. Nếu nói rằng không phải có không phải không thời cái có niệm và không niệm đều còn.

Chẳng phải có thời thường vắng lặng. Chẳng phải không thời thường chiếu soi. Chẳng phải cả hai cũng có, chẳng phải cả hai cũng không thời không tịch, không chiếu, mà chiếu mà tịch, bất đường nói, nghĩ, không hình dạng kêu gọi (miêu tả) đặng; vì chỉ là Nhứt Tâm. Thể thời tình Năng, Sở tiêu, cái chấp Hữu, Vô hết, vẫn chỉ là cái thể bản

nhiên thanh tịnh, còn có cái vật gì nữa mà làm cho tạp loạn. Do vì chỗ thấy Đạo chắc chắn nên gọi là Lý Nhứt Tâm vậy.

Nói môn Huệ là vì hay chiếu cái vọng. Gồm môn Định là vì chiếu cái vọng vốn không, vọng tự dẹp vậy. Lại vì chiếu hay pháp cái vọng, chẳng những dẹp (tiêu) mà thôi.

Sớ: Lại trong Kinh giáo phân bốn pháp niệm Phật, từ thấp lần đến cao mà pháp xưng danh đây là ở trước hết. Tuy hai pháp sau cao hơn hai pháp trước; thật thời hai pháp trước thấu đến hai pháp sau, do vì Lý Nhứt Tâm tức là ông Phật thật tướng.

Sao: Bốn pháp niệm Phật đây như trong lời tự quyền trước nói: 1.- Xưng danh; 2.- Quán tượng; 3.- Quán tướng; 4.- Thật tướng. Xưng danh là: Tức Kinh này nói xưng danh hiệu Phật. Quán tượng là: Nghĩa là thiết lập một cái hình ông Phật đứng, chăm mắt xem ngó. Như trong Kinh Pháp Hoa nói: “Đứng dậy chấp tay, nhứt tâm xem Phật”, tức là quán xét tướng hảo quang minh của ông Phật hiện tại vậy. Như vua Ưu Điền, dùng gỗ chiên đàn chạm hình tượng đức Thế Tôn; tức là quán tướng ông Phật bằng đất, bằng cây, bằng vàng, bằng đồng đúc tạo nên tượng; cho nên nói pháp “quán tượng”.

Quán tướng ấy: Nghĩa là dùng tâm mắt của ta, tưởng đức Như Lai kia. Tức Kinh Quán Phật Tam Muội và Thập Lục Quán có nói cả, thật vậy...

“Thật tướng” ấy tức là niệm ông Phật Thiên Chơn trong tánh của ta, không sanh không diệt, chẳng có chẳng không, không năng không sở. Với các tướng cũng đều lia tướng, ngôn thuyết, ly tướng danh tự, ly tướng tâm duyên; thế gọi là ông Phật Thật tướng. Nên có câu: “Ta



muôn thấy Cực lạc thế giới Phật A Di Đà, tùy ý liền thấy”, thật vậy.

Bốn pháp trên đây tuy đồng tên là pháp niệm Phật trước thấp sau cao, pháp trì danh tuy ở về pháp ban đầu, kỳ thật ý trùm vô tận. Vì sao? - Vì sự nhứt tâm thời thấp, lý nhứt tâm thời cao; tức Sự tức Lý thời tức thấp tức cao, nên nói thấu trước thấu sau.

Vì sao? - Vì lý nhứt tâm ấy, Nhứt tâm tức là lý Thật Tướng thời trước hết tức là sau hết. - Hỏi: Đâu đặng pháp xưng danh liền thành ông Phật Thật tướng? - Đáp: Nói Thật Tướng đây chẳng phải diệt hết các tướng. Số là tức nơi các tướng mà vô tướng vậy. Trong Kinh nói: “Lời nói trị đời đều cùng Lý thật tướng không trái nghịch nhau”. Thế nào vạn đức hồng danh của Phật mà chẳng bằng một lời nói trị đời hay sao? - Kinh (Pháp Hoa) nói một tiếng xưng niệm Nam mô Phật đều đã thành Phật đạo, huống chi Kinh này pháp xưng danh đặng Lý nhứt tâm.

Lại Kinh Thập Lục Quán: pháp quán thứ chín là quán tướng hảo của Phật. Lời sớ chỉ nói quán pháp thân Phật. Tướng hảo đã tức là Pháp thân thì danh hiệu đâu chẳng phải là Thật Tướng.

Sớ: Lại Lý nhứt tâm đây, chính là pháp Nhứt Hạnh tam muội trong Kinh Văn Thù, cũng là pháp Nhứt Hạnh Niệm Phật và pháp Nhứt Thời Niệm Phật trong Kinh Hoa Nghiêm. Lại như trong Khởi Tín nói: “Chơn như Pháp thân”, và trong các Kinh nói pháp niệm Phật đồng lý nhứt tâm đây.

Sao: “Văn Thù Nhứt Hạnh” là dùng trí Bát Nhã chuyên trì danh hiệu Phật, rõ thấy văn trước. Hoa Nghiêm Nhứt Hạnh là: Ông Đức Vân Tỳ kheo dạy pháp môn niệm Phật.

Lời sớ nói: Pháp Nhứt Hạnh Tam Muội là quán xét pháp thân Phật kia, lấy lý chơn như làm cảnh thì không cảnh nào chẳng phải thật. Lại tu pháp niệm Phật tam muội, phần nhiều là ước về lối tiệm tu, nghĩa là: Trước niệm ông Phật pháp thân. Nay Kinh này một thời đồng tu, chẳng trái thứ lớp, một hạnh chớ không phải hai hạnh; một thời chớ không phải hai thời; cho nên nói tức là Lý nhứt tâm.

“Khởi Tín nói Chơn Như” là trong luận Khởi Tín nói: “Nếu ta quán xét Lý Chơn Như pháp thân Phật kia, thường siêng tu tập, rốt ráo được vãng sanh trụ nơi pháp chánh định”. Lại Kinh Ma Ha Bát Nhã nói: “Ông Bồ Tát tu niệm Phật không chấp hình sắc để niệm, hẳn đến không dùng bốn trí, 18 pháp bất cộng để niệm. Do có làm sao? Vì các pháp đó tự tánh nó vốn không. Tự tánh không thời không chỗ niệm. Không chỗ niệm đó là niệm Phật”. Lại Kinh Quán Phật Tam Muội Hải, Phật dạy ông A Nan rằng: “Trụ nơi pháp niệm Phật là tâm ấn bất hoại”. Dạy rằng: “Xét rõ tự tâm mình gọi là quán Phật, không bị cảnh làm tán loạn gọi là Tam muội. Một thể không đời gọi là tâm ấn” v.v...

Lại Kinh Xá Lợi Phất Đà La Ni nói: “Chỉ tu nhứt tâm niệm Phật đều là nghĩa Lý nhứt tâm vậy”.

Sớ: Lại tuy nói rằng nhứt tâm, thực thời trong Quán Kinh nói ba tâm, trong Khởi Tín nói ba tâm, trong luận nói ba tâm, hẳn đến trong Kinh Hoa Nghiêm nói mười tâm, trong Bảo Tích nói mười Tâm, vì không đâu chang đủ.

Lại Kinh Tịnh Danh nói tám pháp vì cũng là nhứt tâm. Ông Đức Vân nói 21 pháp niệm Phật vì cũng chang ra ngoài Lý nhứt tâm đây.

Sao: Trong Quán Kinh nói ba tâm là: 1. Chí thành tâm. 2. Thâm

tâm. 3. Hồi hướng phát nguyện tâm; cùng với ba tâm trong luận Khởi Tín tên tuy khác mà lý vẫn đồng. Bởi vì Chí Thành Tâm ấy tức là trong Khởi Tín nói: “Trực tâm chánh niệm lý Chơn Như”, mà Kinh đây nói: “Nhứt tâm bất loạn”. Lại không luống dối, lại không dòi dôi vì tùy thuận lý Chơn Như. Thâm tâm là tức như trong Khởi Tín: “Tâm ưa nhóm tất cả thiện căn”, mà Kinh đây nói: “Nhứt tâm bất loạn” vì muôn việc lành đều về nơi đó. Hồi hướng phát nguyện là như trong Khởi Tín: “Tâm độ tất cả chúng sanh”, mà Kinh đây nói:

“Nhứt tâm bất loạn” đều vì chung cả vật và ta. Trong Luận nói ba Tâm: 1. Thanh Tịnh Tâm, mà Kinh đây nói “Nhứt tâm” vì không câu nhiễm nào chẳng hết. 2. An Thanh Tịnh Tâm mà Kinh đây nói “nhứt tâm” vì lý không đâu chẳng đủ. 3. Nhạo Thanh Tịnh Tâm mà Kinh đây nói “nhứt tâm” vì lòng từ không chỗ nào chẳng thu nhiếp. Cùng với hai món ba Tâm trước, chính phối hiệp nhau vậy.

Kinh Hoa Nghiêm nói mười tâm là: Trong Bồ Tát Thập Niệm Tạng nói đủ mười pháp niệm Phật: 1. Tịch Tịnh Niệm; 2. Thanh Tịnh Niệm; nhấn đến 10 Vô chướng ngại Niệm. Kinh này nói: “Nhứt tâm thời bất động”; thế là Tịch Tịnh Niệm. Nhứt tâm thời bất nhiễm; thế là Thanh Tịnh Niệm. Nhứt tâm thời đồng với pháp giới, thế là Vô Chướng Ngại Niệm.

Kinh Bảo Tích nói mười tâm đã giải thấy ở văn trước. Văn trước nói mười tâm khó đủ, văn đây nói tâm đã đặng nhứt tâm rồi thời Từ, Bi, Hỷ, Xả, trăm nghìn món tâm, chỗ nào lại chẳng đủ.

Kinh Tịnh Danh nói tám pháp là: Vị Bồ Tát thành tựu tám pháp, hạnh không kém thiếu, được sanh về Tịnh Độ; mà pháp thứ tám lại kết

rằng: “thường dùng nhưt tâm cầu các công đức”. Kinh đây nói đã nhưt tâm thời với trăm món pháp, pháp nào mà chẳng đủ.

“Đức Vân niệm Phật môn” là: Kinh Hoa Nghiêm phẩm Nhập Pháp Giới, ngài Đức Vân tỳ kheo bảo ông Thiện Tài rằng: “Ta đặng pháp môn Úc Niệm Nhưt Thế Chư Phật Cảnh Giới Trí Huệ Quang Minh Phổ Kiến”, mà lại chia ra 21 môn niệm Phật: khởi đầu từ môn Trí Quang Phổ chiếu, rốt sau đến môn Trụ Hư Không. Nay đây bảo: Ngoài tâm không có cảnh giới, ngoài tâm không có trí chiếu và ngoài tâm không có hư không; cho nên biết 21 môn chẳng ra ngoài một Lý nhưt tâm, thấy đều cụ túc.

Trong Kinh Na Tiên nói: “Trong các việc thiện, chỉ có Nhưt tâm là đệ nhưt. Thống nhưt được tâm kia rồi thời các việc lành theo đó”, chính ý đây vậy.

Sớ: Lại vì Nhưt Tâm đây tức là hai nghĩa Tác và Thị.

Sao: Trong Quán Kinh nói: “Khi tâm tưởng Phật, thị tâm Tác Phật, thị tâm thị Phật”, nay Kinh này nói: “Nhút tâm trì danh”. Do Nhưt Tâm đây sau sẽ làm Phật. Từ nhơn đến quả gọi là “Tác”, tức Nhưt Tâm đây toàn thể là Phật. Không phải Nhơn, không phải Quả; gọi đó là “Thị” (phải).

Sớ: Lại nữa Nhưt tâm đây tức là Định Thiện trong các món Định Thiện.

Sao: “Định Thiện trong Định Thiện” là dùng Định Thiện và Tán Thiện phân ra để nói đó. Tu các thiếu thiện, thiếu phước là Tán Thiện vậy; còn nhưt tâm bất loạn là Định Thiện vậy. Lại lấy chữ “nhút tâm” mà phân Định và Tán. Sự nhưt tâm là Tán Thiện trong Định Thiện; Lý

nhứt tâm là Định Thiện trong các Định Thiện vậy.

Sớ: Lại nhứt tâm đây tức là Pháp Niệm Phật Tam Muội của ông Bồ Tát.

Sao: Hoặc có người nghi Phật nói Kinh Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội, trong đó đều không nói những câu “Tín, Nguyện, vãng sanh” v.v... chỉ nói niệm ngay lý Thật Tướng của các pháp, thế gọi là niệm Phật; tuồng như với Kinh này ý nghĩa trái nhau. Nay nói: Kinh kia là chuyên chú về Lý, Kinh này đây gồm cả Lý và Sự. Lý nhứt tâm là niệm mà vô niệm, tức là Lý thật tướng. Sớ là Kinh kia dùng vô niệm làm chánh nhập (Lý), Kinh này đây dùng hữu niệm làm xảo nhập. Chỗ tác dụng có chút khác, chớ chỗ cứu cánh vẫn đồng. Thế cho nên đồng kêu là pháp Niệm Phật Tam muội.

Sớ: Lại nhứt tâm đây tức là pháp thiên trực chỉ của Đức Đạt Ma.

Sao: Theo lời tầm thường, người nói: Các thiên giả giấu pháp Tịnh Độ. Nay nói đức Đạt Ma nói pháp Thiên, chỉ ngay nó là tự tánh linh tri của mình. Kinh này Lý nhứt tâm chính là tự tánh linh tri. Các môn đình lập ra pháp tu chẳng đồng, nhưng chỗ chứng thời không hai vậy. Hay thay lời của Ngài Trung Phong nói rằng: “Thiên đó là pháp thiên của Tịnh độ; Tịnh Độ đó là pháp Tịnh Độ của pháp Thiên vậy”; có ý vị thay nói lời này.

Hoặc có người hỏi: Pháp Thiên trực chỉ, không lập văn tự. Kinh này nói chấp trì danh hiệu, sao cho hiệp đồng? Đâu có biết Tổ truyền pháp dùng bài kệ bốn câu; ấn tâm dùng bộ Kinh bốn quyển. So với chữ danh hiệu, văn tự kia còn nhiều hơn. Sớ là chẳng phải dùng đoạn diệt văn tự là không lập vậy, nghĩa là: Không chấp văn tự mà không bỏ văn

tự. Người trí rõ đó.

Sớ: Lại nhứt tâm đây, phải biết tâm vương, tâm sở, không tâm nào chẳng nhứt.

Sao: Tâm vương, tâm sở, giải thấy văn trước. Văn đây nói tám thức tâm vương và 51 tâm sở lằng xằng chẳng đồng, lộn xộn phát khởi, mà nay nói “không tâm nào chẳng nhứt” là: Bởi do tâm vương, tâm sở tuy nhiều; nhưng ngược dòng, tốt nguồn, chẳng ra ngoài nhứt tâm. Nay người niệm Phật, ban đầu lấy nhĩ thức nghe danh hiệu Phật kia. Kế, lấy ý thức chuyên chú nhớ niệm. Do vì chuyên niệm tóm thâu sáu căn Nhãn, Tỹ, Thiệt, Thân. Như vậy sáu thức đều chẳng hiện hành. Niệm mãi không thôi, niệm tốt rồi quên chỗ gọi rằng hằng phẩm tư lương (thức thứ bảy) ấy. Cái tư lương kia lặng vậy, quên mãi không thôi, quên tốt rồi hóa (biến hoá) chỗ gọi rằng: Chơn, vọng hòa hiệp ấy, cái vọng kia tiêu vậy, thời thức thứ 7, thức thứ 8, cũng chẳng hiện hành. Ông chủ đã chẳng còn, kẻ tùy tùng nương vào đâu? Thế là 51 tâm sở kia còn lộn chi nữa. Đương khi, sóng to, sóng nhỏ đều thành nước đứng; mây đậm, mây lợt trộn hóa thành không. Bấy giờ chỉ có nhứt tâm đây, không còn một món chi khác. Cho nên không nói tâm nào chẳng nhứt vậy.

Sớ: Cho nên biết chí tâm niệm A Di Đà Phật một tiếng diệt đặng tám muôn ức đường sanh tử trọng tội; bởi vì chính chỉ cho Lý nhứt tâm vậy. Như trong Kinh Pháp Hoa Tam Muội nói.

Sao: Có người nghi hỏi: Tội đã nhiều, kiếp nặng chướng sâu, cần sám hối cho lâu, lần chứa công đức, họa may mới tiêu hết; mà nay nói

niệm Phật một tiếng diệt đặng tội nhiều kiếp, thành ra nhọn làm thì ít, được quả thì nhiều, vốn không tin nổi? Nay chỉ nói chí tâm đây tức là nhứt tâm vậy. Nếu Sự Nhứt tâm, tuy hay diệt tội, vì sức hơi yếu, tội ắt hiện lại. Phải niệm cho nhiều, chỉ khá diệt được cái tội chút đỉnh. Nhưng mà cái chí tâm đây, chính thuộc lý nhứt. Nhứt tâm đã rõ ràng thời các vọng chứa liền không. Dụ như nhà tối nghìn năm, chỉ đốt một ngọn đèn, tối kia liền diệt! Cho nên: “Một tiếng niệm Nam mô Phật đều được thành quả Phật”, chẳng những Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có nói mà trong Kinh Pháp Hoa Tam Muội Quán cũng nói: “Chúng sanh trong mười phương, một tiếng xưng niệm Nam mô Phật ấy, đều sẽ làm Phật. Chỉ có một pháp đại thừa, không có hai và ba”. Tất cả các pháp chỉ có một tướng một môn. Chỗ gọi rằng: Vô sanh, vô diệt, rốt ráo không tướng. Tập phép quán như vậy việc ngũ dục tự đoạn, mà ngũ cái tự trừ, pháp ngũ căn tăng trưởng, liền đặng phép thiền định. Giải rằng: Một tiếng niệm được thành Phật là nhứt tâm qui mạng không thể nào chẳng thành Phật. Vì lìa ngoài một tướng, một môn của tự tâm mình, lại không có pháp nào đáng làm chỗ qui y rốt ráo vắng lặng cho ta được. Quán được như vậy đó, việc ngũ dục tự đoạn; hẳn đến pháp lục độ, vạn hạnh, cũng đều thành tựu. Như trên đã nói, chẳng phải lý nhứt tâm chớ gì?

Lại Kinh Phật Danh nói: “Một phen nghe danh hiệu Phật, diệt vô lượng kiếp sanh tử trọng tội”. Một phen nghe thời chẳng đợi xưng niệm. Vô lượng thời chẳng những tám mươi tức kiếp. Nhọn càng hẹp mà quả càng rộng chẳng phải lý nhứt tâm, đâu đặng đến bực này.

Chỉ lo là lo tâm không đặng nhứt, nào lo tội kia chẳng diệt!

Sớ: Cho nên người xưa luận chỗ tri kiến chẳng khắp, nhấn đến lời biện định tâm, chuyên tâm; bởi vì chỉ đặng Sự nhứt tâm, chớ chẳng phải Lý nhứt tâm.

Sao: “Tri kiến chẳng khắp” là: Luận Hoa Nghiêm nói đại đạo nhứt thừa, chẳng phải cảnh giới của ông Bồ Tát muốn sanh về Tịnh Độ; vì lòng còn chấp Tịnh và Uế nên chỗ tri kiến chẳng khắp. Văn đây nói các vị Bồ Tát ấy chỉ cho những vị vừa đặng Sự nhứt tâm. Nếu đặng Lý nhứt, thời tỏ ngộ một cái Tâm rồi, có gì là Tịnh là Uế? Song tuy biết Lý pháp giới bình đẳng, không chúng sanh nào để độ, nhưng thường tu pháp Tịnh Độ để giáo hóa chúng sanh, chính chỗ gọi rằng: “Bực đại đạo Nhứt Thừa vậy”. Với chỗ tri kiến đâu cho khắp đủ, đâu hơn được đây.

Lại đức Phổ Hiền Bồ Tát làm trưởng tử trong hội Hoa Nghiêm chẳng phải bực Nhứt Thừa cảnh giới sao? Mà còn muốn khi lâm chung diện kiến Phật Di Đà, vãng sanh về nước An Lạc; rồi cũng nói ngài tình vẫn còn chấp Tịnh và Uế đặng ư?

“Định tâm, chuyên tâm” là: Ngài Vĩnh Minh nói: “Trong chín phẩm thượng và phẩm hạ chẳng ngoài hai tâm: 1. Định Tâm: Như tu pháp Thiền Định và tập quán tưởng, được sanh về bực thượng phẩm thượng sanh. 2. Chuyên tâm: Như chỉ niệm danh hiệu đặng thành phẩm chót (phẩm hạ). Nay Kinh này đã nói rằng: “Hễ niệm...” Một chữ “hễ” chính chỉ là đặng Sự mà thôi, vì chưa đặng Lý, có vậy.

Sớ: Cho nên biết người xưa nói: “Người ngu cầu tu pháp Tịnh nghiệp đây; chẳng những không đặng Lý nhứt tâm mà Sự nhứt tâm cũng không đặng nữa”.



Sao: Vị cổ đức nói: “Có người tham Thiền không thấy linh nghiệm, vội bỏ nhơn trước, mai chiều lần xâu chuỗi cầu tu Tịnh nghiệp. Lại nói niệm mấy tiếng Phật, muốn cho khỏi cây thiết bảng trong tay Diêm La lão tử. Chính là chỗ làm của người ngu”. Thế mà có người chấp lời nói ấy bèn sanh tâm nghi báng. Đâu có biết, lời ấy là vì người tham Thiền chí chẳng qui nhứt, bèn bỏ việc làm của mình mà nói, chớ chẳng phải chê pháp Tịnh nghiệp. Cho nên chỉ nói: “Người ngu mai chiều lần xâu chuỗi cầu tu Tịnh nghiệp”; chớ không nói người ngu mai chiều Nhứt Tâm Bất Loạn cầu tu Tịnh nghiệp đâu?

Trong Quán Kinh nói: “Hễ ai nghe danh hiệu Phật và hai vị Bồ Tát đặng diệt vô lượng sanh tử các tội, huông chi nhớ niệm”. Nhớ niệm là chỉ cho Sự nhứt tâm vậy. Thế thời đủ biết Sự nhứt tâm đã chẳng phải người ngu, huông chi là Lý nhứt?

Sớ: Cho nên biết người tu Tịnh nghiệp rồi lại bỏ tu các hạnh khác thời chẳng những chẳng biết Lý nhứt tâm mà Sự nhứt tâm cũng chưa được nữa!

Sao: Mỗi niệm, mỗi niệm đều niệm Phật, lại không còn tạp niệm, thế gọi là Nhứt Tâm. Nhứt tâm niệm Phật, rồi lại nhứt tâm tu các pháp môn khác, thế là nhị tâm. Và chẳng không tạp niệm đấy, chỉ là đặng Sự nhứt tâm; nay Sự nhứt tâm còn chưa đặng, huông gì là Lý nhứt. Cho nên người niệm Phật giữ chí không hai, chớ nhơn pháp tam muội khó thành mà vội bỏ, tu qua hạnh khác. Vị tiên Nho (Mạnh Tử) có nói: “Chẳng nên nói cái đạo làm Nhơn khó thuận thực mà đành làm cái đạo khác cho dễ thành” (42) là nghĩa đây vậy.

Sớ: Lại bốn chữ đây, nếu giải theo cách Ly và Hiệp thời với

Tương Tức nên gọi là Nhứt Tâm, với Tương Phi nên gọi là Bất Loạn.

Sao: “Tương Tức” là “tức Không, tức Giả, tức Trung” thời như văn trước đã nói. Văn đây: Năng niệm, sở niệm tức có mà không (Bát Nhã), tức không mà có (giải thoát); hai bên chẳng đặng, chính giữa cũng không còn (pháp thân). Ba đức tròn đủ, không thể phân biệt, thế gọi là Nhứt Tâm.

“Tương Phi” là: Giả chẳng phải là không, Không chẳng phải là Giả, Trung chẳng phải là Giả, là Không. Thế thời năng niệm, sở niệm đều vong, thành đức Bát Nhã. Năng niệm, sở niệm đều còn, thành đức Giải Thoát. Cũng còn cũng mất, hiển bày lý Trung Đạo, thành đức Pháp thân. Ba đức rõ ràng không đặng lộn lạo, thế gọi là Bất Loạn.

Sớ: Lại Nhứt Tâm Bất Loạn đây, cũng phân ra năm giáo. Nay không nói là do vì chính chỉ về Đốn giáo và Viên giáo.

Sao: “Cũng phân năm giáo” là: Do vì hoa sen phân làm chín phẩm thời Tiểu, Đại, Thiên, Thâm tự có sai khác (nhiều bậc), như Tiểu thừa giáo nói: “Bởi do tâm tạo nghiệp lành mà cảm hiện cảnh Tây phương trước mặt là nhứt tâm”.

Thỉ giáo nói: “Cảnh Tây phương do thức A Lại Da biến ra là nhứt tâm”.

Chung giáo nói: “Thức và cảnh như mộng, chỉ có Như Lai Tạng là nhứt tâm”.

Đốn giáo nói: “Nhiễm, tịnh đều bật là nhứt tâm”.

Viên giáo nói: “Tổng gồm vạn hữu tức là nhứt tâm”.

Nhưng đức Phật Thích Ca nói Kinh đây vốn vì kẻ hạ phàm

chúng sanh: hễ niệm danh hiệu Phật kia liền lên bực Bất Thối thẳng đến thành Phật, chính thuộc về Đốn giáo, Viên giáo. Lại Kinh này nói hột giống Nhị thừa không sanh, cho nên bớt ba giáo trước, chẳng còn phân làm năm. Với Thiên Thai nói bốn giáo cũng lệ như trên đây.

Sớ: Lại Kinh đây: Sự và Lý đều trì niệm, trong Luận Khởi Tín có đủ ý đây.

Sao: Trong Luận kia nói: “Chuyên niệm Phật A Di Đà liền đặng vãng sanh đây”. Đây là gồm cả Sự và Lý mà nói vậy. Kê nói: “Nếu niệm cái Chơn Như Pháp thân của Phật kia”, lại nói: “Tuy niệm cũng không năng niệm nào có thể niệm”; đều là chỉ cho Lý Nhứt tâm vậy.

Sớ: Lại văn đây, Sự và Lý đều trì tức là Hiển Mật hai ý.

Sao: Bốn chữ danh hiệu (A Di Đà Phật) toàn là tiếng Phạm; chỉ niệm không quên thời cùng với phép trì chú cũng đồng, thế gọi là Mật (Mật giáo). Vừa niệm vừa tham, quán tâm xét lý, thế gọi là Hiển (Hiển giáo). Chỗ lập môn có chút khác, nhưng chỗ qui nguyên thì đồng: Hiển, Mật viên thông, Sự, Lý không ngại vậy.

Sớ: Lại Kinh đây Sự và Lý đều trì tuy văn trước rõ phân chỗ thẳng và liệt. Nhưng có người chuyên về Sự, có người chuyên về Lý; cơ kia cũng lẫn thông, bất tất gì nghi ngại.

Sao: Văn đây: Chi e những người mới vừa được sự niệm, họ tự nghi rằng: Lý tánh chẳng rành, e chỗ làm của mình vô ích chẳng? Cho nên văn đây nói: Sự đặng thời Lý thông để quyết tâm nghi của người kia.

Chương Đại Thế Chí Viên Thông nói: “Cứ giữ pháp niệm Phật

đây, chẳng cần phương tiện khác, tự đặng tâm tỏ ngộ”. Ngài Không Cốc nói: “Khi niệm Phật không cần tìm coi Phật ấy là ai, cứ như vậy thuần nhứt niệm đi cũng có ngày tỏ ngộ”, thật vậy.

Lại e những người chỉ cần lý niệm, họ tự nghi rằng mình niệm danh hiệu Phật ít hoặc đến nỗi lạc về chỗ không chẳng? Cho nên văn đây nói: Lý đặng thời Sự thông để giải quyết tâm nghi người kia. Mỗi niệm mỗi niệm đều là Lý nhứt, thế là mỗi niệm mỗi niệm đều là Phật Di Đà vậy. Thế thì pháp niệm xưng danh hiệu kia chẳng phải lớn sao?

Thế cho nên: Pháp Nhiếp tâm và pháp Thễ tâm, hai pháp niệm Phật vì sự lý lẫn thông, vốn chẳng hai vậy.

Sớ: Lại Kinh đây, Sự và Lý đều trì, hoặc tiệm, hoặc tấn, hoặc đốn nhập cũng tùy cơ không nhứt định.

Sao: “Tiệm tấn” là: Những người căn hơi độn, trước phải cần về sự trì, sau mới dần dần xét đến lý.

Nếu người căn tánh đại lợi, thẳng tới chỗ lý trì gọi là đốn nhập; chỗ tác dụng có khác chút, nhưng đến chỗ thành công thì là vẫn đồng một.

Sớ: Lại dưới câu “nhứt tâm bất loạn” có bản Kinh thêm câu chuyên trì danh hiệu v.v... hai mươi một chữ. Văn đây chẳng dùng do vì văn nghĩa chẳng thành, nhưng y theo bản xưa, không thêm. Mà dùng cái ý câu “tức thị đa thiện phước”, lời ngoài bỏ vào, chắc có lẽ như vậy.

Sao: “Văn nghĩa không thành” là gì? Văn trên đã có câu chấp trì danh hiệu bốn chữ, không nên viết thêm một câu chuyên trì danh hiệu

nữa. Bởi vì trên dưới trùng lặp, không thành văn nghĩa.

Lời cữ truyền 21 chữ đây là thấy khắc trong bản đá ở đất Tương Dương. Nên biết 21 chữ đây là lời giải Kinh của người thợ trước mà bản Kinh đất Tương Dương khắc lầm vào lời chánh văn, viết lộn không phân biệt đây, những người thạo văn nghĩa sẽ tự thấy đặng.

Sớ: Xứng lý thời tự tánh chẳng phải nhớ, chẳng phải quên là nghĩa “chấp tri”. Chẳng phải nay, chẳng phải xưa là nghĩa “bảy ngày”; chẳng phải một, chẳng phải nhiều là nghĩa “nhứt tâm”. Chẳng phải định, chẳng phải loạn là nghĩa “bất loạn”.

Sao: Tự tánh vốn không sanh, không diệt, đâu có nhớ, đâu có quên. Tự tánh thể bất quá khứ vị lai, lấy gì thành nay, thành xưa. Một cũng chẳng phải một, nhiều lại nào còn. Định cũng không tương định, loạn đem gởi vào đâu? Rõ đặng như vậy, trọn ngày niệm Phật, trọn ngày niệm tâm; trọn ngày niệm tâm là trọn ngày không niệm; tức tâm tức Phật, chẳng phải, Phật chẳng phải tâm; thế mới gọi là người chơn niệm Phật vậy.

### ***QUYỂN 3E***

1. "Vui mà không đấm": Sách Luận Ngữ, đức Phu Tử nói: "Thơ Quan Thơ vui mà không đấm, thương mà chẳng hại". Lời chú: Đấm: vui quá độ mất điều chánh đáng. Hại: vì quá ưu thương mà hại nơi hòa.

2. "Thế giới mới bình": Đương đời đức Phật Phổ-Quang, ông Trì Địa Bồ Tát tu hành: bồi đắp che bằng mặt đất trên đường lộ. Đến thuở đức Tỳ Xá Như Lai, có nhà vua trong nước rước Phật chứng tiệc chay.

Bấy giờ Bồ Tát vẫn đương bình trị địa giới để đợi Phật đi qua. Như Lai đến rờ đầu Bồ Tát và dạy rằng: Phải lo bình lấy tâm địa thì tất nhiên thế giới sẽ bình theo, vì cảnh không ngoài tâm.

3. "Tâm có cao thấp": Kinh Duy Ma chép: Xá lợi Phật nói: Tôi thấy thế giới đây có gò nông, hầm hố, gai góc, cát sạn, các núi đất đá, nhơ nhớp đầy nhầy". Trừ Phạm Vương phê bình: "Đó là tự Nhơn-giả tâm còn cao thấp, không nương nơi Phật huệ; thành thử thấy thế giới này bất tịnh thế thôi". Nhơn đó, Phật dùng ngón chơn bắm xuống đất tức thì đại thiên thế giới hiện thành cõi tịnh bửu nghiêm.

4. "Ba thứ ý sanh thân": 1. Chánh thụ ý sanh thân: cái thân này sống bằng cái vui pháp tam muội, thân này thuộc về các thánh Thanh Văn. 2. Tánh ý sanh thân: sống bằng cách biết tự tánh của các pháp, thân này thuộc về các thánh Bồ Tát. 3. Vô hành tác ý sanh thân: sống bằng cách đều sống với các chủng loại, thân này thuộc về của các đức Phật.

5. "Bốn thứ tam muội": 1. Pháp tam muội thường đi: Kinh Ban Châu dạy lập một kỳ hạn 90 ngày, chuyên tâm niệm danh hiệu của Phật A Di Đà. Cũng gọi là Phật Lập tam muội, nghĩa là trong 90 ngày đó không được ngồi nằm, chỉ đứng niệm Phật. 2. Thường Tọa tam muội: Kinh Văn Thù Vấn Bát Nhã dạy rằng: chín mươi ngày làm kỳ hạn, chuyên tâm buộc về lý pháp giới, chớ không kiêu đến sự tướng, cũng gọi là Nhứt Hạnh tam muội, nghĩa là chuyên một hạnh niệm Phật bằng cách quán xét lý pháp giới. 3. Bán hành bán tọa tam muội: tu pháp này không nhứt định kỳ hạn, hoặc 21 ngày, hoặc bảy ngày, hoặc 10 ngày để niệm Phật bằng cách lạy các pháp sám Phương Đẳng, Pháp

Hoa... Ba pháp trên đồng là quán xét lý thật tướng. 4. Phi hành phi tọa tam muội: trong các Kinh về phép tu này chẳng chuyên đi và ngồi, đều thân thuộc về pháp đây, tức là tùy theo tự ý tam muội. Một pháp này chỉ thuộc sự quán.

6. "Đọa loài chim này": Nguyên trước thì đức Thích Ca và ông Điều Đạt cả hai cùng đọa làm con chim Cộng Mạng, gọi là "báo đồng thức dị", nghĩa là vẫn đồng một cái báo thân mà thức tánh lại khác nhau. Thành thử một đàn làm Điều Đạt thì ưa ngủ mãi, một đàn làm Thích Ca thì ưa thức. Bên thức nhưn kiếm được quả thơm ngon để ăn; bên ngủ thức dậy ganh ghét chỉ trích rằng: Sao lại dối ta kiếm ăn một mình và nghĩ bụng để kiếm trái độc hại đi cho rồi. Nên sau khi ăn độc quả, hai mạng đều chết luôn!

7. "Tiếng đờn người Do": Người Do tức là Tử Lộ. Đức Phu Tử nói: "Người Do khảy đờn sắt có ích gì với nhà cửa ta?" Lời chú rằng: Tiếng đờn của Do nó bất hòa, vì nghe ra nó xẵng quá, không có hòa rập với tiếng đờn của ai cả! "Tiếng nói nước Trịnh": Đức Khổng Tử nói: "Buông bỏ tiếng nói của nước Trịnh, xa lìa lời của người nịnh". Vì tiếng ấy lừa dối và tà; người ấy là miệng lời lanh lợi và hại.

8. "Huỳnh Chung, Đại Lữ": Âm nhạc có 12 tiếng luật: 6 tiếng thuộc Dương là: 1. Huỳnh Chung; 2. Thái Thốc; 3. Cô Tẩy; 4. Nhuy Tân; 5. Di Tắc; 6. Vô Dịch; 6 tiếng thuộc Âm là: 1. Đại Lữ; 2. Giáp Chung; 3. Trọng Lữ; 4. Lâm Chung; 5. Nam Lữ; 6. Ứng Chung.

9. "37 đạo phẩm": xin xem cái biểu đồ ở phần kỷ niệm sách Khánh Anh Văn Sao sẽ dễ hiểu hơn.

10. "22 căn": 1. Đức tin; 2. Tấn tới; 3. Nghĩ nhớ; 4. Lòng định;

5. Huệ sáng; 6. Lòng lo; 7. Lòng mừng; 8. Cực khổ; 9. Vui sướng; 10. Xả bỏ; 11. Nhân: mắt; 12. Nhĩ: tai; 13. Tỷ: mũi; 14. Thiệt: lưỡi; 15. Thân: mình; 16. Ý: nghĩ; 17. Nam căn: ngọc hành; 18. Nữ căn: âm hộ; 19. Căn chưa biết muốn biết; 20. Căn đã biết 21. Mạng căn và 22. Căn đủ biết.

11. "Năm món tà mạng": 1. Mong vì lợi dưỡng mà giả dối hiện ra các tướng lạ lùng như là: ngủ ngồi, ăn ớt, tịch cốc, đi đầu trần, cũ cơm ăn mì, ăn bông chuối, dị đoan, mê tín, dối gạt kẻ tín tâm, tham cầu lợi dưỡng không nghe lời cha mẹ, phản nghịch với thầy tổ bổn tông v.v... 2. Cốt vì lợi dưỡng mà tự khoe công phu đức hạnh của mình ra để người kính trọng, như là: Thánh thần mách bảo như thế nọ, Diêm chúa mời hỏi như thế kia v.v... 3. Chuyên nghề bói quẻ, coi tướng, coi số, dùng làm cơ quan thuyết pháp bằng cách cát hung, họa phước xui hên để thủ lợi. 4. Lợi dụng mưu thần chước quỷ, bùa ngải thư êm, dọa nạt hăm he, cho người khiếp sợ lo lắng. 5. Khoe nói kẻ kia dâng hộ vật kia, người nọ cúng dường món nọ, ông A có đạo tâm lắm vì đã cúng tiền mặc áo Phật, bà B có lòng thành lắm vì hằng bữa hộ đồ ăn cho chúng tăng. Quan lớn kia cả nhà được phước đức nhiều lắm vì thường ngày về chùa lạy xá lợi của Phật luôn v.v... Nói những lời ấy để cảm động lòng người, để đặng lợi dưỡng. Bởi sanh nhai bằng cách không chánh đáng, nên bảo là tà mạng, trái lại là chánh mạng.

12. "Năm ngôi": 1. Ngôi tư lương: 10 tín, 10 trụ, 10 hạnh, 10 hồi hương. 2. Ngôi gia hành: 4 căn hành. 3. Ngôi thông đạt: sơ địa nhập tâm. 4. Tu tập vị: sơ địa trụ tâm đến thập địa xuất tâm. 5. Ngôi cứu cánh: Phật vị.



Với 5 ngôi trên, có chia làm ba a tăng kỳ để chỉ rõ lối tu hơn chứng quả của 41 vị tu Phật. Xin xem cái biểu đồ ở Nguyên Nhơn Luận.

13. "Nhứt bực thập hàn": Một ngày dang nắng, 10 ngày dang lạnh, là ví dụ sự học hỏi, tu dưỡng của người, làm và nghỉ không thường. Thầy Mạnh nói: "Mặc dầu có vật để sống nhưt trong thiên hạ mà một ngày đem phơi nắng, mười ngày để dang lạnh cũng chưa có thể sống nổi. Việc tu học cũng thế! Nếu một bữa học, 5, 10 bữa không thì sự kết quả thành công cũng khó mà thành được".

14. "Ngũ dục", cũng kêu là ngũ trần: 1. Sắc; 2. Thính; 3. Hương; 4. Vị; 5. Xúc. Người đời vì 5 thứ ấy mà làm cho chơn lý bị vùi lấp đi nên gọi là trần. Lại ngũ dục là: 1. Tài. 2. Sắc. 3. Danh. 4. Thực. 5. Thụỵ miên. Người đời bị 5 món ấy nó kêu gọi lòng tham muốn nên gọi là dục. Luận Trí Độ nói: "Thương cho chúng sanh thường bị năm dục làm hại vì tham cầu không thôi. Bởi 5 dục hễ đặng thì càng khôn như lửa hơ ghè ngứa, 5 dục vô ích như chó nhả đước lửa; 5 dục thêm giành như chim giành mồi, 5 dục đốt người như cầm đước nghịch gió; 5 dục hại người như đập rắn độc, 5 dục không thật như mơ được vàng, 5 dục chẳng lâu như mượn phải trả. Người đời ngu si, quá tham 5 dục đến chết không buông nên mãi luân hồi, chịu vô lượng khổ".

15. "Tám gió": Sách Thuyết Văn chép: "Gió đông là gió minh thứ, gió đông nam là gió thanh minh; gió nam là gió cảnh; gió tây nam là gió lương; gió tây là gió xương hợp; gió tây bắc là gió bất châu; gió bắc là gió quảng mịch; gió đông bắc là gió dung điều".

16. "Tám thứ gió thanh": Là gió trong của tám phương: 4

phương 4 góc. Kinh Quán vô Lượng Thọ nói: “Tám thứ gió trong từ ánh sáng ra”. Tổ Thiên Thai nói: “8 thứ gió ấy, bên Tịnh Độ hẳn không thời tiết” v.v...

17. "Diệt Tận Định": Tiếng Phạm Nirodhasamàpatti. Lại tên là diệt Thụ Tướng Định, là pháp thiền định diệt hết tâm sở, tâm vương của thức thứ 6, không cho nó phát khởi hiện hành. Các Thánh đã chứng quả Bất Hườn nhẫn lên, vì mượn cái tướng vào Niết Bàn nên vào tu cái định này, rất lâu là ngồi định luôn 7 ngày, thuộc về cảnh giới trời Phi Tướng. Còn chúng ngoại đạo tu vào cái định vô tâm, gọi là vô tướng, thuộc về trời Tứ Thiên. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, cuốn 2 nói: “Diệt tận định ấy là các thánh nhơn lo vì cái tâm nó lao lự lắm nên tạm dứt cái tâm thức đi, để đặng cái pháp hữu vi phi sắc tâm bỏ vào chỗ tâm, nghĩa là diệt hết cái thụ tâm sở, cái tướng tâm sở nên gọi là Diệt Thụ Tướng Định”.

18. "Trống trời": Kinh Hoa Nghiêm nói: “Các đức Chúa Trời ở cõi Tam Thập Tam thiên, lúc nào đắm say 5 thứ dục lạc, phóng túng tánh tình thì cái trống trời nó thốt tiếng ra, để rao báo các Chúa Trời rằng: Cái vui ấy là vô thường, vì vui là cái nhơn sẽ đưa đến cái khổ; vậy chớ nên buông lung”.

19. "Tiếng sấm rềnng báu": Lôi âm tử như cung trời Đao Lợi; bảo lâm so như trống trời cũng là cảnh vật nói pháp để cảnh tỉnh trời người.

20. "Công đức và tánh công đức": Hư không công đức ấy. Luận Vãng Sanh lời tụng rằng: “Vô lượng báu lẫn sâu, lưới giăng giữa hư không, mỗi thứ linh reo lên tiếng, kêu ra tiếng pháp rất hay”. Tánh

công đức ấy, lời tụng rằng: “Đạo chánh, từ bi lớn, vì sản xuất các căn lành”.

21. "...vô biên quang": Kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức Vô Lượng Thọ Phật có uy thần quang minh là bức nhứt... thế nên đức Vô Lượng Thọ Phật hiệu là: Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Diệm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật và Siêu Nhứt Nguyệt Quang Phật. Cả 12 Phật trên đều là mỗi tên hiệu riêng của đức Phật A Di Đà.

22. "Số thọ trăm năm": Cái thời kỳ Phật Thích Ca ra đời nhằm kiếp giảm của tiểu kiếp thứ 9. Bảy giờ số trung bình tuổi sống mỗi người là một trăm tuổi; từ đó về sau: Cứ một trăm năm là giảm 1 tuổi... đến nay đã giảm mất 25 năm rồi vì từ Phật ra đời đến nay đã trải qua là 2516 năm, thế thì hiện nay (năm Quý Tỵ 1953) số trung bình mỗi người còn được 75 tuổi.

23. "8 vạn tuổi": Là số thiếu của "8 vạn 4 nghìn". Với giữa thời kỳ tăng lấy tuổi sống của mỗi người đủ 8 vạn 4 nghìn tuổi là rất dài; lấy tuổi sống của mỗi người còn 10 tuổi là rất ngắn.

Luận Cu Xá nói: “Từ 10 tuổi đến 8 vạn, lại từ 8 vạn đến 10 tuổi. Như tiểu kiếp thứ chín này, về thời kỳ giảm, thưở con người sống còn 60.000 tuổi là cái thời Phật Câu Lưu Tôn ra đời.... Cứ giảm xuống 100 năm là giảm 1 tuổi... mãi xuống thưở mà con người sống còn 100 tuổi là cái thời Phật Thích Ca ra đời. Luân Vương ra đời nhằm thưở người sống đủ 8 vạn 4 nghìn tuổi, vì là thời tăng, đọc theo tiếng Phạm

Cakravartiraja, dịch: Chuyển Luân Thánh Vương. Luận Cu Xá cuốn 12 nói: “Châu Nam Diêm Phù Đề này về thời tăng, con người sống đủ 8 vạn tuổi. Bấy giờ có vị Chuyển Luân Thánh Vương ra đời, thân có 32 tướng tốt. Từ 8 vạn 4 ngàn tuổi của mỗi người sống là cái thời của Luân Vương ra đời; đến thời giảm: từ mỗi người sống còn chỉ tám vạn tuổi sắp xuống đến chỉ còn 10 tuổi. Trong thời gian đó chẳng có Luân Vương vì những hạnh phúc giàu, vui, sống lâu của chúng sanh ở thế giới này đều bị tổn giảm mà độc ác phiền não càng tăng thịnh, phi căn khí của đại nhơn, nên không có Luân Vương ra đời.

Thiên Đế Thích: Trời này ở trên đỉnh núi Tu Di, thân tướng dài một do tuần, sống lâu một ngàn tuổi, một ngày ở đây bằng một trăm năm ở dưới nhân gian.

24. "Pháp vương": Pháp là vạn pháp, Vương là tự tại. Đối với vạn pháp, Phật đều sáng suốt, tự tại vì không còn một pháp nào làm chướng ngại nên gọi Pháp Vương. Kinh Duy Ma phẩm Phật Quốc nói: “Đối với các pháp được tự tại, thế nên cúi đầu lạy thánh nhơn ngôi tốt gọi là Pháp Vương”. Phạm nhơn ngôi tốt gọi là Luân vương.

25. "Số tăng kỳ": Đọc đủ là A Tăng Kỳ, dịch: vô số, tiếng Phạm. Asanikhya. Cách đếm: muôn muôn là một vẹo (ức), muôn vẹo là triệu. Một A Tăng Kỳ là: một ngàn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn muôn triệu. Tiếng Phạn lại là: Asamikhyya tức là 100.000.000.000. 000.000.000.000.000.

26. "10 con số lớn": Chưa kịp thấy, xin nhờ vị nào rộng thấy bỏ cho.

27. "Số lạc xoa", tiếng Phạn: Laksa. Một lạc xoa là 10 vạn. Một

trăm lạc xoa là một cu chi, cu chi có 3 hạng: một là mười vạn; hai là trăm vạn; 3 là nghìn vạn.

28. "Số vô lượng": Sách Nhiếp Đại Thừa Luận Thích cuốn 8 nói: Không thể sánh vì để biết đặng là vô lượng, vì quá nhiều quá lớn, chẳng kể lường. Một vô lượng là 100.000.000.000.000.000.000.000.000.000.

29. "Ta Bà 1 kiếp, Cực Lạc 1 ngày đêm": Kiếp có 3 hạng: 1. Tiểu kiếp kể có 16 triệu năm (16.000.000 năm). 2. Trung kiếp kể có 3 trăm hai chục triệu năm (320.000.000 năm). 3. Đại kiếp: kể có một nghìn 2 trăm 80 triệu năm.

30. "Một Đại kiếp": Kể có 1.280.000.000 năm.

31. "Con cháu Vương lão sư": Uy Âm Vương Phật là đức Phật trước nhứt ra đời thưở không kiếp mới thành; còn về trước thì chưa có Phật xuất thế, nên chỉ trong Tông môn chỉ về chỗ trước nhứt là nói rằng Uy Âm Na Bàn nghĩa là trước Phật Uy Âm, đó là chỉ chỗ thật lý. Về sau Phật Uy Âm, đó là chỉ môn Phật sự. Đây là mượn để tỷ dụ về chỗ rõ đạo, ngộ biết rằng chỗ sở đắc chẳng từ nơi ai. Nghĩa là sở đắc ấy cực kỳ lâu xa trước hơn hết. Vì cho Phật tánh là cái có từ trước, còn Phật sự là việc ở sau.

Vương Lão Sư: Đất Trì Châu Nam Tuyền, ngài Phổ Nguyên Thiên Sư họ Vương, thường tự xưng là Vương Lão Sư. Ngài Hoàng Bá đến tham học nơi Nam Tuyền, bữa nọ đến thời cơm trưa, bung bình bát tới trước ngồi lên chỗ ngồi của Nam Tuyền. Nam Tuyền tới sau, thấy thế hỏi: „Trưởng lão này hành đạo tu trong khoảng năm nào?’ Sư Hoàng Bá đáp: „Trước Phật Uy Âm’. Nam Tuyền bình rằng: „Cũng

còn là con cháu của Vương Lão Sư này! Vì là cái chỗ ta đã ngồi từ trước rồi' (Nếu hiệp về lý tánh thì Phật tánh sẵn có từ vô thủy, không những từ Uy Âm ra đời).

32. "Ô Ba Ni Sát Đàm": Tiếng Phạn Upanisad, dịch: Gàn ít, rất nhỏ, là một con số đã cùng cực; Đại Luận dịch là "vi tế phân", là phân tích đã đến chỗ tột, còn số Lô Hư nữa là hết.

33. "Xóm Trang Nhạc": Đối với Đới Bất Thắng, thầy Mạnh bảo rằng:

"Ở tại nước Sở, quan đại phu muốn cho con mình nói tiếng nước Tề, vậy khiến người nước Tề dạy nó nói, hay là sai người nước Sở dạy nó nói ư?"

"Sai người nước Tề dạy nó nói".

"Chỉ có một người nước Tề dạy nó học nói tiếng nước Tề, mà chung quanh nó phần nhiều là người nước Sở, hằng giờ toàn nói tiếng nước Sở thì dù cho hằng ngày đánh để buộc nó nói tiếng nước Tề cũng chẳng thể được. Còn như đem nó để ở giữa xóm Trang Nhạc bên nước Tề chừng vài năm, dù mỗi ngày đánh buộc nó không nói cũng không thể đặng". Tỷ rằng chúng sanh vắng ở giữa nhóm chư thượng thiện nhơn thì đã dễ lại mau thành bực người bên nước Cự Lạc.

34. "Vô ương số": do tiếng "A Tăng Kỳ" mà dịch là Vô hoặc dịch là Vô Ương. Vô ương cũng như vô tận tức là vô cùng tận.

35. "Bần mẫu sanh lên": Thuở xưa có một cụ già, hết sức nghèo khổ, đến đổi không có cái chòi để che thân nên thường vùi núp nơi đồng cỏ rác của chúng nhơn ở chợ đem đồ bỏ. Hằng ngày đi kiếm đồ

đư thừa cặn cẩu của nhơn dân vớt bỏ đem về ăn!

Tổ Ca Diếp thấy thương muốn tạo phước cho nên đến xin vật ăn. Bần mẫu đem đồ cặn bã mới lượm về dâng cho Tổ. Tôn giả hỏi: „Bà nguyện được chi?’ Bà lão thưa rằng: „Già này chỉ muốn trả rồi kiếp nghèo khổ là được siêu sanh lên cõi trời, là chí nguyện thế thôi’.Vài ngày sau bà mãn phần, thần thức được sanh lên cõi trời Đao Lợi, hưởng phúc hơn các trời trong cõi đó.

36. "Nhạc thân trị ngục": Vua nước Tỳ Sa đánh với vua nước Duy Đà Thi, nhưng vũ lực chẳng bằng, phải bại trận. Nghĩ giận mà thề rằng: Qua đời sau ta làm Diêm chúa nơi địa ngục để trị bọn quân thù đó. Còn 18 vị đại thần kia cũng đồng nguyện như thế để theo giúp việc. Hiện nay Diêm chúa ở địa ngục đó tức là vua nước Tỳ Sa trước kia; còn 18 vị chủ ngục hiện nay cũng nguyên là 18 quan đại tướng quân trước đó. Đó là tỳ nguyện v.v...

37. "Hiệp như phù tiết": Thầy Mạnh bàn rằng: “Chỗ đặc chí của vua Thuấn, vua Văn Vương được thi hành nơi Trung Quốc. Nó phù hợp nhau như cái ấn tiết”. Phù tiết làm bằng ngọc, hoặc tròn hay vuông theo ý định của đôi bên, giữa thì khắc chữ bằng thứ chữ triện xưa, rồi phân ra làm hai, mỗi bên cầm giữ một nửa. Sau mỗi khi có tờ giấy gửi qua lại, đóng con dấu ấy, đem so mà đôi bên nó đều vừa vện in hích với nhau, thế là tin rằng thật sự của đôi bên, khỏi bị giả mạo, nên nói “hiệp như phù tiết”, nghĩa là hợp đồng với nhau.

38. "Cùng tử": Một dụ trong 7 dụ của Kinh Pháp Hoa. Cả chúng sanh 3 giới tử như kẻ cùng tử vì chẳng có của cải bằng pháp tài công đức. Kinh Pháp Hoa phẩm Tín Giải nói: Thí như người lúc tuổi còn

nhỏ bỏ cha trốn đi, ở lâu nước khác. Bốn năm chục năm, đến lúc đã lớn, càng thêm cùng khổ, rong ruổi 4 phương để van xin ăn mặc... Bài thí dụ ấy, bọn 4 người giữa ông Tu Bồ Đề... là 4 thánh Thỉnh Văn sau khi lãnh được công đức Đại thừa, mới tự nói tử mình như cùng tử... Kinh Lăng Nghiêm cuốn nhứt nói tử như cùng tử bỏ cha trốn đi. Ông Lưu Thủy giải lời sớ rằng: “Hắn không công đức pháp tài để nuôi pháp thân huệ mạng nên gọi cùng tử!”

39-40. "Long môn, Dinh Châu": Bên nước Tàu, đời Đông Hán có ông Lý Ứng là người chuộng cái khí tiết thanh bạch cao thượng, ít giao thiệp với ai. Người nào mà được ông thu nạp, họ lấy làm vinh diệu như được lên chôn Long Môn; tử dụ người có danh vọng rất cao cả là Long Môn. Thư của Lý Thái Bạch dâng cho Hàn Kinh Châu có 2 câu: “Nhứt đặng Long Môn giá trọng bách bội!” Đời Đường vua Thái Tông mở cái quán Hằng Văn, dùng các ông Đỗ như Hối, Ngô thế Nam, Chử toại Lương... cả 18 người làm chức học sĩ. Người ta khen tặng là rất vinh hạnh, vì được tuyển vào. Dinh Châu là hòn núi giữa biển Đông. Sử Ký nói: “Giữa biển có 3 núi thần tiên là Bồng Lai, Phương Trượng và Dinh Châu” (các hòn đảo nước Nhật Bản ngày nay) mà người Tàu xưa cho là chỗ ở của các ông tiên biết bay!

41. "Cầu vào hội Liên Lục": Ngài Trường Lô Trách thiên sư hiệu triệu tổ chức thành lập lên hội Liên Hoa Thắng để phổ khuyến niệm Phật. Ban đêm ông nằm mộng: có người khăn đen áo trắng, vóc dạng thanh tốt, chấp tay thưa rằng: “Xin cho tôi vào Liên Hoa Thắng hội của ngài”. Thiên sư hỏi: “Tên chi?” “Phổ Huệ”. Biên rồi. “Gia huynh tôi là Phổ Hiền cũng nhờ ngài biên vào”. Đến chùng thức giấc dậy,



thiền sư nhớ lại trong phẩm Ly Thế Gian của Kinh Hoa Nghiêm có danh đức của hai vị Bồ Tát ấy, thành thử đem hai đức Bồ Tát đứng đầu hội.

"Chọn xóm có ngon": Sách Luận Ngữ, đức Phu Tử nói: "Xóm nào mà nhân dân lòng đều có ngon mới là thuần phong mỹ tục; người mà chẳng chọn chỗ ở có điều ngon thì đâu phải là có trí!"

42. "Đạo ngon khó thực, đạo khác khó thành": Với ngũ cốc là thứ giống rất tốt vì loài người sống nhờ nó, nên đã tặng cho nó một danh rất quý báu là "hột ngọc"! Thế mà, nếu với việc làm mùa không chuyên thực, thì trái lại, nó chẳng bằng giống Đề Bái là thứ lúa lép, lúa ma! Ôi! Với việc tu ngon cũng thế: Cốt tu làm sao cho được chuyên thực đó mà thôi!? Chớ đừng tưởng rằng: Với cái đạo tu ngon cho là khó chuyên thực rồi bỏ đi, lại tính tu qua cái đạo gì khác cho có thành. Ý là: Tu trì danh niệm Phật khó chuyên thực rồi thôi đi, để tu pháp gì khác cho mau thành! Thì ra người như thế đó, dù tu học cái gì cũng bất thành! Vì với cái nọ đã lam nham thì dầu cái kia cũng trật vuột như nhau!